



DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA - NĂM HỌC 2026-2027

Học sinh theo dõi phòng kiểm tra tương ứng với từng môn học.

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
1	10	10A1	01010001	Hà Phương Anh	12/05/2011	Nữ	2	2	2	2		1	1		1	1		
2	10	10A1	01010002	Lê Phương Anh	12/10/2011	Nữ	2	2	2	2		2	1		1	1		
3	10	10A1	01010003	Lê Thanh Danh	02/01/2011	Nam	4	4	4	3		3	3		3	2		
4	10	10A1	01010004	Bùi Thiện Đạt	25/05/2011	Nam	4	4	4	4		3	3		3	2		
5	10	10A1	01010005	Huỳnh Ngọc Diệp	08/02/2011	Nữ	4	4	4	4		4	3		3	3		
6	10	10A1	01010006	Hứa Thái Duy	13/01/2011	Nam	5	5	5	5		4	3		3	3		
7	10	10A1	01010007	Dương Kiều Nhật Hạ	15/01/2011	Nữ	5	5	5	5		5	4		4	3		
8	10	10A1	01010008	Nguyễn Minh Hiếu	13/02/2011	Nam	6	6	6	6		5	4		4	4		
9	10	10A1	01010009	Ngô Khánh Hưng	12/03/2011	Nam	6	6	6	6		6	4		4	4		
10	10	10A1	01010010	Lý Minh Huy	07/01/2011	Nam	7	7	7	7		6	5		5	4		
11	10	10A1	01010011	Lê Nhựt Quang Huy	05/12/2011	Nam	7	7	7	7		6	5		5	4		
12	10	10A1	01010012	Võ Phan Duy Khoa	02/12/2011	Nam	8	8	8	8		7	6		5	5		
13	10	10A1	01010013	Phạm Minh Khôi	18/09/2011	Nam	9	9	9	8		8	6		6	5		
14	10	10A1	01010014	Nguyễn Tuấn Kiệt	07/02/2011	Nam	9	9	9	9		8	7		6	5		
15	10	10A1	01010015	Mai Nguyễn Hoàng Linh	29/01/2011	Nam	10	10	10	9		9	7		6	6		
16	10	10A1	01010016	Hồ Nguyễn Minh Lộc	28/09/2011	Nam	10	10	10	10		9	7		7	6		
17	10	10A1	01010017	Nhan Minh Luân	04/07/2011	Nam	10	10	10	10		9	8		7	6		
18	10	10A1	01010018	Trần Lê Ngọc Minh	09/08/2011	Nữ	11	11	11	10		9	8		7	6		
19	10	10A1	01010019	Huỳnh Nguyễn Nhật Minh	24/05/2011	Nam	11	11	11	10		9	8		7	6		
20	10	10A1	01010020	Lê Gia Nghi	04/10/2011	Nữ	12	12	12	12		11	9		8	7		
21	10	10A1	01010021	Đoàn Bảo Ngọc	13/06/2011	Nữ	13	13	13	12		11	9		8	7		
22	10	10A1	01010022	Huỳnh Thùy Khánh Ngọc	11/03/2011	Nữ	13	13	13	12		11	9		8	7		
23	10	10A1	01010023	Nguyễn Lê Thanh Nguyên	02/08/2011	Nữ	13	13	13	13		11	10		8	7		
24	10	10A1	01010024	Nguyễn Minh Nhật	07/04/2011	Nam	13	13	13	13		12	10		8	8		
25	10	10A1	01010025	Lâm Hiếu Nhi	02/04/2011	Nữ	13	13	13	13		12	10		9	8		

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPL	Tin	CN
26	10	10A1	01010026	Lâm Thanh Nhi	28/07/2011	Nữ	13	13	13	13		12	10		9	8		
27	10	10A1	01010027	Trần Ngọc Khánh Như	25/07/2011	Nữ	14	14	14	13		12	10		9	8		
28	10	10A1	01010028	Đào Phạm Trang Nhung	28/12/2011	Nữ	14	14	14	13		12	10		9	8		
29	10	10A1	01010029	Lê Minh Phát	03/06/2011	Nam	14	14	14	13		12	10		9	8		
30	10	10A1	01010030	Nguyễn Hữu Phúc	06/06/2011	Nam	15	15	15	14		13	11		9	9		
31	10	10A1	01010031	Đỗ Như Quỳnh	31/01/2011	Nữ	16	16	16	15		14	12		10	9		
32	10	10A1	01010032	Phan Thị Nguyệt Thanh	21/05/2011	Nữ	17	17	17	16		14	12		11	9		
33	10	10A1	01010033	Đặng Phương Thảo	14/05/2011	Nữ	17	17	17	16		15	12		11	10		
34	10	10A1	01010034	Ngô Phước Thiện	07/09/2011	Nam	17	17	17	16		15	13		11	10		
35	10	10A1	01010035	Phạm Hoàng Thông	22/08/2011	Nam	17	17	17	17		15	13		11	10		
36	10	10A1	01010036	Lý Huỳnh Phương Thư	12/03/2011	Nữ	18	18	18	17		15	13		11	10		
37	10	10A1	01010037	Nguyễn Hồng Thuận	13/12/2011	Nam	18	18	18	17		16	13		11	10		
38	10	10A1	01010038	Nguyễn Hoài Thương	08/08/2011	Nữ	18	18	18	17		16	13		12	10		
39	10	10A1	01010039	Phạm Xuân Tiến	30/04/2011	Nam	19	19	19	18		16	14		12	11		
40	10	10A1	01010040	Nguyễn Văn Trọng	06/01/2011	Nam	20	20	20	19		17	14		12	11		
41	10	10A10	01010041	Trịnh Kim Anh	30/09/2011	Nữ	1	1	1	1		1			1	1	1	
42	10	10A10	01010042	Huỳnh Minh Anh	11/07/2011	Nữ	1	1	1	1		1			1	1	1	
43	10	10A10	01010043	Trần Như Quỳnh Anh	16/06/2011	Nữ	2	2	2	2		2			2	2	1	
44	10	10A10	01010044	Nguyễn Trần Mỹ Chi	17/02/2011	Nữ	3	3	3	3		3			2	2	2	
45	10	10A10	01010045	Trịnh Thành Danh	17/07/2011	Nam	4	4	4	4		3			3	2	3	
46	10	10A10	01010046	Đinh Lâm Khánh Dương	31/07/2011	Nữ	5	5	5	4		4			3	3	3	
47	10	10A10	01010047	Bùi Trần Thế Hào	07/07/2011	Nam	6	6	6	6		5			4	3	4	
48	10	10A10	01010048	Quan Quốc Hùng	24/04/2011	Nam	7	7	7	6		6			4	4	4	
49	10	10A10	01010049	Võ Khắc Huy	25/06/2011	Nam	7	7	7	7		6			5	4	5	
50	10	10A10	01010050	Dương Khánh Huy	13/01/2011	Nam	7	7	7	7		6			5	4	5	
51	10	10A10	01010051	Trần Tường Khải	25/11/2011	Nam	7	7	7	7		7			5	4	5	
52	10	10A10	01010052	Nguyễn Trường Khang	16/07/2011	Nam	8	8	8	7		7			5	4	5	
53	10	10A10	01010053	Lý Lan Khánh	29/08/2011	Nữ	8	8	8	7		7			5	4	5	
54	10	10A10	01010054	Huỳnh Nguyễn Đăng Khoa	12/10/2011	Nam	8	8	8	8		7			5	5	6	
55	10	10A10	01010055	Huỳnh Anh Khôi	11/04/2011	Nam	8	8	8	8		7			5	5	6	
56	10	10A10	01010056	Vũ Minh Khôi	03/09/2011	Nam	9	9	9	9		8			6	5	6	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPL	Tin	CN
57	10	10A10	01010057	Huỳnh Tường Lam	20/04/2011	Nữ	9	9	9	9		8			6	5	6	
58	10	10A10	01010058	Đinh Ngọc Phương Linh	23/09/2011	Nữ	10	10	10	10		9			6	6	7	
59	10	10A10	01010059	Trần Giang Minh	09/09/2011	Nữ	11	11	11	10		9			7	6	7	
60	10	10A10	01010060	Lê Hoàng Nam	09/04/2011	Nam	11	11	11	11		10			7	6	7	
61	10	10A10	01010061	Nguyễn Hoàng Phương Nga	31/10/2011	Nữ	11	11	11	11		10			7	6	8	
62	10	10A10	01010062	Nguyễn Ngọc Bích Ngân	18/05/2011	Nữ	11	11	11	11		10			7	7	8	
63	10	10A10	01010063	Huỳnh Thanh Ngân	04/08/2011	Nữ	12	12	12	12		10			8	7	8	
64	10	10A10	01010064	Tăng Danh Nghĩa	10/07/2011	Nam	12	12	12	12		11			8	7	8	
65	10	10A10	01010065	Bùi Lê Khánh Ngọc	16/09/2011	Nữ	13	13	13	12		11			8	7	8	
66	10	10A10	01010066	Huỳnh Lữ Khôi Nguyên	11/10/2011	Nam	13	13	13	13		11			8	7	9	
67	10	10A10	01010067	Đặng Lê Ái Nhi	15/11/2011	Nữ	13	13	13	13		12			9	8	9	
68	10	10A10	01010068	Nguyễn Duy Phát	11/02/2011	Nam	14	14	14	13		12			9	8	9	
69	10	10A10	01010069	Võ Quan Phú	20/11/2011	Nam	14	14	14	14		13			9	8	9	
70	10	10A10	01010070	Nguyễn Khắc Huy Phương	10/11/2011	Nam	15	15	15	14		13			10	9	10	
71	10	10A10	01010071	Trần Ngọc Khánh Phương	13/08/2011	Nữ	15	15	15	15		13			10	9	10	
72	10	10A10	01010072	Lê Như Quỳnh	14/04/2011	Nữ	16	16	16	15		14			10	9	10	
73	10	10A10	01010073	Trần Thị Mỹ Tâm	18/04/2011	Nữ	16	16	16	16		14			10	9	11	
74	10	10A10	01010074	Đỗ Anh Thư	03/09/2011	Nữ	17	17	17	17		15			11	10	11	
75	10	10A10	01010075	Tô Anh Thư	12/08/2009	Nữ	18	18	18	17		15			11	10	11	
76	10	10A10	01010076	Hồ Nhã Thy	12/09/2009	Nữ	18	18	18	18		16			12	11	12	
77	10	10A10	01010077	Trần Tấn Vinh	26/05/2011	Nam	20	20	20	19		18			13	12	13	
78	10	10A10	01010078	Nguyễn Thị Hiếu Vy	12/04/2011	Nữ	20	20	20	20		18			13	12	14	
79	10	10A10	01010079	Đặng Lê Khánh Vy	22/08/2011	Nữ	20	20	20	20		18			13	12	14	
80	10	10A10	01010080	Hồ Ngọc Yến	27/06/2011	Nữ	21	21	21	20		18			13	12	14	
81	10	10A11	01010081	Nguyễn Đức An	28/10/2011	Nam	1	1	1	1		1			1	1	1	
82	10	10A11	01010082	Trần Trường An	04/05/2011	Nam	1	1	1		21	1			1	1	1	
83	10	10A11	01010083	Nguyễn Ngọc Như Anh	05/01/2011	Nữ	2	2	2	1		1			1	1	1	
84	10	10A11	01010084	Hồ Quỳnh Anh	20/04/2011	Nữ	2	2	2	2		2			1	2	1	
85	10	10A11	01010085	Ngô Lâm Quỳnh Anh	02/12/2011	Nữ	2	2	2	2		2			2	2	1	
86	10	10A11	01010086	Uông Gia Bảo	15/04/2011	Nam	3	3	3	2		2			2	2	2	
87	10	10A11	01010087	Trần Bảo Châu	07/11/2011	Nữ	3	3	3	3		3			2	2	2	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
88	10	10A11	01010088	Lê Hoàng Huân Chương	02/09/2011	Nam	3	3	3	3		3			2	2	2	
89	10	10A11	01010089	Bùi Quốc Điền	20/10/2011	Nam	4	4	4	4		4			3	3	3	
90	10	10A11	01010090	Phùng Bảo Duy	28/05/2011	Nam	5	5	5		21	4			3	3	3	
91	10	10A11	01010091	Nguyễn Lê Khánh Giang	19/01/2011	Nữ	5	5	5	5		4			3	3	3	
92	10	10A11	01010092	Nguyễn Thị Kim Hạnh	10/04/2011	Nữ	6	6	6	5		5			4	3	4	
93	10	10A11	01010093	Phạm Minh Khoa	12/07/2011	Nam	8	8	8	8		7			5	5	6	
94	10	10A11	01010094	Nguyễn Duy Khôi	17/07/2011	Nam	9	9	9	8		7			6	5	6	
95	10	10A11	01010095	Lê Hoàng Khánh Linh	13/11/2011	Nữ	10	10	10	9		9			6	6	6	
96	10	10A11	01010096	Lê Quốc Long	06/05/2011	Nam	10	10	10	10		9			7	6	7	
97	10	10A11	01010097	Đinh Hoàng Minh	28/10/2011	Nam	11	11	11	10		9			7	6	7	
98	10	10A11	01010098	Mai Thảo Ngân	23/06/2011	Nữ	12	12	12	12		11			8	7	8	
99	10	10A11	01010099	Võ Hữu Nhân	11/05/2011	Nam	13	13	13	13		11			8	8	9	
100	10	10A11	01010100	Nguyễn Hoàng Phi	09/05/2011	Nam	14	14	14	14		12			9	8	9	
101	10	10A11	01010101	Nguyễn Xuân Gia Phú	11/11/2011	Nam	14	14	14	14		12			9	8	9	
102	10	10A11	01010102	Hồ Bảo Phúc	21/02/2011	Nam	15	15	15		21	13			9	8	10	
103	10	10A11	01010103	Nguyễn Vũ Phương	26/04/2011	Nam	15	15	15	15		13			10	9	10	
104	10	10A11	01010104	Trần Trúc Quỳnh	25/05/2011	Nữ	16	16	16	15		14			10	9	10	
105	10	10A11	01010105	Nguyễn Ngọc Tâm	19/08/2011	Nữ	16	16	16	16		14			10	9	11	
106	10	10A11	01010106	Phạm Hoàng Thiện	30/08/2011	Nam	17	17	17	16		15			11	10	11	
107	10	10A11	01010107	Lý Phước Thịnh	11/01/2011	Nam	17	17	17	17		15			11	10	11	
108	10	10A11	01010108	Nguyễn Xuân Thùy	18/05/2011	Nữ	18	18	18	17		16			12	10	12	
109	10	10A11	01010109	Nguyễn Bảo Trân	05/04/2011	Nữ	19	19	19	18		16			12	11	12	
110	10	10A11	01010110	Đào Nguyễn Hà Trang	23/05/2011	Nữ	19	19	19	18		16			12	11	12	
111	10	10A11	01010111	Lê Hữu Trọng	24/02/2011	Nam	19	19	19		21	17			12	11	13	
112	10	10A11	01010112	Phan Nguyên Tuấn	10/01/2011	Nam	20	20	20	19		17			13	11	13	
113	10	10A11	01010113	Đặng Cát Tường	29/10/2011	Nữ	20	20	20	19		17			13	12	13	
114	10	10A11	01010114	Hoàng Ngọc Cát Tường	28/03/2011	Nữ	20	20	20	19		17			13	12	13	
115	10	10A11	01010115	Nguyễn Phan Thế Vinh	14/09/2011	Nam	20	20	20	19		18			13	12	13	
116	10	10A11	01010116	Nghiêm Nguyễn Khả Vy	15/11/2011	Nữ	20	20	20	20		18			13	12	14	
117	10	10A11	01010117	Tạ Phương Vy	01/09/2011	Nữ	21	21	21	20		18			13	12	14	
118	10	10A11	01010118	Huỳnh Hải Yến	01/01/2011	Nữ	21	21	21		21	18			13	12	14	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPL	Tin	CN
119	10	10A11	01010119	Nguyễn Ngọc Hải Yến	28/04/2011	Nữ	21	21	21	20		18			13	12	14	
120	10	10A11	01010120	Lâm Kim Yến	29/05/2011	Nữ	21	21	21	20		18			13	12	14	
121	10	10A12	01010121	Nguyễn Thúy An	08/11/2011	Nữ	1	1	1	1		1			1	1		1
122	10	10A12	01010122	Phan Ngọc Lan Anh	11/01/2011	Nữ	1	1	1	1		1			1	1		1
123	10	10A12	01010123	Phan Thị Mai Anh	15/01/2011	Nữ	1	1	1	1		1			1	1		1
124	10	10A12	01010124	Đỗ Minh Anh	19/08/2011	Nữ	1	1	1	1		1			1	1		1
125	10	10A12	01010125	Tiêu Nhựt Anh	19/01/2011	Nữ	2	2	2	2		1			1	1		1
126	10	10A12	01010126	Nguyễn Quế Anh	20/11/2011	Nữ	2	2	2	2		2			1	2		1
127	10	10A12	01010127	Nguyễn Khắc Tâm Anh	30/12/2011	Nữ	2	2	2	2		2			2	2		1
128	10	10A12	01010128	Phạm Gia Bảo	26/09/2011	Nam	3	3	3	2		2			2	2		1
129	10	10A12	01010129	Nguyễn Thành Đạt	18/04/2011	Nam	4	4	4	4		3			3	2		2
130	10	10A12	01010130	Nguyễn Tiến Đạt	25/04/2011	Nam	4	4	4	4		3			3	2		2
131	10	10A12	01010131	Khuu Minh Đức	25/10/2011	Nam	4	4	4	4		4			3	3		2
132	10	10A12	01010132	Trần Hồng Gấm	12/03/2011	Nữ	5	5	5	5		4			3	3		2
133	10	10A12	01010133	Lý Nguyễn Gia Hân	22/12/2011	Nữ	5	5	5	5		5			4	3		2
134	10	10A12	01010134	Trần Thanh Hậu	22/09/2011	Nam	6	6	6	6		5			4	3		2
135	10	10A12	01010135	Ngô Việt Hiếu	26/06/2011	Nam	6	6	6	6		5			4	4		3
136	10	10A12	01010136	Đỗ Thị Ngọc Hoa	27/12/2011	Nữ	6	6	6	6		5			4	4		3
137	10	10A12	01010137	Trần Thị Xuân Hoa	03/02/2011	Nữ	6	6	6	6		5			4	4		3
138	10	10A12	01010138	Nguyễn Thị Ánh Hồng	08/08/2011	Nữ	6	6	6	6		5			4	4		3
139	10	10A12	01010139	Phạm Thị Minh Huyền	19/04/2011	Nữ	7	7	7	7		6			5	4		3
140	10	10A12	01010140	Lê Quốc Kiệt	17/04/2011	Nam	9	9	9	9		8			6	5		4
141	10	10A12	01010141	Trương Tuấn Kiệt	24/07/2011	Nam	9	9	9	9		8			6	5		4
142	10	10A12	01010142	Trương Nguyễn Phương Lam	12/06/2011	Nữ	9	9	9	9		8			6	5		4
143	10	10A12	01010143	Ngô Tuệ Mẫn	23/08/2011	Nữ	10	10	10	10		9			7	6		4
144	10	10A12	01010144	Lê Phan Hoàng Minh	23/10/2011	Nam	11	11	11	10		9			7	6		4
145	10	10A12	01010145	Nguyễn Diệp Tài Ngân	05/08/2011	Nữ	12	12	12		21	10			8	7		5
146	10	10A12	01010146	Huỳnh Khánh Nghi	15/12/2011	Nữ	12	12	12	12		11			8	7		5
147	10	10A12	01010147	Phan Thị Tú Ngọc	10/09/2011	Nữ	13	13	13		21	11			8	7		5
148	10	10A12	01010148	Trần Nguyễn Toàn Phúc	22/01/2011	Nam	15	15	15	14		13			9	9		6
149	10	10A12	01010149	Lai Khả Phương	20/07/2011	Nữ	15	15	15		21	13			10	9		6

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
150	10	10A12	01010150	Nguyễn Đoàn Khánh Phương	12/04/2011	Nữ	15	15	15	15		13			10	9		6
151	10	10A12	01010151	Trần Đỗ Quân	29/01/2011	Nam	15	15	15	15		14			10	9		6
152	10	10A12	01010152	Đồng Như Quỳnh	25/06/2011	Nữ	16	16	16	15		14			10	9		6
153	10	10A12	01010153	Lâm Nguyễn Như Quỳnh	10/04/2011	Nữ	16	16	16	15		14			10	9		6
154	10	10A12	01010154	Nguyễn Đỗ Thanh Tâm	05/06/2011	Nữ	16	16	16	16		14			10	9		6
155	10	10A12	01010155	Nguyễn Tấn Thành	25/10/2011	Nam	17	17	17		21	15			11	10		6
156	10	10A12	01010156	Trần Ngọc Thiên Thanh	18/02/2011	Nữ	17	17	17	16		15			11	10		6
157	10	10A12	01010157	Nguyễn Phan Thanh Thùy	17/09/2011	Nữ	18	18	18	17		16			12	10		7
158	10	10A12	01010158	Nguyễn Toàn	03/09/2011	Nam	19	19	19	18		16			12	11		7
159	10	10A12	01010159	Hà Bảo Trân	04/09/2011	Nữ	19	19	19	18		16			12	11		7
160	10	10A12	01010160	Son Phước Tú	01/12/2011	Nữ	20	20	20	19		17			12	11		8
161	10	10A12	01010161	Trần Ngọc Khánh Vy	05/04/2011	Nữ	21	21	21	20		18			13	12		8
162	10	10A12	01010162	Hứa Bùi Kim Xuân	04/05/2011	Nữ	21	21	21	20		18			13	12		8
163	10	10A13	01010163	Nguyễn Bá Bảo An	12/04/2011	Nam	1	1	1		21		1	1		1	1	
164	10	10A13	01010164	Nguyễn Ngọc Bảo An	13/11/2011	Nữ	1	1	1	1			1	1		1	1	
165	10	10A13	01010165	Huỳnh Nguyễn Thúy An	24/10/2011	Nữ	1	1	1	1			1	1		1	1	
166	10	10A13	01010166	Trịnh Minh Anh	26/09/2011	Nữ	2	2	2	1			1	1		1	1	
167	10	10A13	01010167	Phan Mỹ Anh	21/01/2011	Nữ	2	2	2	1			1	1		1	1	
168	10	10A13	01010168	Lê Ngọc Phương Anh	02/07/2011	Nữ	2	2	2	2			1	1		1	1	
169	10	10A13	01010169	Nguyễn Mai Bảo Bảo	20/01/2011	Nam	2	2	2	2			2	1		2	2	
170	10	10A13	01010170	Hồ Nguyễn Gia Bảo	09/04/2011	Nam	2	2	2	2			2	1		2	2	
171	10	10A13	01010171	Nguyễn Trần Ngọc Diệp	23/10/2011	Nữ	4	4	4	4			3	1		3	3	
172	10	10A13	01010172	Hà Nguyễn Bảo Hân	17/06/2011	Nữ	5	5	5	5			4	2		3	4	
173	10	10A13	01010173	Huỳnh Đan Huy	20/07/2011	Nam	7	7	7	6			5	2		4	4	
174	10	10A13	01010174	Đỗ Chí Khang	04/05/2011	Nam	7	7	7	7			5	2		4	5	
175	10	10A13	01010175	Nguyễn Tuấn Khang	01/03/2011	Nam	8	8	8	7			6	2		4	5	
176	10	10A13	01010176	Cao Phương Khánh	03/03/2011	Nữ	8	8	8	8			6	2		4	5	
177	10	10A13	01010177	Lưu Anh Khoa	26/07/2011	Nam	8	8	8	8			6	2		5	5	
178	10	10A13	01010178	Nguyễn Đăng Khoa	29/08/2011	Nam	8	8	8	8			6	2		5	6	
179	10	10A13	01010179	Trương Quốc Kiệt	21/04/2011	Nam	9	9	9		21		7	2		5	6	
180	10	10A13	01010180	Lê Quốc Kỳ	25/05/2011	Nam	9	9	9	9			7	2		5	6	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
181	10	10A13	01010181	Nguyễn Trần Diệu Lam	21/08/2011	Nữ	9	9	9	9			7	2		5	6	
182	10	10A13	01010182	Phạm Minh Lộc	17/01/2011	Nam	10	10	10	10			7	3		6	7	
183	10	10A13	01010183	Nguyễn Huỳnh Long	20/04/2011	Nam	10	10	10	10			7	3		6	7	
184	10	10A13	01010184	Nguyễn Ngọc Phú Mỹ	10/05/2011	Nữ	11	11	11	11			8	3		6	7	
185	10	10A13	01010185	Nguyễn Thảo My	17/09/2011	Nữ	11	11	11	11			8	3		6	7	
186	10	10A13	01010186	Trần Ngọc Ngân	25/06/2011	Nữ	12	12	12	12			9	3		7	8	
187	10	10A13	01010187	Lê Hoàng Khánh Ngọc	29/05/2011	Nữ	13	13	13	12			9	3		7	8	
188	10	10A13	01010188	Trần Như Khánh Ngọc	17/07/2011	Nữ	13	13	13	12			9	3		7	8	
189	10	10A13	01010189	Hồ Như Ngọc	10/10/2011	Nữ	13	13	13	13			10	3		7	9	
190	10	10A13	01010190	Nguyễn Tú Ngọc	04/05/2011	Nữ	13	13	13	13			10	3		7	9	
191	10	10A13	01010191	Lê Ngọc Nhi	25/06/2011	Nữ	13	13	13		21		10	3		8	9	
192	10	10A13	01010192	Phạm Thị Ngọc Nhung	20/03/2011	Nữ	14	14	14	13			10	3		8	9	
193	10	10A13	01010193	Bùi Tấn Phát	25/10/2011	Nam	14	14	14	14			10	3		8	9	
194	10	10A13	01010194	Phạm Phương Phi	10/05/2011	Nữ	14	14	14	14			11	3		8	9	
195	10	10A13	01010195	Trương Thảo Quyên	03/06/2011	Nữ	16	16	16	15			12	4		9	10	
196	10	10A13	01010196	Đoàn Trúc Quỳnh	13/06/2011	Nữ	16	16	16	15			12	4		9	10	
197	10	10A13	01010197	Võ Phương Thảo	08/12/2011	Nữ	17	17	17	16			12	4		10	11	
198	10	10A13	01010198	Nguyễn Ngọc Thịnh	20/07/2011	Nữ	17	17	17	16			13	4		10	11	
199	10	10A13	01010199	Huỳnh Ngọc Anh Thư	22/11/2011	Nữ	18	18	18	17			13	4		10	11	
200	10	10A13	01010200	Nguyễn Tấn Thuận	25/07/2011	Nam	18	18	18	17			13	4		10	12	
201	10	10A13	01010201	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	01/01/2011	Nữ	19	19	19	18			14	5		11	12	
202	10	10A13	01010202	Nguyễn Bảo Trân	23/07/2011	Nữ	19	19	19	18			14	5		11	12	
203	10	10A13	01010203	Phạm Gia Tuệ	19/08/2011	Nữ	20	20	20		21		15	5		11	13	
204	10	10A13	01010204	Nguyễn Lâm Khánh Vy	07/11/2011	Nữ	20	20	20	20			15	5		12	14	
205	10	10A13	01010205	Thái Nguyễn Tường Vy	01/12/2011	Nữ	21	21	21		21		15	5		12	14	
206	10	10A13	01010206	Dương Huỳnh Như Ý	12/08/2011	Nữ	21	21	21		21		15	5		12	14	
207	10	10A14	01010207	Nguyễn Ngọc Khả Ái	08/11/2011	Nữ	1	1	1	1			1	1			1	1
208	10	10A14	01010208	Bùi Gia Bảo	20/05/2011	Nam	2	2	2	2			2	1			2	1
209	10	10A14	01010209	Nguyễn Ngọc Minh Châu	19/12/2011	Nữ	3	3	3	3			2	1			2	1
210	10	10A14	01010210	Lưu Ngọc Châu	11/08/2011	Nữ	3	3	3	3			2	1			2	1
211	10	10A14	01010211	Nguyễn Tiến Đạt	12/03/2011	Nam	4	4	4	4			3	1			3	2

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
212	10	10A14	01010212	Lê Tiến Dũng	26/07/2011	Nam	4	4	4	4			3	1			3	2
213	10	10A14	01010213	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	19/02/2011	Nữ	5	5	5	5			3	1			3	2
214	10	10A14	01010214	Bùi Nguyễn Quỳnh Giang	10/03/2011	Nữ	5	5	5	5			4	2			3	2
215	10	10A14	01010215	Lê Hoàng Khả Hân	07/10/2011	Nữ	5	5	5	5			4	2			4	2
216	10	10A14	01010216	Bùi Xuân Hoàng	10/03/2011	Nam	6	6	6	6			4	2			4	3
217	10	10A14	01010217	Quách Gia Hưng	16/02/2011	Nam	6	6	6	6			4	2			4	3
218	10	10A14	01010218	Trần Nguyễn Phúc Hưng	24/03/2011	Nam	6	6	6	6			5	2			4	3
219	10	10A14	01010219	Phan Ngô Trọng Huy	21/07/2011	Nam	7	7	7	7			5	2			5	3
220	10	10A14	01010220	Nguyễn Anh Khoa	22/03/2011	Nam	8	8	8		21		6	2			5	3
221	10	10A14	01010221	Mai Nguyễn Thuyên Kim	11/12/2011	Nữ	9	9	9	9			7	2			6	4
222	10	10A14	01010222	Trần Mai Linh	01/04/2011	Nữ	10	10	10	9			7	2			7	4
223	10	10A14	01010223	Trần Nguyễn Kim Ngân	11/10/2011	Nữ	12	12	12	11			8	3			8	5
224	10	10A14	01010224	Vũ Nguyễn Kim Ngân	17/08/2011	Nữ	12	12	12	11			9	3			8	5
225	10	10A14	01010225	Đặng Kim Bảo Ngọc	28/04/2011	Nữ	13	13	13	12			9	3			8	5
226	10	10A14	01010226	Ngũ Kim Ngọc	01/04/2011	Nữ	13	13	13	12			9	3			9	5
227	10	10A14	01010227	Trần Nam Phương	13/08/2011	Nữ	15	15	15	15			11	3			10	6
228	10	10A14	01010228	Nguyễn Hoàng Quân	12/03/2011	Nam	15	15	15	15			11	3			10	6
229	10	10A14	01010229	Đặng Quang Sáng	16/03/2011	Nam	16	16	16	16			12	4			11	6
230	10	10A14	01010230	Phùng Tấn Sang	29/10/2011	Nam	16	16	16	16			12	4			11	6
231	10	10A14	01010231	Nguyễn Anh Thái	12/11/2011	Nam	16	16	16	16			12	4			11	6
232	10	10A14	01010232	Võ Phương Thanh	01/06/2011	Nữ	17	17	17		21		12	4			11	6
233	10	10A14	01010233	Lê Hoàng Thịnh	23/06/2011	Nam	17	17	17	16			13	4			11	7
234	10	10A14	01010234	Trương Tiến Thịnh	03/10/2011	Nam	17	17	17	17			13	4			11	7
235	10	10A14	01010235	Lê Anh Thư	03/05/2011	Nữ	18	18	18	17			13	4			11	7
236	10	10A14	01010236	Đặng Trần Thị Thanh Thủy	25/12/2011	Nữ	18	18	18	17			13	4			12	7
237	10	10A14	01010237	Nguyễn Hà Thủy Tiên	16/09/2011	Nữ	18	18	18	18			14	4			12	7
238	10	10A14	01010238	Huỳnh Trung Tín	01/04/2011	Nam	19	19	19	18			14	4			12	7
239	10	10A14	01010239	Phan Thanh Tính	30/05/2011	Nam	19	19	19	18			14	5			12	7
240	10	10A14	01010240	Trịnh Bảo Trân	17/02/2011	Nữ	19	19	19	18			14	5			12	7
241	10	10A14	01010241	Nguyễn Đông Triết	04/01/2011	Nam	19	19	19	19			14	5			13	7
242	10	10A14	01010242	Nguyễn Huỳnh Thanh Trúc	03/03/2011	Nữ	20	20	20	19			14	5			13	8

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPL	Tin	CN
243	10	10A14	01010243	Trần Hoàng Tùng	30/06/2011	Nam	20	20	20	19			15	5			13	8
244	10	10A14	01010244	Trang Hồ Kim Tuyết	03/05/2011	Nữ	20	20	20		21		15	5			13	8
245	10	10A14	01010245	Võ Mai Chấn Vũ	28/05/2011	Nam	20	20	20	19			15	5			13	8
246	10	10A14	01010246	Huỳnh Phạm Khánh Vy	06/05/2011	Nữ	21	21	21	20			15	5			14	8
247	10	10A14	01010247	Mai Như Ý	18/12/2011	Nữ	21	21	21	20			15	5			14	8
248	10	10A14	01010248	Lê Trần Như Ý	25/02/2011	Nữ	21	21	21	20			15	5			14	8
249	10	10A14	01010249	Võ Hoàng Yến	20/09/2011	Nữ	21	21	21	20			15	5			14	8
250	10	10A2	01010250	Lê Trường An	02/02/2011	Nam	1	1	1	1		1	1		1	1		
251	10	10A2	01010251	Trần Diệp Trâm Anh	05/10/2011	Nữ	2	2	2	2		2	1		2	2		
252	10	10A2	01010252	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	21/04/2011	Nữ	2	2	2	2		2	1		2	2		
253	10	10A2	01010253	Chu Nguyễn Diệp Chi	15/01/2011	Nữ	3	3	3	3		3	2		2	2		
254	10	10A2	01010254	Nguyễn Ngọc Linh Đan	28/05/2011	Nữ	3	3	3	3		3	2		2	2		
255	10	10A2	01010255	Lê Thành Đạt	12/04/2011	Nam	4	4	4	4		3	3		3	2		
256	10	10A2	01010256	Quách Tiến Đạt	15/06/2011	Nam	4	4	4	4		4	3		3	3		
257	10	10A2	01010257	Từ Trúc Diễm	29/11/2011	Nữ	4	4	4	4		4	3		3	3		
258	10	10A2	01010258	Tô Ngọc Duyên	13/09/2011	Nữ	5	5	5	5		4	4		3	3		
259	10	10A2	01010259	Bùi Ngọc Gia Hân	06/12/2011	Nữ	5	5	5	5		5	4		4	3		
260	10	10A2	01010260	Bùi Thị Ngọc Hằng	31/03/2011	Nữ	6	6	6	5		5	4		4	3		
261	10	10A2	01010261	Đào Xuân Hiếu	03/05/2011	Nam	6	6	6	6		5	4		4	4		
262	10	10A2	01010262	Nguyễn Thái Gia Huy	17/08/2011	Nam	7	7	7	7		6	5		4	4		
263	10	10A2	01010263	Nguyễn Phúc Huy	08/03/2011	Nam	7	7	7	7		6	5		5	4		
264	10	10A2	01010264	Nguyễn Gia Khôi	10/12/2011	Nam	9	9	9	8		8	6		6	5		
265	10	10A2	01010265	Nguyễn Hoàng Khôi	23/04/2011	Nam	9	9	9	8		8	6		6	5		
266	10	10A2	01010266	Trần Bội Linh	15/08/2011	Nữ	10	10	10	9		8	7		6	5		
267	10	10A2	01010267	Nguyễn Thùy Linh	12/07/2011	Nữ	10	10	10	10		9	7		7	6		
268	10	10A2	01010268	Trương Quang Lộc	08/09/2011	Nam	10	10	10	10		9	7		7	6		
269	10	10A2	01010269	Ung Nguyễn Hà My	30/01/2011	Nữ	11	11	11	11		10	8		7	6		
270	10	10A2	01010270	Huỳnh Đông Nam	25/12/2011	Nam	11	11	11	11		10	8		7	6		
271	10	10A2	01010271	Lê Nguyễn Ngọc Ngân	26/09/2011	Nữ	12	12	12	11		10	9		8	7		
272	10	10A2	01010272	Lâm Bảo Nghi	05/03/2011	Nữ	12	12	12	12		11	9		8	7		
273	10	10A2	01010273	Nguyễn Gia Nghi	20/08/2011	Nam	12	12	12	12		11	9		8	7		

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPL	Tin	CN
274	10	10A2	01010274	Châu Nguyễn Gia Nghiêm	22/02/2011	Nam	12	12	12	12		11	9		8	7		
275	10	10A2	01010275	Lê Minh Ngọc	04/11/2011	Nam	13	13	13	12		11	9		8	7		
276	10	10A2	01010276	Lâm Hoàng Nhật Nguyên	23/01/2011	Nam	13	13	13	13		11	10		8	7		
277	10	10A2	01010277	Nguyễn Thị Thanh Nhã	25/06/2011	Nữ	13	13	13	13		11	10		8	8		
278	10	10A2	01010278	Lê Đỗ Lan Nhi	24/05/2011	Nữ	13	13	13	13		12	10		9	8		
279	10	10A2	01010279	Lương Tấn Phát	14/07/2011	Nam	14	14	14	14		12	10		9	8		
280	10	10A2	01010280	Lê Hiến Phong	31/07/2011	Nam	14	14	14	14		12	11		9	8		
281	10	10A2	01010281	Nguyễn Hoàng Phúc	29/06/2011	Nam	15	15	15	14		13	11		9	8		
282	10	10A2	01010282	Tạ Thị Phương Quỳnh	12/11/2011	Nữ	16	16	16	15		14	12		10	9		
283	10	10A2	01010283	Ngô Trung Sơn	22/10/2011	Nam	16	16	16	16		14	12		10	9		
284	10	10A2	01010284	Đỗ Công Thành	29/10/2011	Nam	16	16	16	16		14	12		10	9		
285	10	10A2	01010285	Phan Huỳnh Anh Thư	01/06/2011	Nữ	17	17	17	17		15	13		11	10		
286	10	10A2	01010286	Nguyễn Bảo Thy	13/07/2011	Nữ	18	18	18	17		16	13		12	11		
287	10	10A2	01010287	Nguyễn Văn Tiến	25/04/2011	Nam	19	19	19	18		16	14		12	11		
288	10	10A2	01010288	Đỗ Ngọc Trân	05/02/2011	Nữ	19	19	19	18		16	14		12	11		
289	10	10A2	01010289	Nguyễn Trần Khánh Vy	27/07/2011	Nữ	21	21	21	20		18	15		13	12		
290	10	10A3	01010290	Lâm Hoài An	04/04/2011	Nữ	1	1	1		21	1	1		1	1		
291	10	10A3	01010291	Lê Diệu Anh	04/01/2011	Nữ	1	1	1	1		1	1		1	1		
292	10	10A3	01010292	Nguyễn Hoàng Hải Anh	22/03/2011	Nam	1	1	1	1		1	1		1	1		
293	10	10A3	01010293	Hồng Gia Đạt	14/06/2011	Nam	4	4	4	4		3	3		3	2		
294	10	10A3	01010294	Huỳnh Hải Duy	14/07/2011	Nam	5	5	5	5		4	3		3	3		
295	10	10A3	01010295	Đặng Phước Duy	07/11/2011	Nam	5	5	5	5		4	3		3	3		
296	10	10A3	01010296	Nguyễn Thu Hà	15/11/2011	Nữ	5	5	5	5		5	4		4	3		
297	10	10A3	01010297	Phạm Gia Hân	09/09/2011	Nữ	5	5	5	5		5	4		4	3		
298	10	10A3	01010298	Huỳnh Bảo Gia Huy	10/02/2011	Nam	7	7	7	7		6	5		4	4		
299	10	10A3	01010299	Bùi Quốc Huy	15/02/2011	Nam	7	7	7		21	6	5		5	4		
300	10	10A3	01010300	Nguyễn Hoàng Khải	20/03/2011	Nam	7	7	7	7		6	5		5	4		
301	10	10A3	01010301	Nguyễn Minh Khang	13/03/2011	Nam	7	7	7		21	7	5		5	4		
302	10	10A3	01010302	Quách Trọng Khang	18/03/2011	Nam	8	8	8	7		7	5		5	4		
303	10	10A3	01010303	Trương Anh Khoa	30/03/2011	Nam	8	8	8	8		7	6		5	5		
304	10	10A3	01010304	Đỗ Anh Khôi	27/10/2011	Nam	8	8	8	8		7	6		5	5		

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
305	10	10A3	01010305	Đặng Thiên Kim	13/03/2011	Nữ	9	9	9	9		8	7		6	5		
306	10	10A3	01010306	Lê Trúc Lam	01/08/2011	Nữ	9	9	9	9		8	7		6	5		
307	10	10A3	01010307	Nguyễn Thanh Liêm	02/03/2011	Nam	10	10	10	9		8	7		6	5		
308	10	10A3	01010308	Nguyễn Hoàng Minh	12/04/2011	Nam	11	11	11	10		9	8		7	6		
309	10	10A3	01010309	Phạm Hoàng Nam	07/10/2011	Nam	11	11	11		21	10	8		7	6		
310	10	10A3	01010310	Lê Văn Nghĩa	19/06/2011	Nam	12	12	12	12		11	9		8	7		
311	10	10A3	01010311	Lâm Bảo Ngọc	28/04/2011	Nữ	13	13	13	12		11	9		8	7		
312	10	10A3	01010312	Lâm Nguyễn Huỳnh Như	07/08/2011	Nữ	14	14	14	13		12	10		9	8		
313	10	10A3	01010313	Nguyễn Hoàng Phúc	20/01/2011	Nam	15	15	15	14		13	11		9	8		
314	10	10A3	01010314	Hà Anh Quốc	16/07/2011	Nam	16	16	16	15		14	11		10	9		
315	10	10A3	01010315	Triệu Minh Quyền	07/04/2011	Nam	16	16	16	15		14	12		10	9		
316	10	10A3	01010316	Trần Ngọc Thái	30/05/2011	Nam	16	16	16		21	14	12		10	9		
317	10	10A3	01010317	Nguyễn Phước Thành	20/08/2011	Nam	17	17	17		21	14	12		11	9		
318	10	10A3	01010318	Võ Hoàng Thế	12/11/2011	Nam	17	17	17		21	15	12		11	10		
319	10	10A3	01010319	Võ Lê Thiện	06/11/2011	Nam	17	17	17	16		15	13		11	10		
320	10	10A3	01010320	Đỗ Nguyễn Nhã Thơ	20/04/2011	Nữ	17	17	17	17		15	13		11	10		
321	10	10A3	01010321	Lê Anh Thư	26/11/2011	Nữ	18	18	18	17		15	13		11	10		
322	10	10A3	01010322	Đặng Huỳnh Minh Thư	08/02/2011	Nữ	18	18	18	17		15	13		11	10		
323	10	10A3	01010323	Lê Nguyễn Minh Thủy	12/12/2011	Nữ	18	18	18	17		16	13		12	10		
324	10	10A3	01010324	Nguyễn Huỳnh Mỹ Trân	30/03/2011	Nữ	19	19	19	18		16	14		12	11		
325	10	10A3	01010325	Nguyễn Trần Thủy Trúc	03/05/2011	Nữ	20	20	20	19		17	14		12	11		
326	10	10A3	01010326	Lê Phương Uyên	08/08/2011	Nữ	20	20	20	19		17	15		13	12		
327	10	10A3	01010327	Trần Phú Vinh	11/10/2011	Nam	20	20	20	19		17	15		13	12		
328	10	10A3	01010328	Huỳnh Dương Nhã Vy	14/12/2011	Nữ	21	21	21	20		18	15		13	12		
329	10	10A3	01010329	Nguyễn Ngọc Như Ý	11/06/2011	Nữ	21	21	21	20		18	15		13	12		
330	10	10A4	01010330	Nguyễn Thái An	28/07/2011	Nữ	1	1	1	1		1	1		1		1	
331	10	10A4	01010331	Trần Phương Anh	07/07/2011	Nữ	2	2	2	2		2	1		1		1	
332	10	10A4	01010332	Tạ Quỳnh Anh	15/03/2011	Nữ	2	2	2	2		2	1		2		1	
333	10	10A4	01010333	Dương Đình Bách	30/05/2011	Nam	2	2	2	2		2	2		2		2	
334	10	10A4	01010334	Phan Gia Bảo	19/10/2011	Nam	3	3	3	2		2	2		2		2	
335	10	10A4	01010335	Lê Nguyễn Ánh Châu	14/11/2011	Nữ	3	3	3	3		3	2		2		2	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPL	Tin	CN
336	10	10A4	01010336	Vương Nguyễn Hoàng Châu	29/06/2011	Nữ	3	3	3	3		3	2		2		2	
337	10	10A4	01010337	Nguyễn Anh Duy	22/11/2011	Nam	5	5	5	4		4	3		3		3	
338	10	10A4	01010338	Nguyễn Võ Lâm Giang	27/02/2011	Nữ	5	5	5	5		4	4		3		3	
339	10	10A4	01010339	Nguyễn Hoàng Gia Hòa	19/06/2011	Nam	6	6	6	6		5	4		4		4	
340	10	10A4	01010340	Nguyễn Huy Hoàng	13/07/2011	Nam	6	6	6	6		5	4		4		4	
341	10	10A4	01010341	Trần Gia Hưng	20/12/2011	Nam	6	6	6	6		6	4		4		4	
342	10	10A4	01010342	Đỗ Gia Huy	06/04/2011	Nam	7	7	7	7		6	5		4		4	
343	10	10A4	01010343	Lê Thanh Huy	25/09/2011	Nam	7	7	7	7		6	5		5		5	
344	10	10A4	01010344	Bùi Minh Khánh	24/08/2011	Nam	8	8	8	7		7	6		5		5	
345	10	10A4	01010345	Lê Đăng Khoa	22/01/2011	Nam	8	8	8	8		7	6		5		5	
346	10	10A4	01010346	Trần Phan Duy Khoa	10/05/2011	Nam	8	8	8	8		7	6		5		6	
347	10	10A4	01010347	Võ Anh Khôi	17/09/2011	Nam	8	8	8	8		7	6		6		6	
348	10	10A4	01010348	Trần Minh Khôi	09/08/2011	Nam	9	9	9	9		8	7		6		6	
349	10	10A4	01010349	Đinh Nhã Kỳ	22/03/2011	Nữ	9	9	9	9		8	7		6		6	
350	10	10A4	01010350	Nguyễn Minh Lộc	02/01/2011	Nam	10	10	10	10		9	7		7		7	
351	10	10A4	01010351	Phạm Duy Long	18/06/2011	Nam	10	10	10	10		9	7		7		7	
352	10	10A4	01010352	Trần Nguyễn Anh Minh	04/09/2011	Nam	11	11	11	10		9	8		7		7	
353	10	10A4	01010353	Nguyễn Ái My	04/11/2011	Nữ	11	11	11	11		10	8		7		7	
354	10	10A4	01010354	Phạm Kim Ngân	22/07/2011	Nữ	12	12	12	11		10	9		7		8	
355	10	10A4	01010355	Lê Đường Ngọc Ngân	19/09/2011	Nữ	12	12	12	11		10	9		7		8	
356	10	10A4	01010356	Nguyễn Trọng Nghĩa	27/05/2011	Nam	12	12	12	12		11	9		8		8	
357	10	10A4	01010357	Lê Nguyễn Ánh Ngọc	14/11/2011	Nữ	12	12	12	12		11	9		8		8	
358	10	10A4	01010358	Châu Gia Phát	12/12/2011	Nam	14	14	14	13		12	10		9		9	
359	10	10A4	01010359	Nguyễn Đông Phương	01/10/2011	Nữ	15	15	15	14		13	11		9		10	
360	10	10A4	01010360	Bùi Trần Minh Phương	04/05/2011	Nữ	15	15	15	15		13	11		10		10	
361	10	10A4	01010361	Văn Hoài Tâm	04/03/2011	Nam	16	16	16	16		14	12		10		11	
362	10	10A4	01010362	Huỳnh Quốc Thái	17/05/2011	Nam	16	16	16	16		14	12		10		11	
363	10	10A4	01010363	Từ Đại Thắng	10/04/2011	Nam	16	16	16	16		14	12		10		11	
364	10	10A4	01010364	Lê Chính Thiện	13/11/2011	Nam	17	17	17	16		15	12		11		11	
365	10	10A4	01010365	Mai Quốc Thịnh	19/08/2011	Nam	17	17	17	17		15	13		11		11	
366	10	10A4	01010366	Nguyễn Hoàng Quỳnh Thư	13/10/2011	Nữ	18	18	18	17		16	13		11		12	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
367	10	10A4	01010367	Lê Nguyễn Minh Thy	04/06/2011	Nữ	18	18	18	18		16	13		12		12	
368	10	10A4	01010368	Lê Minh Tiến	02/04/2011	Nam	18	18	18	18		16	14		12		12	
369	10	10A4	01010369	Bùi Thùy Trang	22/09/2011	Nữ	19	19	19	18		17	14		12		12	
370	10	10A4	01010370	Bùi Trần Đức Trí	22/09/2011	Nam	19	19	19	18		17	14		12		12	
371	10	10A4	01010371	Nguyễn Anh Tuấn	16/01/2011	Nam	20	20	20	19		17	14		13		13	
372	10	10A4	01010372	Hoàng Lê Như Ý	26/05/2011	Nữ	21	21	21	20		18	15		13		14	
373	10	10A4	01010373	Nguyễn Phi Yến	28/06/2011	Nữ	21	21	21	20		18	15		13		14	
374	10	10A5	01010374	Trần Ngọc Anh	18/11/2011	Nữ	2	2	2	1		1	1		1		1	
375	10	10A5	01010375	Phạm Thị Phương Anh	28/02/2011	Nữ	2	2	2	2		2	1		1		1	
376	10	10A5	01010376	Dương Thùy Anh	10/04/2011	Nữ	2	2	2	2		2	1		2		1	
377	10	10A5	01010377	Nguyễn Bảo Châu	10/10/2011	Nữ	3	3	3	3		3	2		2		2	
378	10	10A5	01010378	Lê Hùng Cường	09/10/2011	Nam	3	3	3	3		3	2		2		2	
379	10	10A5	01010379	Hoàng Phú Cường	12/10/2011	Nam	3	3	3	3		3	2		2		2	
380	10	10A5	01010380	Trần Đoàn Minh Đại	21/07/2011	Nam	3	3	3	3		3	2		2		2	
381	10	10A5	01010381	Bùi Hoàng Đăng	13/08/2011	Nam	3	3	3	3		3	2		2		2	
382	10	10A5	01010382	Phan Đăng	10/12/2011	Nam	4	4	4	3		3	2		3		3	
383	10	10A5	01010383	Nguyễn Tấn Đạt	17/02/2011	Nam	4	4	4	4		3	3		3		3	
384	10	10A5	01010384	Vũ Tiên Đức	06/02/2011	Nam	4	4	4	4		4	3		3		3	
385	10	10A5	01010385	Mai Tiến Dũng	24/10/2011	Nam	4	4	4	4		4	3		3		3	
386	10	10A5	01010386	Đoàn Nguyễn Ánh Dương	18/08/2011	Nữ	4	4	4	4		4	3		3		3	
387	10	10A5	01010387	Trần Nguyễn Trường Giang	23/02/2011	Nam	5	5	5	5		4	4		4		3	
388	10	10A5	01010388	Nguyễn Gia Hưng	13/06/2011	Nam	6	6	6	6		6	4		4		4	
389	10	10A5	01010389	Lý Khánh Huy	14/11/2011	Nam	7	7	7	7		6	5		5		5	
390	10	10A5	01010390	Lê Đăng Khoa	25/05/2011	Nam	8	8	8	8		7	6		5		5	
391	10	10A5	01010391	Dương Nguyên Khoa	23/02/2011	Nam	8	8	8	8		7	6		5		6	
392	10	10A5	01010392	Nguyễn Hoàng Khôi	08/05/2011	Nam	9	9	9	8		8	6		6		6	
393	10	10A5	01010393	Phạm Minh Khôi	11/11/2011	Nam	9	9	9	9		8	6		6		6	
394	10	10A5	01010394	Trần Hồ Văn Lam	10/12/2011	Nữ	10	10	10	9		8	7		6		6	
395	10	10A5	01010395	Phạm Hùng Lân	26/11/2011	Nam	10	10	10	9		8	7		6		6	
396	10	10A5	01010396	Nguyễn Võ Tuấn Minh	13/08/2011	Nam	11	11	11	11		10	8		7		7	
397	10	10A5	01010397	Phan Gia Mỹ	16/06/2009	Nữ	11	11	11	11		10	8		7		7	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
398	10	10A5	01010398	Lê Ngọc Khả My	01/11/2011	Nữ	11	11	11	11		10	8		7		7	
399	10	10A5	01010399	Nguyễn Hoàng Thảo Ngân	23/11/2011	Nữ	12	12	12	12		11	9		8		8	
400	10	10A5	01010400	Trần Vũ Nhân Nghĩa	06/10/2011	Nam	12	12	12	12		11	9		8		8	
401	10	10A5	01010401	Lê Phạm Minh Phát	29/06/2011	Nam	14	14	14	13		12	10		9		9	
402	10	10A5	01010402	Nguyễn Tấn Phát	14/03/2011	Nam	14	14	14	14		12	10		9		9	
403	10	10A5	01010403	Nguyễn Vũ Phong	11/09/2011	Nam	14	14	14	14		12	11		9		9	
404	10	10A5	01010404	Châu Minh Phúc	07/10/2011	Nam	15	15	15	14		13	11		9		10	
405	10	10A5	01010405	Phạm Thị Kiều Phương	10/03/2011	Nữ	15	15	15	15		13	11		10		10	
406	10	10A5	01010406	Lê Hồ Ngọc Phương	21/04/2011	Nữ	15	15	15	15		13	11		10		10	
407	10	10A5	01010407	Ngô Anh Quân	21/08/2011	Nam	15	15	15	15		13	11		10		10	
408	10	10A5	01010408	Trần Ngọc Đan Thanh	17/08/2011	Nữ	17	17	17	16		14	12		11		11	
409	10	10A5	01010409	Lâm Hồng Phương Thảo	22/06/2011	Nữ	17	17	17	16		15	12		11		11	
410	10	10A5	01010410	Phạm Thanh Thảo	13/02/2011	Nữ	17	17	17	16		15	12		11		11	
411	10	10A5	01010411	Nguyễn Minh Thư	31/07/2011	Nữ	18	18	18	17		15	13		11		12	
412	10	10A5	01010412	Văn Thị Thu Thủy	02/02/2011	Nữ	18	18	18	17		16	13		12		12	
413	10	10A5	01010413	Phan Lê Phương Uyên	05/08/2011	Nữ	20	20	20	19		17	15		13		13	
414	10	10A5	01010414	Võ Trần Hạo Vy	22/10/2011	Nữ	20	20	20	19		18	15		13		13	
415	10	10A5	01010415	Trần Ngô Phương Vy	25/12/2011	Nữ	21	21	21	20		18	15		13		14	
416	10	10A5	01010416	Lê Thị Kim Yến	25/11/2011	Nữ	21	21	21	20		18	15		13		14	
417	10	10A6	01010417	Nguyễn Minh Anh	19/05/2011	Nam	1	1	1	1		1	1				1	1
418	10	10A6	01010418	Thái Ngọc Trâm Anh	16/07/2011	Nữ	2	2	2	2		2	1				1	1
419	10	10A6	01010419	Trịnh Quốc Bảo	27/08/2011	Nam	3	3	3	3		2	2				2	1
420	10	10A6	01010420	Nguyễn Lê Hải Bình	04/08/2011	Nam	3	3	3	3		2	2				2	1
421	10	10A6	01010421	Nguyễn Ngọc Minh Châu	30/09/2011	Nữ	3	3	3	3		3	2				2	1
422	10	10A6	01010422	Nguyễn Minh Đăng	12/09/2011	Nam	4	4	4	3		3	2				3	2
423	10	10A6	01010423	Lê Hoàng Minh Đạt	26/10/2011	Nam	4	4	4	4		3	3				3	2
424	10	10A6	01010424	Đặng Hoàng Dinh	30/03/2011	Nam	4	4	4	4		4	3				3	2
425	10	10A6	01010425	Huỳnh Gia Hân	01/07/2011	Nữ	5	5	5	5		5	4				4	2
426	10	10A6	01010426	Nguyễn Ngọc Phương Hân	26/05/2011	Nữ	6	6	6	5		5	4				4	2
427	10	10A6	01010427	Lê Trọng Hiếu	20/06/2011	Nam	6	6	6	6		5	4				4	3
428	10	10A6	01010428	Huỳnh Vương Kim Hoàng	07/06/2011	Nữ	6	6	6	6		5	4				4	3

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
429	10	10A6	01010429	Lê Mạnh Hùng	21/10/2011	Nam	6	6	6	6		6	5				4	3
430	10	10A6	01010430	Ngô Tuấn Hùng	28/11/2011	Nam	7	7	7	6		6	5				4	3
431	10	10A6	01010431	Nguyễn Đức Huy	13/10/2011	Nam	7	7	7	6		6	5				4	3
432	10	10A6	01010432	Nguyễn Nhật Gia Huy	09/01/2011	Nam	7	7	7	7		6	5				5	3
433	10	10A6	01010433	Lê Anh Khoa	08/10/2011	Nam	8	8	8	8		7	6				5	3
434	10	10A6	01010434	Nguyễn Minh Khôi	14/09/2011	Nam	9	9	9	8		8	6				6	4
435	10	10A6	01010435	Huỳnh Gia Kiệt	13/07/2011	Nam	9	9	9	9		8	7				6	4
436	10	10A6	01010436	Tăng Bảo Lộc	07/06/2011	Nam	10	10	10	10		9	7				7	4
437	10	10A6	01010437	Trương Kim Long	24/02/2011	Nam	10	10	10	10		9	8				7	4
438	10	10A6	01010438	Trương Bảo Luân	29/09/2011	Nam	10	10	10	10		9	8				7	4
439	10	10A6	01010439	Lưu Danh Quang Minh	09/10/2011	Nam	11	11	11	11		10	8				7	4
440	10	10A6	01010440	Trần Hữu Nhật Nam	25/10/2011	Nam	11	11	11	11		10	8				8	5
441	10	10A6	01010441	Lê Khánh Ngân	03/03/2011	Nữ	12	12	12	11		10	8				8	5
442	10	10A6	01010442	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	17/04/2011	Nữ	12	12	12	11		10	9				8	5
443	10	10A6	01010443	Ngô Thành Nghiệp	24/10/2011	Nam	12	12	12	12		11	9				8	5
444	10	10A6	01010444	Hồ Huỳnh Quỳnh Như	01/11/2011	Nữ	14	14	14	13		12	10				9	5
445	10	10A6	01010445	Huỳnh Tấn Phú	30/05/2011	Nam	14	14	14	14		13	11				9	5
446	10	10A6	01010446	Trịnh Trần Gia Phúc	12/10/2011	Nam	15	15	15	14		13	11				10	6
447	10	10A6	01010447	Đỗ Minh Phúc	28/11/2011	Nam	15	15	15	14		13	11				10	6
448	10	10A6	01010448	Nguyễn Kim Phụng	11/07/2011	Nữ	15	15	15	14		13	11				10	6
449	10	10A6	01010449	Trần Mai Phương	17/07/2011	Nữ	15	15	15	15		13	11				10	6
450	10	10A6	01010450	Nguyễn Minh Quý	29/11/2011	Nam	16	16	16	15		14	11				10	6
451	10	10A6	01010451	Nguyễn Thị Kim Quyên	25/06/2011	Nữ	16	16	16	15		14	11				10	6
452	10	10A6	01010452	Nguyễn Lâm Sang	09/11/2011	Nam	16	16	16	15		14	12				11	6
453	10	10A6	01010453	Tông Thế Tân	01/06/2011	Nam	16	16	16	16		14	12				11	6
454	10	10A6	01010454	Trần Anh Thư	11/10/2011	Nữ	18	18	18	17		15	13				12	7
455	10	10A6	01010455	Hoàng Hoài Thương	04/10/2011	Nữ	18	18	18	17		16	13				12	7
456	10	10A6	01010456	Lê Trần Thanh Trúc	13/04/2011	Nữ	20	20	20	19		17	14				13	8
457	10	10A6	01010457	Huỳnh Nhật Vinh	11/03/2011	Nam	20	20	20	19		17	15				13	8
458	10	10A6	01010458	Nguyễn Thảo Vy	04/10/2011	Nữ	21	21	21	20		18	15				14	8
459	10	10A7	01010459	Nguyễn Minh Anh	26/04/2011	Nữ	1	1	1	1		1	1				1	1

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
460	10	10A7	01010460	Nguyễn Phan Trọng Anh	09/07/2011	Nam	2	2	2	2		2	1				1	1
461	10	10A7	01010461	Hồ Gia Bảo	08/10/2011	Nam	2	2	2	2		2	2				2	1
462	10	10A7	01010462	Nguyễn Ngô Nguyệt Cát	26/05/2011	Nữ	3	3	3	3		3	2				2	1
463	10	10A7	01010463	Thạch Kim Chi	28/09/2011	Nữ	3	3	3	3		3	2				2	1
464	10	10A7	01010464	Trần Hồng Minh Đăng	11/10/2011	Nam	4	4	4	3		3	2				2	2
465	10	10A7	01010465	Nguyễn Ngọc Diệp	23/02/2011	Nữ	4	4	4	4		4	3				3	2
466	10	10A7	01010466	Thái Hoàng Gia Định	29/03/2011	Nam	4	4	4	4		4	3				3	2
467	10	10A7	01010467	Nguyễn Trần Ánh Dương	16/03/2011	Nữ	5	5	5	4		4	3				3	2
468	10	10A7	01010468	Lê Trần Anh Duy	22/04/2011	Nam	5	5	5	4		4	3				3	2
469	10	10A7	01010469	Trần Thái Bích Duyên	17/08/2011	Nữ	5	5	5	5		4	3				3	2
470	10	10A7	01010470	Hồ Khánh Hào	03/12/2011	Nam	6	6	6	5		5	4				4	2
471	10	10A7	01010471	Nguyễn Phúc Hưng	12/06/2011	Nam	6	6	6	6		6	5				4	3
472	10	10A7	01010472	La Quốc Hùng	06/04/2011	Nam	6	6	6	6		6	5				4	3
473	10	10A7	01010473	Trần Thành Hưng	07/06/2011	Nam	7	7	7	6		6	5				4	3
474	10	10A7	01010474	Trần Nhật Huy	11/08/2011	Nam	7	7	7	7		6	5				5	3
475	10	10A7	01010475	Phan Tấn Huy	25/04/2011	Nam	7	7	7	7		6	5				5	3
476	10	10A7	01010476	Trần Vũ Huy	18/10/2011	Nam	7	7	7	7		6	5				5	3
477	10	10A7	01010477	Huỳnh Nguyên Khang	23/10/2011	Nam	7	7	7	7		7	5				5	3
478	10	10A7	01010478	Trương Nam Khánh	30/10/2011	Nam	8	8	8	7		7	6				5	3
479	10	10A7	01010479	Đặng Lâm Đăng Khoa	30/06/2011	Nam	8	8	8	8		7	6				5	4
480	10	10A7	01010480	Nguyễn Minh Khôi	04/07/2011	Nam	9	9	9	8		8	6				6	4
481	10	10A7	01010481	Trần Thái Thiên Kim	09/02/2011	Nữ	9	9	9	9		8	7				6	4
482	10	10A7	01010482	Nguyễn Trần Ngọc Lam	26/06/2011	Nữ	9	9	9	9		8	7				6	4
483	10	10A7	01010483	Bùi Khánh Ly	15/03/2011	Nữ	10	10	10	10		9	8				7	4
484	10	10A7	01010484	Nguyễn Quang Minh	23/10/2011	Nam	11	11	11	11		10	8				7	4
485	10	10A7	01010485	Hà Huỳnh Khánh Ngân	28/08/2011	Nữ	11	11	11	11		10	8				8	5
486	10	10A7	01010486	Nguyễn Ngọc Ngân	14/08/2011	Nữ	12	12	12	11		10	9				8	5
487	10	10A7	01010487	Võ Ngọc Ngân	20/05/2011	Nữ	12	12	12	12		10	9				8	5
488	10	10A7	01010488	Phùng Mỹ Nguyên	12/12/2011	Nữ	13	13	13	13		11	10				9	5
489	10	10A7	01010489	Đoàn Nguyễn Yến Nhi	23/03/2011	Nữ	14	14	14	13		12	10				9	5
490	10	10A7	01010490	Sầm Trường Phát	24/03/2011	Nam	14	14	14	14		12	10				9	5

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
491	10	10A7	01010491	Phạm Đình Thiên Phú	24/12/2011	Nam	14	14	14	14		13	11				9	5
492	10	10A7	01010492	Hồ Gia Phúc	23/05/2011	Nam	15	15	15	14		13	11				10	6
493	10	10A7	01010493	Võ Ngọc Phương Quyên	14/02/2011	Nữ	16	16	16	15		14	12				10	6
494	10	10A7	01010494	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	02/11/2011	Nữ	17	17	17	16		15	12				11	6
495	10	10A7	01010495	Phạm Phúc Thịnh	27/07/2011	Nam	17	17	17	16		15	13				11	7
496	10	10A7	01010496	Tô Anh Thư	23/07/2011	Nữ	18	18	18	17		15	13				12	7
497	10	10A7	01010497	Phạm Trọng Tín	17/03/2011	Nam	19	19	19	18		16	14				12	7
498	10	10A7	01010498	Bùi Minh Trí	23/10/2011	Nam	19	19	19	19		17	14				12	7
499	10	10A7	01010499	Nguyễn Minh Trí	23/07/2011	Nam	19	19	19	19		17	14				12	7
500	10	10A7	01010500	Nguyễn Hiếu Triết	10/07/2011	Nam	19	19	19	19		17	14				13	8
501	10	10A7	01010501	Nguyễn Hoàng Thúy Vy	28/06/2011	Nữ	21	21	21	20		18	15				14	8
502	10	10A8	01010502	Nguyễn Hoàng Bảo An	20/03/2011	Nam	1	1	1		21	1	1				1	1
503	10	10A8	01010503	Nguyễn Đức Anh	21/09/2011	Nam	1	1	1	1		1	1				1	1
504	10	10A8	01010504	Trần Hùng Anh	29/11/2011	Nam	1	1	1	1		1	1				1	1
505	10	10A8	01010505	Trương Gia Bảo	12/12/2011	Nam	3	3	3	2		2	2				2	1
506	10	10A8	01010506	Nguyễn Huy Bình	14/10/2011	Nam	3	3	3	3		2	2				2	1
507	10	10A8	01010507	Vưu Lê Hải Châu	11/10/2011	Nữ	3	3	3	3		3	2				2	1
508	10	10A8	01010508	Võ Trí Đô	03/08/2011	Nam	4	4	4	4		4	3				3	2
509	10	10A8	01010509	Nguyễn Quan Khả Đồng	20/12/2011	Nữ	4	4	4	4		4	3				3	2
510	10	10A8	01010510	Đặng Lâm Gia Hân	01/05/2011	Nữ	5	5	5	5		5	4				4	2
511	10	10A8	01010511	Lê Bùi Nguyệt Hằng	16/11/2011	Nữ	6	6	6	5		5	4				4	2
512	10	10A8	01010512	Lê Như Hiếu	03/08/2011	Nam	6	6	6	6		5	4				4	2
513	10	10A8	01010513	Đặng Quang Huy	31/08/2011	Nam	7	7	7	7		6	5				5	3
514	10	10A8	01010514	Lê Đăng Khiêm	06/04/2011	Nam	8	8	8	8		7	6				5	3
515	10	10A8	01010515	Lê Đức Khiêm	04/10/2011	Nam	8	8	8	8		7	6				5	3
516	10	10A8	01010516	Nguyễn Anh Khoa	16/08/2011	Nam	8	8	8	8		7	6				5	4
517	10	10A8	01010517	Nguyễn Đăng Khôi	30/11/2011	Nam	9	9	9	8		7	6				6	4
518	10	10A8	01010518	Nguyễn Ngọc Pha Lê	04/02/2011	Nữ	10	10	10	9		8	7				6	4
519	10	10A8	01010519	Nguyễn Ngọc Yên Linh	04/09/2011	Nữ	10	10	10	10		9	7				7	4
520	10	10A8	01010520	Lê Tuấn Thiên Long	10/11/2011	Nam	10	10	10	10		9	8				7	4
521	10	10A8	01010521	Nguyễn Đức Mạnh	16/12/2011	Nam	11	11	11	10		9	8				7	4

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
522	10	10A8	01010522	Nguyễn Bình Minh	24/09/2011	Nam	11	11	11	10		9	8				7	4
523	10	10A8	01010523	Chu Quang Minh	30/03/2011	Nam	11	11	11	11		10	8				7	4
524	10	10A8	01010524	Nguyễn Hoàng Nam	28/05/2011	Nam	11	11	11	11		10	8				8	4
525	10	10A8	01010525	Nguyễn Thái Kim Ngân	17/11/2011	Nữ	12	12	12	11		10	9				8	5
526	10	10A8	01010526	Nguyễn Ngọc Ngân	10/09/2011	Nữ	12	12	12	11		10	9				8	5
527	10	10A8	01010527	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	14/05/2011	Nữ	13	13	13	12		11	10				9	5
528	10	10A8	01010528	Âu Quang Nhân	08/11/2011	Nam	13	13	13	13		12	10				9	5
529	10	10A8	01010529	Nguyễn Ngọc Yên Nhi	16/03/2011	Nữ	14	14	14	13		12	10				9	5
530	10	10A8	01010530	Trần Minh Phát	18/07/2011	Nam	14	14	14	14		12	10				9	5
531	10	10A8	01010531	Trần Phú	25/10/2011	Nam	14	14	14	14		13	11				10	5
532	10	10A8	01010532	Trần Xuân Phú	16/12/2011	Nam	15	15	15	14		13	11				10	5
533	10	10A8	01010533	Nguyễn Ái Phương	29/09/2011	Nam	15	15	15	14		13	11				10	6
534	10	10A8	01010534	Nguyễn Tuệ Phương	29/09/2011	Nữ	15	15	15	15		13	11				10	6
535	10	10A8	01010535	Lê Trần Thanh Trà	20/10/2011	Nữ	19	19	19	18		16	14				12	7
536	10	10A8	01010536	Phan Thùy Trâm	26/06/2011	Nữ	19	19	19	18		16	14				12	7
537	10	10A8	01010537	Nguyễn Công Trí	11/11/2011	Nam	19	19	19	18		17	14				12	7
538	10	10A8	01010538	Lê Đức Trọng	19/11/2011	Nam	19	19	19	19		17	14				13	8
539	10	10A8	01010539	Võ Dư Tấn Tú	25/04/2011	Nam	20	20	20	19		17	14				13	8
540	10	10A8	01010540	Nguyễn Võ Đức Uy	11/07/2011	Nam	20	20	20	19		17	15				13	8
541	10	10A8	01010541	Nguyễn Trần Nhã Uyên	18/01/2011	Nữ	20	20	20	19		17	15				13	8
542	10	10A8	01010542	Nguyễn Lê Hoàng Vinh	13/04/2011	Nam	20	20	20	19		17	15				13	8
543	10	10A8	01010543	Võ Hà Phương Vy	29/06/2011	Nữ	21	21	21	20		18	15				14	8
544	10	10A9	01010544	Nguyễn Thị Bôi An	18/05/2011	Nữ	1	1	1	1		1		1	1	1		
545	10	10A9	01010545	Trần Thị Minh An	28/12/2011	Nữ	1	1	1	1		1		1	1	1		
546	10	10A9	01010546	Võ Thùy An	19/12/2011	Nữ	1	1	1	1		1		1	1	1		
547	10	10A9	01010547	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	22/02/2011	Nữ	1	1	1	1		1		1	1	1		
548	10	10A9	01010548	Lê Diệp Anh	17/03/2011	Nữ	1	1	1	1		1		1	1	1		
549	10	10A9	01010549	Nguyễn Ngọc Lan Anh	07/05/2011	Nữ	1	1	1	1		1		1	1	1		
550	10	10A9	01010550	Trần Nguyễn Vân Anh	10/05/2011	Nữ	2	2	2	2		2		1	2	2		
551	10	10A9	01010551	Phạm Trọng Bách	14/09/2011	Nam	2	2	2	2		2		1	2	2		
552	10	10A9	01010552	Phạm Quốc Bảo	20/07/2011	Nam	3	3	3	3		2		1	2	2		

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPL	Tin	CN
553	10	10A9	01010553	Tiền Ngọc Sơn Ca	17/08/2011	Nữ	3	3	3	3		2		1	2	2		
554	10	10A9	01010554	Tiền Ngọc Xuân Ca	17/08/2011	Nữ	3	3	3	3		2		1	2	2		
555	10	10A9	01010555	Nguyễn Thị Thúy Duy	03/06/2011	Nữ	5	5	5	5		4		1	3	3		
556	10	10A9	01010556	Phạm Minh Gia Hân	10/12/2011	Nữ	5	5	5	5		5		2	4	3		
557	10	10A9	01010557	Phạm Gia Hân	28/01/2011	Nữ	5	5	5	5		5		2	4	3		
558	10	10A9	01010558	Âu Gia Hiền	27/10/2011	Nữ	6	6	6	6		5		2	4	3		
559	10	10A9	01010559	Trần Phúc Khang	23/07/2011	Nam	8	8	8	7		7		2	5	4		
560	10	10A9	01010560	Khúc Tài Khoa	04/11/2011	Nam	8	8	8	8		7		2	5	5		
561	10	10A9	01010561	Huỳnh Anh Kiệt	14/10/2011	Nam	9	9	9	9		8		2	6	5		
562	10	10A9	01010562	Đoàn Phạm Gia Lạc	12/10/2011	Nam	9	9	9	9		8		2	6	5		
563	10	10A9	01010563	Lâm Gia Linh	25/09/2011	Nữ	10	10	10	9		8		2	6	6		
564	10	10A9	01010564	Trần Lê Phương Linh	20/06/2011	Nữ	10	10	10	10		9		2	6	6		
565	10	10A9	01010565	Phạm Hoàng Thảo Linh	10/10/2011	Nữ	10	10	10	10		9		3	7	6		
566	10	10A9	01010566	Nguyễn Tuệ Minh	29/05/2011	Nữ	11	11	11	11		10		3	7	6		
567	10	10A9	01010567	Lương Gia Nghi	04/05/2011	Nữ	12	12	12	12		11		3	8	7		
568	10	10A9	01010568	Nguyễn Trần Minh Ngọc	13/04/2011	Nữ	13	13	13	12		11		3	8	7		
569	10	10A9	01010569	Cao Bảo Nhi	21/07/2011	Nữ	13	13	13	13		12		3	9	8		
570	10	10A9	01010570	Nguyễn Xuân Nhi	27/01/2011	Nữ	14	14	14	13		12		3	9	8		
571	10	10A9	01010571	Cao Hồng Phát	18/06/2011	Nam	14	14	14	13		12		3	9	8		
572	10	10A9	01010572	Phạm Hoàng Thanh Phong	31/01/2011	Nam	14	14	14	14		12		3	9	8		
573	10	10A9	01010573	Trần Trung Quân	01/11/2011	Nam	15	15	15	15		14		3	10	9		
574	10	10A9	01010574	Nguyễn Ngọc Mỹ Quyên	02/12/2011	Nữ	16	16	16	15		14		4	10	9		
575	10	10A9	01010575	Trần Ngọc Anh Thi	06/10/2011	Nữ	17	17	17	16		15		4	11	10		
576	10	10A9	01010576	Nguyễn Quốc Minh Thông	16/11/2011	Nam	17	17	17		21	15		4	11	10		
577	10	10A9	01010577	Nguyễn Ngọc Minh Thư	03/02/2011	Nữ	18	18	18	17		15		4	11	10		
578	10	10A9	01010578	Huỳnh Khánh Thy	08/05/2011	Nữ	18	18	18	18		16		4	12	11		
579	10	10A9	01010579	Phạm Đoàn Tiến	10/10/2011	Nam	18	18	18	18		16		4	12	11		
580	10	10A9	01010580	Mai Nguyễn Ngọc Tiên	17/08/2011	Nữ	18	18	18	18		16		4	12	11		
581	10	10A9	01010581	Nguyễn Minh Toàn	26/10/2011	Nam	19	19	19	18		16		5	12	11		
582	10	10A9	01010582	Nguyễn Thị Thiên Trang	28/12/2011	Nữ	19	19	19	18		16		5	12	11		
583	10	10A9	01010583	Đặng Minh Trí	01/12/2011	Nam	19	19	19	19		17		5	12	11		

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPL	Tin	CN
584	10	10A9	01010584	Hoàng Nguyễn Yến Vy	18/08/2011	Nữ	21	21	21	20		18		5	13	12		
585	10	10A9	01010585	Nguyễn Thị Yến Vy	05/08/2011	Nữ	21	21	21	20		18		5	13	12		
586	11	11A1	01011001	Trần Đức Anh	12/11/2010	Nam	22	22	22	22		9	1		14	7		
587	11	11A1	01011002	Phan Kiều Anh	12/06/2010	Nữ	22	22	22	22		9	1		14	7		
588	11	11A1	01011003	Huỳnh Ngọc Anh	07/03/2010	Nữ	22	22	22	22		9	1		14	7		
589	11	11A1	01011004	Đinh Trần Phương Anh	01/06/2010	Nữ	22	22	22	22		9	1		14	7		
590	11	11A1	01011005	Tổng Thục Anh	15/08/2010	Nữ	22	22	22	22		9	1		14	7		
591	11	11A1	01011006	Đào Quý Bách	02/11/2010	Nam	23	23	23	23		10	2		15	7		
592	11	11A1	01011007	Nguyễn Hoàng Đại	31/01/2010	Nam	23	23	23	23		10	2		15	7		
593	11	11A1	01011008	Nguyễn Tâm Đoan	03/11/2010	Nữ	24	24	24	24		11	3		15	7		
594	11	11A1	01011009	Nguyễn Đức Dũng	10/10/2010	Nam	24	24	24	24		11	3		15	7		
595	11	11A1	01011010	Bùi Vũ Trà Giang	17/06/2010	Nữ	25	25	25	25		11	3		16	8		
596	11	11A1	01011011	Trần Bảo Hân	17/08/2010	Nữ	25	25	25	25		12	3		16	8		
597	11	11A1	01011012	Phạm Lương Gia Hân	17/05/2010	Nữ	25	25	25	25		12	3		16	8		
598	11	11A1	01011013	Nguyễn Hoàng Hưng	23/02/2010	Nam	26	26	26	26		12	4		16	8		
599	11	11A1	01011014	Nguyễn Hoàng Huy	28/03/2010	Nam	26	26	26	26		13	4		17	8		
600	11	11A1	01011015	Phan Ngô Đăng Khoa	22/01/2010	Nam	27	27	27	27		13	5		17	8		
601	11	11A1	01011016	Trương Vũ Kiều My	14/11/2010	Nữ	29	29	29	28		15	6		18	9		
602	11	11A1	01011017	Lý Hoàng Khánh Ngọc	21/07/2010	Nữ	30	30	30	29		16	7		19	9		
603	11	11A1	01011018	Huỳnh Như	24/02/2010	Nữ	31	31	31	30		17	8		19	10		
604	11	11A1	01011019	Nguyễn Thị Quỳnh Như	13/10/2010	Nữ	31	31	31	31		17	8		20	10		
605	11	11A1	01011020	Hoàng Đức Gia Phú	28/02/2010	Nam	32	32	32	31		17	8		20	10		
606	11	11A1	01011021	Nguyễn Gia Phúc	05/11/2010	Nam	32	32	32	31		18	9		20	10		
607	11	11A1	01011022	Hà Đình Hoàng Phúc	21/03/2010	Nam	32	32	32	31		18	9		20	10		
608	11	11A1	01011023	Lê Dương Vĩnh Phúc	12/07/2010	Nam	32	32	32	32		18	9		20	10		
609	11	11A1	01011024	Nguyễn Thị Kim Phụng	18/03/2010	Nữ	32	32	32	32		18	9		20	10		
610	11	11A1	01011025	Lê Việt Quang	26/10/2010	Nam	33	33	33	32		18	10		21	10		
611	11	11A1	01011026	An Ngọc Như Quỳnh	28/01/2010	Nữ	33	33	33	33		19	10		21	11		
612	11	11A1	01011027	Nguyễn Trần Tấn Thiên	30/04/2010	Nam	34	34	34	33		19	10		21	11		
613	11	11A1	01011028	Nguyễn Minh Đức Thịnh	22/01/2010	Nam	34	34	34	33		19	10		21	11		
614	11	11A1	01011029	Đào Anh Thư	03/10/2010	Nữ	34	34	34	34		20	11		22	11		

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
615	11	11A1	01011030	Lê Đức Thuận	01/11/2010	Nam	35	35	35	34		20	11		22	11		
616	11	11A1	01011031	Lâm Gia Thục	24/10/2010	Nữ	35	35	35	34		20	11		22	11		
617	11	11A1	01011032	Lê Thị Ngọc Thủy	07/05/2010	Nữ	35	35	35	34		20	11		22	11		
618	11	11A1	01011033	Võ Ngọc Tín	13/01/2010	Nam	35	35	35	35		20	11		22	12		
619	11	11A1	01011034	Trần Hữu Tình	01/11/2008	Nam	35	35	35	35		21	11		22	12		
620	11	11A1	01011035	Đoàn Thị Kim Trân	01/01/2010	Nữ	35	35	35	35		21	12		22	12		
621	11	11A1	01011036	Đào Minh Trí	12/11/2010	Nam	35	35	35	35		21	12		22	12		
622	11	11A1	01011037	Nguyễn Kim Trinh	01/02/2010	Nữ	36	36	36	35		21	12		22	12		
623	11	11A1	01011038	Nguyễn Thị Anh Trúc	01/06/2010	Nữ	36	36	36	35		21	12		23	12		
624	11	11A1	01011039	Phạm Thế Anh Tú	12/03/2010	Nam	36	36	36	35		21	12		23	12		
625	11	11A1	01011040	Trần Huỳnh Quốc Vinh	08/03/2010	Nam	36	36	36	36		22	13		23	12		
626	11	11A10	01011041	Nguyễn Huỳnh Hồng Ân	08/01/2010	Nữ	22	22	22	22		9			14	7	15	
627	11	11A10	01011042	Từ Quốc An	09/06/2010	Nam	22	22	22	22		9			14	7	15	
628	11	11A10	01011043	Bùi Kim Anh	25/01/2010	Nữ	22	22	22	22		9			14	7	15	
629	11	11A10	01011044	Phạm Trần Phúc Anh	22/11/2010	Nữ	22	22	22	22		9			14	7	15	
630	11	11A10	01011045	Nguyễn Thùy Anh	19/09/2010	Nữ	22	22	22	22		9			14	7	15	
631	11	11A10	01011046	Đặng Võ Trâm Anh	22/03/2010	Nữ	23	23	23	23		10			14	7	15	
632	11	11A10	01011047	Phạm Khánh Băng	29/04/2010	Nữ	23	23	23	23		10			15	7	16	
633	11	11A10	01011048	Hồ Phương Dung	02/11/2010	Nữ	24	24	24	24		11			15	8	17	
634	11	11A10	01011049	Phạm Lê Quỳnh Giang	03/11/2010	Nữ	24	24	24	24		11			16	8	17	
635	11	11A10	01011050	Nguyễn Trà Giang	08/11/2010	Nữ	25	25	25	25		11			16	8	17	
636	11	11A10	01011051	Ngô Bảo Hân	31/10/2010	Nữ	25	25	25		38	12			16	8	17	
637	11	11A10	01011052	Lê Phương Hồng Hân	09/06/2009	Nữ	25	25	25	25		12			16	8	17	
638	11	11A10	01011053	Võ Nguyễn Ngọc Hân	04/06/2010	Nữ	25	25	25	25		12			16	8	17	
639	11	11A10	01011054	Lê Hoàn Hào	01/10/2010	Nữ	25	25	25	25		12			16	8	17	
640	11	11A10	01011055	Phan Hoàng Huy	23/06/2010	Nam	26	26	26	26		13			17	8	18	
641	11	11A10	01011056	Huỳnh Mai Jessica	29/09/2010	Nữ	27	27	27	26		13			17	8	18	
642	11	11A10	01011057	Lê Thùy Linh	04/12/2010	Nữ	28	28	28	28		14			17	9	19	
643	11	11A10	01011058	Trần Tuấn Minh	19/05/2010	Nam	29	29	29	28		15			18	9	20	
644	11	11A10	01011059	Trần Thị Hà My	17/02/2010	Nữ	29	29	29	28		15			18	9	20	
645	11	11A10	01011060	Nguyễn Thị Kiều My	31/01/2010	Nữ	29	29	29	28		15			18	9	20	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
646	11	11A10	01011061	Tô Tiêu My	18/12/2010	Nữ	29	29	29	29		15			18	9	20	
647	11	11A10	01011062	Huỳnh Ngọc Bảo Ngân	01/07/2010	Nữ	29	29	29	29		15			18	9	20	
648	11	11A10	01011063	Đỗ Khánh Ngân	29/07/2010	Nữ	29	29	29	29		15			18	9	20	
649	11	11A10	01011064	Từ Nguyễn Kim Ngân	26/05/2010	Nữ	29	29	29	29		15			18	9	20	
650	11	11A10	01011065	Trà Thảo Ngân	28/03/2010	Nữ	29	29	29	29		15			18	9	20	
651	11	11A10	01011066	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	11/04/2010	Nữ	30	30	30	29		16			19	9	21	
652	11	11A10	01011067	Nguyễn Huỳnh Nam Ngọc	01/03/2010	Nữ	30	30	30	30		16			19	9	21	
653	11	11A10	01011068	Dương Thanh Ngọc	21/02/2010	Nữ	30	30	30	30		16			19	10	21	
654	11	11A10	01011069	Phạm Lê Khánh Nhi	24/10/2010	Nữ	30	30	30	30		16			19	10	21	
655	11	11A10	01011070	Phạm Nguyễn Trúc Nhiên	09/09/2010	Nữ	31	31	31	30		17			19	10	22	
656	11	11A10	01011071	Đặng Nguyễn Quỳnh Ny	08/02/2010	Nữ	31	31	31	31		17			20	10	22	
657	11	11A10	01011072	Lâm Nguyễn Tấn Phát	17/05/2010	Nam	31	31	31	31		17			20	10	22	
658	11	11A10	01011073	Lê Ngũ Thuận Phát	02/01/2010	Nam	31	31	31	31		17			20	10	22	
659	11	11A10	01011074	Nguyễn Thị Tú Quyên	04/08/2010	Nữ	33	33	33	32		18			21	10	23	
660	11	11A10	01011075	Nguyễn Phát Tài	28/06/2010	Nam	33	33	33	33		19			21	11	23	
661	11	11A10	01011076	Nguyễn Ngọc Thái	03/02/2010	Nam	33	33	33	33		19			21	11	24	
662	11	11A10	01011077	Lê Thanh Thành	28/02/2010	Nam	34	34	34	33		19			21	11	24	
663	11	11A10	01011078	Nguyễn Hoàng Thịnh	08/01/2010	Nam	34	34	34	34		19			21	11	24	
664	11	11A10	01011079	Nguyễn Lê Quốc Thịnh	13/04/2010	Nam	34	34	34	34		20			21	11	24	
665	11	11A10	01011080	Trương Ngọc Thor	19/11/2010	Nữ	34	34	34	34		20			22	11	24	
666	11	11A10	01011081	Nguyễn Hoàng Minh Thư	22/11/2010	Nữ	34	34	34	34		20			22	11	24	
667	11	11A10	01011082	Hoàng Thị Thư	23/05/2010	Nữ	34	34	34	34		20			22	11	24	
668	11	11A10	01011083	Trần Trúc Thy	14/04/2010	Nữ	35	35	35	34		20			22	11	24	
669	11	11A10	01011084	Châu Phú Trọng	25/10/2010	Nam	36	36	36	35		21			22	12	25	
670	11	11A10	01011085	Nguyễn Văn Mạnh Tuấn	13/05/2010	Nam	36	36	36	35		21			23	12	25	
671	11	11A11	01011086	Trần Nhật Lan Anh	01/10/2010	Nữ	22	22	22	22			1	6			15	1
672	11	11A11	01011087	Huỳnh Tuấn Anh	13/10/2010	Nam	23	23	23	23			1	6			15	1
673	11	11A11	01011088	Đào Văn Bình	03/01/2010	Nam	23	23	23	23			2	6			16	1
674	11	11A11	01011089	Đoàn Thị Mỹ Duyên	26/05/2010	Nữ	24	24	24	24			3	6			17	1
675	11	11A11	01011090	Nguyễn Quỳnh Giang	10/05/2010	Nữ	25	25	25	24			3	6			17	1
676	11	11A11	01011091	Phạm Minh Hoàng	09/12/2010	Nam	26	26	26	25			4	6			18	2

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
677	11	11A11	01011092	Lê Quỳnh My	15/08/2010	Nữ	29	29	29	28			6	7			20	3
678	11	11A11	01011093	Nguyễn Trần Tiểu My	10/07/2010	Nữ	29	29	29	29			6	7			20	3
679	11	11A11	01011094	Nguyễn Ngọc Khánh Nghi	09/01/2010	Nữ	29	29	29	29			7	7			20	3
680	11	11A11	01011095	Dương Lê Xuân Nghi	27/01/2010	Nữ	29	29	29	29			7	7			21	3
681	11	11A11	01011096	Huỳnh Dương Bảo Ngọc	21/11/2010	Nữ	30	30	30	29			7	7			21	3
682	11	11A11	01011097	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	06/12/2010	Nữ	30	30	30	29			7	7			21	3
683	11	11A11	01011098	Bùi Thiện Nhân	16/03/2010	Nam	30	30	30	30			8	8			21	4
684	11	11A11	01011099	Quách Thị Quỳnh Như	08/05/2010	Nữ	31	31	31		38		8	8			22	4
685	11	11A11	01011100	Huỳnh Phát	02/01/2010	Nam	31	31	31	31			8	8			22	4
686	11	11A11	01011101	Châu Thiên Phúc	18/07/2010	Nam	32	32	32	32			9	8			22	4
687	11	11A11	01011102	Lâm Kim Phụng	25/01/2010	Nữ	32	32	32	32			9	8			23	4
688	11	11A11	01011103	Nguyễn Âu Tấn Phước	26/06/2010	Nam	32	32	32	32			9	8			23	4
689	11	11A11	01011104	Nguyễn Thành Thắng	16/02/2010	Nam	33	33	33	33			10	8			24	5
690	11	11A11	01011105	Nguyễn Hữu An Thanh	13/04/2010	Nữ	33	33	33	33			10	8			24	5
691	11	11A11	01011106	Tôn Nữ Anh Thư	03/01/2010	Nữ	34	34	34	34			11	8			24	5
692	11	11A11	01011107	Lâm Tổ Trân	23/01/2010	Nữ	35	35	35	35			12	9			25	5
693	11	11A11	01011108	Nguyễn Thị Phương Trang	06/11/2010	Nữ	35	35	35	35			12	9			25	5
694	11	11A11	01011109	Trần Thanh Trúc	27/08/2010	Nữ	36	36	36	35			12	9			25	6
695	11	11A11	01011110	Nguyễn Thảo Vân	11/06/2010	Nữ	36	36	36	36			12	9			26	6
696	11	11A11	01011111	Đỗ Hoàng Lan Vi	08/04/2010	Nữ	36	36	36	36			12	9			26	6
697	11	11A11	01011112	Phạm Khánh Vy	24/05/2010	Nữ	37	37	37	37			13	9			26	6
698	11	11A11	01011113	Nguyễn Lương Minh Vy	05/02/2010	Nữ	37	37	37	37			13	9			26	6
699	11	11A12	01011114	Trương Băng Băng	15/04/2010	Nữ	23	23	23	23			2	6			16	1
700	11	11A12	01011115	Nguyễn Ngọc Khánh Băng	11/02/2010	Nữ	23	23	23	23			2	6			16	1
701	11	11A12	01011116	Trình Gia Hân	20/02/2010	Nữ	25	25	25	25			3	6			17	1
702	11	11A12	01011117	Nguyễn Ngọc Hân	12/02/2010	Nữ	25	25	25	25			3	6			17	1
703	11	11A12	01011118	Nguyễn Ngọc Mỹ Hằng	02/01/2010	Nữ	25	25	25	25			3	6			17	1
704	11	11A12	01011119	Nguyễn Phúc Hưng	10/07/2010	Nam	26	26	26	26			4	6			18	2
705	11	11A12	01011120	Trương Ngọc Quỳnh Hương	22/02/2010	Nữ	26	26	26	26			4	6			18	2
706	11	11A12	01011121	Bùi Phan Hoàng Xuân Hương	11/02/2010	Nữ	26	26	26	26			4	6			18	2
707	11	11A12	01011122	Trần Dzoãn Gia Khang	05/08/2009	Nam	27	27	27	26			5	7			18	2

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
708	11	11A12	01011123	Huỳnh Ngân Khánh	31/10/2010	Nữ	27	27	27	27			5	7			19	2
709	11	11A12	01011124	Nguyễn Thụy Khánh	17/06/2010	Nữ	27	27	27	27			5	7			19	2
710	11	11A12	01011125	Phạm Gia Khiêm	18/10/2010	Nam	27	27	27	27			5	7			19	2
711	11	11A12	01011126	Nguyễn Hoàng Khôi	09/03/2010	Nam	27	27	27	27			5	7			19	2
712	11	11A12	01011127	Nguyễn Châu Ngọc Hoàng Mai	21/08/2010	Nữ	28	28	28	28			6	7			20	3
713	11	11A12	01011128	Lâm Thụy Ngọc Ngân	06/03/2010	Nữ	29	29	29	29			7	7			20	3
714	11	11A12	01011129	Lý Khánh Ngọc	30/10/2010	Nữ	30	30	30	30			7	7			21	3
715	11	11A12	01011130	Nguyễn Gia Nhi	19/12/2009	Nữ	30	30	30	30			8	8			21	4
716	11	11A12	01011131	Trần Kim Phát	25/11/2010	Nam	31	31	31	31			8	8			22	4
717	11	11A12	01011132	Phạm Thị Hồng Quyên	20/06/2010	Nữ	33	33	33	32			10	8			23	5
718	11	11A12	01011133	Trương Vĩnh Thắng	05/03/2010	Nam	33	33	33	33			10	8			24	5
719	11	11A12	01011134	Đào Quốc Thịnh	08/02/2010	Nam	34	34	34	34			11	8			24	5
720	11	11A12	01011135	Trần Hoàng Minh Toàn	25/05/2010	Nam	35	35	35	35			11	9			25	5
721	11	11A12	01011136	Nguyễn Bảo Trân	05/10/2010	Nữ	35	35	35	35			12	9			25	5
722	11	11A12	01011137	Trần Hải Triều	02/01/2010	Nam	36	36	36	35			12	9			25	6
723	11	11A12	01011138	Nguyễn Minh Tuấn	19/04/2010	Nam	36	36	36	36			12	9			25	6
724	11	11A12	01011139	Tô Quốc Việt	09/09/2010	Nam	36	36	36	36			13	9			26	6
725	11	11A12	01011140	Trịnh Nguyễn Quang Vinh	01/10/2010	Nam	36	36	36	36			13	9			26	6
726	11	11A12	01011141	Nguyễn Quỳnh Vy	24/03/2010	Nữ	37	37	37	37			13	9			26	6
727	11	11A12	01011142	Huỳnh Thanh Vy	14/09/2010	Nữ	37	37	37	37			13	9			26	6
728	11	11A12	01011143	Võ Nguyễn Yên Xuân	19/10/2010	Nữ	37	37	37	37			13	9			26	6
729	11	11A2	01011144	Nguyễn Cửu Quỳnh Anh	15/01/2010	Nữ	22	22	22	22		9	1		14	7		
730	11	11A2	01011145	Trần Tuấn Anh	02/04/2010	Nam	23	23	23	23		10	1		14	7		
731	11	11A2	01011146	Huỳnh Vân Anh	06/09/2010	Nữ	23	23	23	23		10	1		14	7		
732	11	11A2	01011147	Bùi Mai Vương Anh	24/07/2010	Nữ	23	23	23	23		10	2		14	7		
733	11	11A2	01011148	Đào Ngọc Minh Châu	20/03/2010	Nữ	23	23	23	23		10	2		15	7		
734	11	11A2	01011149	Trần Tiểu Đăng	08/01/2010	Nam	24	24	24	24		10	2		15	7		
735	11	11A2	01011150	Nguyễn Quốc Duy	23/04/2010	Nam	24	24	24	24		11	3		16	8		
736	11	11A2	01011151	Trịnh Thu Giang	21/08/2010	Nữ	25	25	25	24		11	3		16	8		
737	11	11A2	01011152	Huỳnh Long Quốc Hải	16/04/2010	Nam	25	25	25		38	12	3		16	8		
738	11	11A2	01011153	Nguyễn Việt Hoa	13/06/2010	Nữ	25	25	25	25		12	4		16	8		

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
739	11	11A2	01011154	Phạm Quốc Huy	18/01/2010	Nam	26	26	26	26		13	5		17	8		
740	11	11A2	01011155	Tiêu Minh Khang	13/11/2010	Nam	27	27	27	26		13	5		17	8		
741	11	11A2	01011156	Lâm Huỳnh Tuấn Kiệt	21/11/2010	Nam	27	27	27	27		14	5		17	9		
742	11	11A2	01011157	Lư Tường Lam	20/08/2010	Nữ	27	27	27	27		14	5		17	9		
743	11	11A2	01011158	Dương Phương Linh	10/03/2010	Nữ	28	28	28	27		14	6		17	9		
744	11	11A2	01011159	Nguyễn Hoàng Long	17/02/2010	Nam	28	28	28	28		14	6		18	9		
745	11	11A2	01011160	Dương Thị Thảo Mi	31/03/2010	Nữ	28	28	28		38	15	6		18	9		
746	11	11A2	01011161	Lương Gia Minh	21/12/2010	Nam	28	28	28	28		15	6		18	9		
747	11	11A2	01011162	Trần Hoàn Mỹ	04/05/2010	Nữ	29	29	29	28		15	6		18	9		
748	11	11A2	01011163	Đinh Huỳnh Bảo Nghi	06/10/2010	Nữ	29	29	29	29		15	7		19	9		
749	11	11A2	01011164	Thái Tuyết Nghi	05/04/2010	Nữ	29	29	29	29		16	7		19	9		
750	11	11A2	01011165	Nguyễn Hoàng Nguyên	18/11/2010	Nam	30	30	30	30		16	7		19	10		
751	11	11A2	01011166	Vũ Thế Nguyên	10/08/2010	Nam	30	30	30	30		16	7		19	10		
752	11	11A2	01011167	Trương Hạnh Nhân	28/04/2010	Nam	30	30	30		38	16	8		19	10		
753	11	11A2	01011168	Đỗ Trọng Nhân	21/07/2010	Nam	30	30	30	30		16	8		19	10		
754	11	11A2	01011169	Nguyễn Thanh Nhựt	23/05/2010	Nam	31	31	31	31		17	8		20	10		
755	11	11A2	01011170	Nguyễn Như Phúc	26/10/2010	Nữ	32	32	32	31		18	9		20	10		
756	11	11A2	01011171	Lê Phạm Duy Tân	01/07/2010	Nam	33	33	33	33		19	10		21	11		
757	11	11A2	01011172	Trần Tiến Thành	26/03/2010	Nam	34	34	34	33		19	10		21	11		
758	11	11A2	01011173	Võ Quốc Thịnh	02/08/2010	Nam	34	34	34	34		20	11		22	11		
759	11	11A2	01011174	Nguyễn Đào Anh Thư	03/03/2010	Nữ	34	34	34		38	20	11		22	11		
760	11	11A2	01011175	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	24/05/2010	Nữ	35	35	35	35		21	11		22	12		
761	11	11A2	01011176	Nguyễn Cát Tường	05/02/2010	Nữ	36	36	36	36		21	12		23	12		
762	11	11A2	01011177	Đinh Thị Ngọc Tuyền	11/05/2010	Nữ	36	36	36	36		21	12		23	12		
763	11	11A2	01011178	Nguyễn Hoàng Thuý Vi	31/12/2010	Nữ	36	36	36	36		22	13		23	12		
764	11	11A2	01011179	Võ Nguyễn Khánh Vy	04/11/2010	Nữ	37	37	37	36		22	13		23	12		
765	11	11A2	01011180	Đỗ Lê Kim Xuân	17/01/2010	Nữ	37	37	37	37		22	13		23	12		
766	11	11A2	01011181	Nguyễn Hoàng Như Ý	14/09/2010	Nữ	37	37	37	37		22	13		23	12		
767	11	11A2	01011182	Nguyễn Trọng Nhã Yên	25/08/2010	Nữ	37	37	37	37		22	13		23	12		
768	11	11A3	01011183	Phạm Mỹ Ánh	12/08/2010	Nữ	22	22	22	22		9	1		14		15	
769	11	11A3	01011184	Nguyễn Thị Mỹ Ánh	17/03/2010	Nữ	22	22	22	22		9	1		14		15	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
770	11	11A3	01011185	Phạm Thị Ngọc Ánh	26/11/2010	Nữ	22	22	22	22		9	1		14		15	
771	11	11A3	01011186	Huỳnh Tấn Anh	11/07/2010	Nam	22	22	22	22		9	1		14		15	
772	11	11A3	01011187	Trương Tuấn Anh	05/05/2010	Nam	23	23	23	23		10	1		14		15	
773	11	11A3	01011188	Châu Hoàng Bách	15/01/2010	Nam	23	23	23	23		10	2		15		15	
774	11	11A3	01011189	Nguyễn Lê Ngọc Châu	11/01/2010	Nữ	23	23	23	23		10	2		15		16	
775	11	11A3	01011190	Trần Ngọc Linh Đan	11/07/2010	Nữ	23	23	23	23		10	2		15		16	
776	11	11A3	01011191	Ngô Thị Hồng Đào	21/08/2010	Nữ	24	24	24	24		10	2		15		16	
777	11	11A3	01011192	Dương Hoàng Đạt	07/01/2010	Nam	24	24	24	24		11	2		15		16	
778	11	11A3	01011193	Nguyễn Tiến Đạt	04/03/2010	Nam	24	24	24	24		11	2		15		16	
779	11	11A3	01011194	Nguyễn Hoàng Dũng	03/06/2010	Nam	24	24	24	24		11	3		15		17	
780	11	11A3	01011195	Nguyễn Huy Hoàng	19/02/2010	Nam	26	26	26	25		12	4		16		18	
781	11	11A3	01011196	Lâm Phúc Khánh	24/05/2010	Nữ	27	27	27	27		13	5		17		19	
782	11	11A3	01011197	Lê Trung Kiên	27/09/2010	Nam	27	27	27	27		14	5		17		19	
783	11	11A3	01011198	Huỳnh Thị Tường Lam	02/03/2010	Nữ	28	28	28	27		14	5		17		19	
784	11	11A3	01011199	Lê Nguyệt Quyền Linh	27/08/2010	Nữ	28	28	28	28		14	6		17		19	
785	11	11A3	01011200	Dương Hoàng Long	07/01/2010	Nam	28	28	28	28		14	6		18		19	
786	11	11A3	01011201	Huỳnh Nhật Long	16/02/2010	Nam	28	28	28	28		14	6		18		20	
787	11	11A3	01011202	Lê Quang Minh	15/09/2010	Nam	28	28	28	28		15	6		18		20	
788	11	11A3	01011203	Nguyễn Ngọc Tuyết Ngân	08/10/2010	Nữ	29	29	29	29		15	7		19		20	
789	11	11A3	01011204	Nguyễn Thị Thúy Nhi	18/07/2010	Nữ	31	31	31	30		17	8		19		21	
790	11	11A3	01011205	Trần Yên Nhi	09/10/2010	Nữ	31	31	31	30		17	8		19		21	
791	11	11A3	01011206	Trần Lê Quỳnh Như	03/03/2010	Nữ	31	31	31	30		17	8		20		22	
792	11	11A3	01011207	Tăng Minh Phú	26/06/2010	Nam	32	32	32	31		17	9		20		22	
793	11	11A3	01011208	Phạm Võ Hoàng Phúc	15/10/2010	Nam	32	32	32	31		18	9		20		22	
794	11	11A3	01011209	Nguyễn Vũ Quân	08/04/2010	Nam	33	33	33	32		18	9		20		23	
795	11	11A3	01011210	Nguyễn Nhật Quang	19/01/2010	Nam	33	33	33	32		18	9		20		23	
796	11	11A3	01011211	Nguyễn Thanh Sang	16/11/2010	Nam	33	33	33	33		19	10		21		23	
797	11	11A3	01011212	Nguyễn Hoài Sơn	06/03/2010	Nam	33	33	33	33		19	10		21		23	
798	11	11A3	01011213	Hoàng Phúc Tấn	18/04/2010	Nam	33	33	33	33		19	10		21		23	
799	11	11A3	01011214	Nguyễn Đan Thanh	03/11/2010	Nữ	34	34	34	33		19	10		21		24	
800	11	11A3	01011215	Trần An Thịnh	24/03/2010	Nam	34	34	34	33		19	10		21		24	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPL	Tin	CN
801	11	11A3	01011216	Nguyễn Ngọc Bình Thơ	07/05/2010	Nữ	34	34	34	34		20	11		22		24	
802	11	11A3	01011217	Trịnh Phan Minh Thư	17/11/2010	Nữ	34	34	34	34		20	11		22		24	
803	11	11A3	01011218	Hồ Nguyễn Hoàng Phúc Tín	28/01/2010	Nam	35	35	35	35		21	11		22		25	
804	11	11A3	01011219	Lê Trung Tính	04/05/2010	Nam	35	35	35	35		21	11		22		25	
805	11	11A3	01011220	Lê Hà Phương Trinh	16/05/2010	Nữ	36	36	36	35		21	12		22		25	
806	11	11A3	01011221	Dương Thái Tuấn	10/02/2010	Nam	36	36	36	36		21	12		23		25	
807	11	11A3	01011222	Lê Phương Vy	06/08/2010	Nữ	37	37	37	37		22	13		23		26	
808	11	11A4	01011223	Nguyễn Trần Hoàng Anh	12/01/2010	Nam	22	22	22	22		9	1		14		15	
809	11	11A4	01011224	Lê Võ Phong Anh	09/06/2010	Nam	22	22	22	22		9	1		14		15	
810	11	11A4	01011225	Bùi Quỳnh Anh	29/12/2010	Nữ	22	22	22	22		9	1		14		15	
811	11	11A4	01011226	Phan Thị Trâm Anh	26/04/2010	Nữ	23	23	23	23		10	1		14		15	
812	11	11A4	01011227	Trần Vân Anh	05/09/2010	Nữ	23	23	23	23		10	1		14		15	
813	11	11A4	01011228	Lê Khánh Chân	05/01/2010	Nữ	23	23	23	23		10	2		15		16	
814	11	11A4	01011229	Lê Huy Cường	06/03/2010	Nam	23	23	23	23		10	2		15		16	
815	11	11A4	01011230	Nguyễn Minh Đăng	29/09/2010	Nam	24	24	24	24		10	2		15		16	
816	11	11A4	01011231	Phạm Huỳnh Thế Danh	12/05/2010	Nam	24	24	24	24		10	2		15		16	
817	11	11A4	01011232	Huỳnh Phúc Điền	11/06/2010	Nam	24	24	24	24		11	2		15		16	
818	11	11A4	01011233	Nguyễn Đình	21/02/2010	Nữ	24	24	24	24		11	2		15		16	
819	11	11A4	01011234	Nguyễn Huỳnh Anh Đức	14/01/2010	Nam	24	24	24	24		11	3		15		16	
820	11	11A4	01011235	Lê Huỳnh Đức	16/03/2010	Nam	24	24	24	24		11	3		15		16	
821	11	11A4	01011236	Trần Lê Minh Đức	04/11/2010	Nam	24	24	24	24		11	3		15		16	
822	11	11A4	01011237	Nguyễn Xuân Nguyên Đức	31/07/2010	Nam	24	24	24	24		11	3		15		17	
823	11	11A4	01011238	Lê Hoàng Dương	25/04/2010	Nam	24	24	24	24		11	3		16		17	
824	11	11A4	01011239	Trần Phương Bích Hân	11/05/2010	Nữ	25	25	25	25		12	3		16		17	
825	11	11A4	01011240	Nguyễn Trí Hiếu	20/05/2010	Nam	25	25	25	25		12	4		16		17	
826	11	11A4	01011241	Nguyễn An Huy	01/01/2010	Nam	26	26	26	26		13	4		16		18	
827	11	11A4	01011242	Trần Hữu Khang	20/08/2010	Nam	27	27	27	26		13	5		17		18	
828	11	11A4	01011243	Lê Nguyễn Thiên Kim	17/02/2010	Nữ	27	27	27	27		14	5		17		19	
829	11	11A4	01011244	Huỳnh Thiên Long	14/05/2010	Nam	28	28	28	28		14	6		18		20	
830	11	11A4	01011245	Đặng Tuyết Mai	12/06/2010	Nữ	28	28	28	28		15	6		18		20	
831	11	11A4	01011246	Đặng Nhật Minh	23/03/2010	Nam	28	28	28	28		15	6		18		20	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
832	11	11A4	01011247	Phùng Nguyễn Kim Ngân	20/05/2010	Nữ	29	29	29	29		15	7		18		20	
833	11	11A4	01011248	Nguyễn Phương Nghi	09/03/2010	Nữ	29	29	29	29		15	7		19		20	
834	11	11A4	01011249	Nguyễn Lương Bảo Ngọc	27/02/2010	Nữ	30	30	30	29		16	7		19		21	
835	11	11A4	01011250	Lê Khánh Ngọc	12/04/2010	Nữ	30	30	30	30		16	7		19		21	
836	11	11A4	01011251	Trương Trí Nguyễn	18/04/2010	Nam	30	30	30	30		16	7		19		21	
837	11	11A4	01011252	Ngô Thiên Nhi	18/05/2010	Nữ	31	31	31	30		16	8		19		21	
838	11	11A4	01011253	Kiều Phong	01/02/2010	Nam	31	31	31	31		17	8		20		22	
839	11	11A4	01011254	Lê Đình Phú	11/12/2010	Nam	31	31	31	31		17	8		20		22	
840	11	11A4	01011255	Nguyễn Đức Gia Phúc	05/08/2010	Nam	32	32	32	31		17	9		20		22	
841	11	11A4	01011256	Cao Hoàng Phúc	06/05/2010	Nam	32	32	32	31		18	9		20		22	
842	11	11A4	01011257	Nguyễn Trọng Phúc	12/01/2010	Nam	32	32	32	32		18	9		20		22	
843	11	11A4	01011258	Nguyễn Trung Phúc	06/12/2010	Nam	32	32	32	32		18	9		20		23	
844	11	11A4	01011259	Trần Nhật Quang	12/05/2010	Nam	33	33	33	32		18	9		21		23	
845	11	11A4	01011260	Trần Gia Thành	29/03/2010	Nam	34	34	34	33		19	10		21		24	
846	11	11A4	01011261	Mai Nguyễn Phương Thảo	11/11/2010	Nữ	34	34	34	33		19	10		21		24	
847	11	11A4	01011262	Phạm Minh Trung	20/03/2010	Nam	36	36	36	35		21	12		23		25	
848	11	11A4	01011263	Hoeung Hỷ Tước	04/08/2010	Nữ	36	36	36	36		21	12		23		25	
849	11	11A4	01011264	Đoàn Huệ Vy	07/12/2010	Nữ	37	37	37	36		22	13		23		26	
850	11	11A5	01011265	Lê Xuân Bách	17/02/2010	Nam	23	23	23	23		10	2		15		16	
851	11	11A5	01011266	Khuru Quốc Đạt	10/02/2010	Nam	24	24	24		38	11	2		15		16	
852	11	11A5	01011267	Hoàng Thanh Diễm	12/10/2010	Nữ	24	24	24	24		11	2		15		16	
853	11	11A5	01011268	Đào Ngọc Khánh Hà	19/10/2010	Nữ	25	25	25	25		11	3		16		17	
854	11	11A5	01011269	Trần Nguyễn Minh Hằng	19/04/2010	Nữ	25	25	25	25		12	3		16		17	
855	11	11A5	01011270	Vũ Thị Minh Hòa	25/12/2010	Nữ	25	25	25	25		12	4		16		17	
856	11	11A5	01011271	Đặng Minh Hưng	23/07/2010	Nam	26	26	26	26		12	4		16		18	
857	11	11A5	01011272	Thạch Hải Đăng Huy	11/03/2010	Nam	26	26	26	26		13	4		16		18	
858	11	11A5	01011273	Nguyễn Gia Huy	01/10/2010	Nam	26	26	26	26		13	4		17		18	
859	11	11A5	01011274	Nguyễn Nhật Huy	14/12/2010	Nam	26	26	26	26		13	4		17		18	
860	11	11A5	01011275	Dương Quang Huy	29/06/2010	Nam	26	26	26	26		13	4		17		18	
861	11	11A5	01011276	Nguyễn Thanh Huy	14/01/2010	Nam	26	26	26	26		13	5		17		18	
862	11	11A5	01011277	Nguyễn Thị Minh Huyền	07/05/2010	Nữ	26	26	26	26		13	5		17		18	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
863	11	11A5	01011278	Từ Công Lâm	26/08/2010	Nam	27	27	27	27		14	5		17		19	
864	11	11A5	01011279	Nguyễn Lê	29/01/2010	Nam	28	28	28	27		14	5		17		19	
865	11	11A5	01011280	Huỳnh Tấn Lộc	27/03/2010	Nam	28	28	28	28		14	6		18		19	
866	11	11A5	01011281	Trần Võ Thắng Long	11/03/2010	Nam	28	28	28	28		14	6		18		20	
867	11	11A5	01011282	Lê Hoàng Nhật Luân	13/06/2010	Nam	28	28	28	28		14	6		18		20	
868	11	11A5	01011283	Văn Phương Mai	21/12/2010	Nữ	28	28	28	28		15	6		18		20	
869	11	11A5	01011284	Kiều Đức Minh	22/03/2010	Nam	28	28	28	28		15	6		18		20	
870	11	11A5	01011285	Nguyễn Hoàng Khôi Nguyên	18/06/2010	Nam	30	30	30	30		16	7		19		21	
871	11	11A5	01011286	Trần Nguyễn Minh Nguyệt	19/04/2010	Nữ	30	30	30	30		16	7		19		21	
872	11	11A5	01011287	Nguyễn Đức Phát	04/10/2010	Nam	31	31	31	31		17	8		20		22	
873	11	11A5	01011288	Đặng Thanh Phú	29/06/2010	Nam	32	32	32	31		17	9		20		22	
874	11	11A5	01011289	Nguyễn Mậu Võ Trúc Phương	05/01/2010	Nữ	32	32	32	32		18	9		20		23	
875	11	11A5	01011290	Nguyễn Phạm Hoàng Quân	04/12/2010	Nam	32	32	32	32		18	9		20		23	
876	11	11A5	01011291	Quách Thế Quang	17/11/2010	Nam	33	33	33	32		18	9		21		23	
877	11	11A5	01011292	Nguyễn Tiến Quang	08/05/2010	Nam	33	33	33	32		18	10		21		23	
878	11	11A5	01011293	Phạm Thanh Tâm	24/12/2010	Nữ	33	33	33	33		19	10		21		23	
879	11	11A5	01011294	Nguyễn Xuân Tân	21/02/2010	Nam	33	33	33	33		19	10		21		23	
880	11	11A5	01011295	Nguyễn Phương Thanh	07/04/2010	Nữ	34	34	34	33		19	10		21		24	
881	11	11A5	01011296	Phạm Bảo Thy	23/03/2010	Nữ	35	35	35	34		20	11		22		24	
882	11	11A5	01011297	Lê Quang Tính	22/06/2010	Nam	35	35	35	35		21	11		22		25	
883	11	11A5	01011298	Lê Ngọc Phương Trang	26/06/2010	Nữ	35	35	35	35		21	12		22		25	
884	11	11A5	01011299	Lâm Nguyễn Cát Tường	19/09/2010	Nữ	36	36	36	36		21	12		23		25	
885	11	11A5	01011300	Lý Thu Vân	17/06/2010	Nữ	36	36	36	36		22	12		23		26	
886	11	11A5	01011301	Nguyễn Cao Tấn Vinh	28/03/2010	Nam	36	36	36		38	22	13		23		26	
887	11	11A5	01011302	Quách Thế Vinh	17/11/2010	Nam	37	37	37	36		22	13		23		26	
888	11	11A5	01011303	Lê Lan Vy	19/03/2010	Nữ	37	37	37	37		22	13		23		26	
889	11	11A5	01011304	Nguyễn Phi Yến	01/05/2010	Nữ	37	37	37	37		22	13		23		26	
890	11	11A6	01011305	Phan Nguyễn Phương Anh	13/08/2010	Nữ	22	22	22	22		9	1		14			1
891	11	11A6	01011306	Dương Quỳnh Anh	26/11/2010	Nữ	22	22	22	22		9	1		14			1
892	11	11A6	01011307	Trần Thị Tuyết Anh	18/12/2010	Nữ	23	23	23	23		10	1		14			1
893	11	11A6	01011308	Phan Hoàng Bảo Duy	23/03/2010	Nam	24	24	24	24		11	3		16			1

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
894	11	11A6	01011309	Châu Gia Hân	12/09/2010	Nữ	25	25	25	25		12	3		16			1
895	11	11A6	01011310	Đoàn Quang Hiền	08/10/2010	Nam	25	25	25	25		12	4		16			2
896	11	11A6	01011311	Nguyễn Quốc Hưng	23/09/2010	Nam	26	26	26		38	12	4		16			2
897	11	11A6	01011312	Ngô Gia Huy	09/04/2010	Nam	26	26	26	26		13	4		17			2
898	11	11A6	01011313	Nguyễn Tấn Khang	15/12/2010	Nam	27	27	27	27		13	5		17			2
899	11	11A6	01011314	Võ Minh Khoa	27/08/2010	Nam	27	27	27		38	13	5		17			2
900	11	11A6	01011315	Nguyễn Minh Khôi	08/11/2010	Nam	27	27	27	27		13	5		17			2
901	11	11A6	01011316	Đặng Thụy Tường Lam	06/06/2010	Nữ	28	28	28	27		14	5		17			3
902	11	11A6	01011317	Bùi Kiều My	01/03/2010	Nữ	29	29	29	28		15	6		18			3
903	11	11A6	01011318	Trần Đức Nam	23/08/2010	Nam	29	29	29	29		15	6		18			3
904	11	11A6	01011319	Trần Ngọc Kim Ngân	17/04/2010	Nữ	29	29	29		38	15	7		18			3
905	11	11A6	01011320	Diệp Hiều Nghi	01/06/2010	Nữ	29	29	29	29		15	7		19			3
906	11	11A6	01011321	Huỳnh Bảo Ngọc	21/11/2010	Nữ	30	30	30	29		16	7		19			3
907	11	11A6	01011322	Trần Bảo Ngọc	27/11/2010	Nữ	30	30	30	29		16	7		19			3
908	11	11A6	01011323	Lữ Chí Nhân	13/04/2010	Nam	30	30	30	30		16	8		19			4
909	11	11A6	01011324	Nguyễn Phan Huỳnh Như	16/07/2010	Nữ	31	31	31	30		17	8		19			4
910	11	11A6	01011325	Chiêm Trần Quỳnh Như	07/02/2010	Nữ	31	31	31	31		17	8		20			4
911	11	11A6	01011326	Võ Thành Phước	17/08/2010	Nam	32	32	32	32		18	9		20			4
912	11	11A6	01011327	Lê Hoàng Tân	15/08/2010	Nam	33	33	33	33		19	10		21			5
913	11	11A6	01011328	Nguyễn Nhựt Tân	13/01/2010	Nam	33	33	33	33		19	10		21			5
914	11	11A6	01011329	Phạm Trần Phước Thịnh	13/07/2010	Nam	34	34	34	34		20	11		21			5
915	11	11A6	01011330	Nguyễn Ngọc Bảo Thơ	25/03/2010	Nữ	34	34	34	34		20	11		22			5
916	11	11A6	01011331	Châu Quốc Thọ	01/12/2010	Nam	34	34	34	34		20	11		22			5
917	11	11A6	01011332	Lê Thuận	16/08/2009	Nam	35	35	35	34		20	11		22			5
918	11	11A6	01011333	Nguyễn Tiến Trung	31/01/2010	Nam	36	36	36	35		21	12		23			6
919	11	11A6	01011334	Nguyễn Thị Huyền Vy	06/07/2010	Nữ	37	37	37	36		22	13		23			6
920	11	11A6	01011335	Trương Lan Vy	06/01/2010	Nữ	37	37	37	37		22	13		23			6
921	11	11A6	01011336	Nguyễn Lê Phương Vy	08/03/2010	Nữ	37	37	37		38	22	13		23			6
922	11	11A7	01011337	Lê Cao Hoàng An	07/01/2010	Nam	22	22	22	22		9	1				15	1
923	11	11A7	01011338	Lâm Nhật Anh	22/08/2010	Nam	22	22	22	22		9	1				15	1
924	11	11A7	01011339	Nguyễn Kiều Vĩ Anh	15/08/2010	Nam	23	23	23	23		10	1				15	1

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
925	11	11A7	01011340	Lê Gia Bảo	14/06/2010	Nam	23	23	23	23		10	2				16	1
926	11	11A7	01011341	Phan Minh Đan	30/10/2010	Nữ	23	23	23	23		10	2				16	1
927	11	11A7	01011342	Đinh Đình Đình	23/10/2010	Nữ	24	24	24	24		11	2				16	1
928	11	11A7	01011343	Phạm Thành Duy	30/01/2010	Nam	24	24	24	24		11	3				17	1
929	11	11A7	01011344	Tăng Mỹ Hân	05/04/2010	Nữ	25	25	25	25		12	3				17	1
930	11	11A7	01011345	Huỳnh Thanh Hòa	06/03/2010	Nam	25	25	25	25		12	4				17	2
931	11	11A7	01011346	Hà Huy Hoàng	01/03/2010	Nam	26	26	26	25		12	4				18	2
932	11	11A7	01011347	Nguyễn Huy Hoàng	07/08/2010	Nam	26	26	26	25		12	4				18	2
933	11	11A7	01011348	Huỳnh Ngọc Phúc Hưng	19/06/2010	Nam	26	26	26	26		12	4				18	2
934	11	11A7	01011349	Hoàng Đình Tuấn Hưng	02/01/2010	Nam	26	26	26	26		13	4				18	2
935	11	11A7	01011350	Hoàng Anh Khôi	25/02/2010	Nam	27	27	27	27		13	5				19	2
936	11	11A7	01011351	Nguyễn Võ Minh Khôi	10/01/2010	Nam	27	27	27	27		14	5				19	3
937	11	11A7	01011352	Nguyễn Hà Khánh Linh	18/09/2010	Nữ	28	28	28	27		14	6				19	3
938	11	11A7	01011353	Đặng Phương Linh	09/04/2010	Nữ	28	28	28	27		14	6				19	3
939	11	11A7	01011354	Nguyễn Thị Kiều Loan	12/09/2010	Nữ	28	28	28	28		14	6				19	3
940	11	11A7	01011355	Đoàn Đại Lợi	28/05/2010	Nam	28	28	28	28		14	6				19	3
941	11	11A7	01011356	Đặng Trúc Ngân	14/02/2010	Nữ	29	29	29	29		15	7				20	3
942	11	11A7	01011357	Nguyễn Đình Nghiêm	04/01/2010	Nam	29	29	29	29		16	7				21	3
943	11	11A7	01011358	Hoàng Thanh Ngọc	13/10/2010	Nữ	30	30	30	30		16	7				21	3
944	11	11A7	01011359	Vũ Thị Tuệ Nguyên	30/04/2010	Nữ	30	30	30	30		16	7				21	3
945	11	11A7	01011360	Nguyễn Khánh Nhi	24/05/2010	Nữ	30	30	30	30		16	8				21	4
946	11	11A7	01011361	Hồ Ngọc Quỳnh Nhi	19/06/2010	Nữ	31	31	31	30		16	8				21	4
947	11	11A7	01011362	Ngô Minh Phát	08/12/2010	Nam	31	31	31	31		17	8				22	4
948	11	11A7	01011363	Nguyễn Xuân Phát	29/11/2010	Nam	31	31	31	31		17	8				22	4
949	11	11A7	01011364	Lê Trần Tuấn Phong	24/02/2010	Nam	31	31	31	31		17	8				22	4
950	11	11A7	01011365	Trần Gia Phú	14/06/2010	Nam	32	32	32	31		17	9				22	4
951	11	11A7	01011366	Trần Ngọc Thiên Phúc	17/06/2010	Nam	32	32	32	32		18	9				22	4
952	11	11A7	01011367	Trần Nguyễn Nam Phương	24/02/2010	Nữ	32	32	32	32		18	9				23	4
953	11	11A7	01011368	Nguyễn Phan Đình Quý	08/06/2010	Nam	33	33	33	32		18	10				23	4
954	11	11A7	01011369	Đinh Duy Thái	07/01/2010	Nam	33	33	33	33		19	10				23	5
955	11	11A7	01011370	Hồ Dương Trí Thức	08/12/2010	Nam	35	35	35	34		20	11				24	5

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
956	11	11A7	01011371	Lê Văn Huy Tiến	01/01/2010	Nam	35	35	35	34		20	11				25	5
957	11	11A7	01011372	Phan Nguyễn Thái Tín	29/08/2010	Nam	35	35	35	35		21	11				25	5
958	11	11A7	01011373	Lâm Trần Phú Toàn	22/11/2010	Nam	35	35	35	35		21	11				25	5
959	11	11A7	01011374	Phạm Duy Tuân	17/11/2010	Nam	36	36	36	35		21	12				25	6
960	11	11A7	01011375	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	23/04/2010	Nữ	36	36	36	36		21	12				25	6
961	11	11A7	01011376	Ngô Lê Minh Vy	08/04/2010	Nữ	37	37	37	37		22	13				26	6
962	11	11A7	01011377	Nguyễn Ngọc Tường Vy	12/07/2010	Nữ	37	37	37	37		22	13				26	6
963	11	11A7	01011378	Lê Yến Vy	29/10/2010	Nữ	37	37	37	37		22	13				26	6
964	11	11A7	01011379	Nguyễn Ngọc Như Ý	25/10/2010	Nữ	37	37	37	37		22	13				26	6
965	11	11A8	01011380	Lê Ngọc Trâm Anh	15/10/2010	Nữ	22	22	22	22		9	1				15	1
966	11	11A8	01011381	Tạ Ngọc Trâm Anh	25/02/2010	Nữ	23	23	23	22		9	1				15	1
967	11	11A8	01011382	Huỳnh Lục Gia Bảo	17/07/2010	Nam	23	23	23	23		10	2				16	1
968	11	11A8	01011383	Lương Nguyễn Khánh Đăng	15/10/2010	Nam	24	24	24	23		10	2				16	1
969	11	11A8	01011384	Huỳnh Phạm Trúc Hà	14/10/2010	Nữ	25	25	25	25		11	3				17	1
970	11	11A8	01011385	Trương Quốc Hào	18/06/2010	Nam	25	25	25	25		12	3				17	2
971	11	11A8	01011386	Nguyễn Nhật Hoàng	06/10/2010	Nam	26	26	26	26		12	4				18	2
972	11	11A8	01011387	Mã Nguyễn Trọng Hoàng	19/11/2010	Nam	26	26	26	26		12	4				18	2
973	11	11A8	01011388	Hoàng Phúc Hưng	31/01/2010	Nam	26	26	26	26		12	4				18	2
974	11	11A8	01011389	Mai Xuân Hùng	06/01/2010	Nam	26	26	26	26		13	4				18	2
975	11	11A8	01011390	Đỗ Minh Khang	23/01/2010	Nam	27	27	27	26		13	5				18	2
976	11	11A8	01011391	Nguyễn Mạnh Khôi	08/08/2010	Nam	27	27	27	27		13	5				19	2
977	11	11A8	01011392	Bùi Trung Kiên	09/10/2010	Nam	27	27	27	27		14	5				19	3
978	11	11A8	01011393	Dương Thị Thanh Mẫn	01/09/2010	Nữ	28	28	28	28		15	6				20	3
979	11	11A8	01011394	Huỳnh Lê Kim Ngân	09/05/2010	Nữ	29	29	29	29		15	7				20	3
980	11	11A8	01011395	Nguyễn Hồng Tâm Như	28/06/2010	Nữ	31	31	31	31		17	8				22	4
981	11	11A8	01011396	Nguyễn Khải Phạm	11/01/2010	Nam	31	31	31	31		17	8				22	4
982	11	11A8	01011397	Nguyễn Trương Minh Phát	13/06/2010	Nam	31	31	31	31		17	8				22	4
983	11	11A8	01011398	Phạm Tấn Phúc	15/03/2010	Nam	32	32	32	32		18	9				22	4
984	11	11A8	01011399	Phan Trọng Phúc	09/12/2010	Nam	32	32	32	32		18	9				22	4
985	11	11A8	01011400	Chế Võ Hoàng Phương	24/08/2010	Nam	32	32	32	32		18	9				23	4
986	11	11A8	01011401	Bùi Minh Phương	21/08/2010	Nữ	32	32	32	32		18	9				23	4

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
987	11	11A8	01011402	Ngô Trí Sỹ	01/01/2010	Nam	33	33	33	33		19	10				23	5
988	11	11A8	01011403	Phan Hồng Thái	29/06/2010	Nam	33	33	33		38	19	10				23	5
989	11	11A8	01011404	Nguyễn Lê Ngọc Thảo	22/07/2010	Nữ	34	34	34	33		19	10				24	5
990	11	11A8	01011405	Nguyễn Đăng Thịnh	07/06/2010	Nam	34	34	34	33		19	10				24	5
991	11	11A8	01011406	Huỳnh Nguyễn Hưng Thịnh	06/07/2010	Nam	34	34	34	34		20	11				24	5
992	11	11A8	01011407	Phạm Phước Thịnh	07/03/2010	Nam	34	34	34	34		20	11				24	5
993	11	11A8	01011408	Lâm Phụng Tiên	22/07/2010	Nữ	35	35	35	34		20	11				25	5
994	11	11A8	01011409	Bùi Minh Triết	24/12/2010	Nam	35	35	35	35		21	12				25	6
995	11	11A8	01011410	Nguyễn Minh Triết	16/05/2010	Nam	35	35	35	35		21	12				25	6
996	11	11A8	01011411	Nguyễn Nhật Trường	04/04/2010	Nam	36	36	36		38	21	12				25	6
997	11	11A8	01011412	Trần Nguyễn Nguyệt Vi	26/12/2010	Nữ	36	36	36	36		22	12				26	6
998	11	11A8	01011413	Lê Vũ	27/02/2010	Nam	37	37	37	36		22	13				26	6
999	11	11A8	01011414	Nguyễn Ngọc Yến Vy	08/04/2010	Nữ	37	37	37	37		22	13				26	6
1000	11	11A8	01011415	Trần Ngọc Như Ý	19/05/2010	Nữ	37	37	37	37		22	13				26	6
1001	11	11A9	01011416	Phan Huỳnh Anh	24/12/2010	Nữ	22	22	22	22		9		6		7	15	
1002	11	11A9	01011417	Vũ Nguyễn Phương Anh	10/04/2010	Nữ	22	22	22	22		9		6		7	15	
1003	11	11A9	01011418	Trần Phương Anh	08/09/2010	Nữ	22	22	22	22		9		6		7	15	
1004	11	11A9	01011419	Nguyễn Ngọc Quê Anh	20/01/2010	Nữ	22	22	22		38	9		6		7	15	
1005	11	11A9	01011420	Nguyễn Dương Nhã Đan	23/11/2010	Nữ	23	23	23	23		10		6		7	16	
1006	11	11A9	01011421	Lương Thành Đạt	31/10/2010	Nam	24	24	24	24		11		6		7	16	
1007	11	11A9	01011422	Nguyễn Thảo Dương	24/12/2010	Nữ	24	24	24	24		11		6		8	17	
1008	11	11A9	01011423	Nguyễn Lê Khánh Hà	24/01/2010	Nữ	25	25	25	25		11		6		8	17	
1009	11	11A9	01011424	Nguyễn Đức Hiệp	28/09/2010	Nam	25	25	25	25		12		6		8	17	
1010	11	11A9	01011425	Trần Tiến Hưng	23/04/2010	Nam	26	26	26	26		13		6		8	18	
1011	11	11A9	01011426	Lâm Tấn Khang	19/11/2010	Nam	27	27	27	27		13		7		8	18	
1012	11	11A9	01011427	Trương Lê Hoàng Khoa	14/02/2010	Nam	27	27	27	27		13		7		8	19	
1013	11	11A9	01011428	Lương Minh Khôi	26/07/2010	Nam	27	27	27	27		13		7		8	19	
1014	11	11A9	01011429	Huỳnh Hoàng Khuyên	15/09/2010	Nam	27	27	27	27		14		7		9	19	
1015	11	11A9	01011430	Nguyễn Ngọc Tường Lam	08/02/2010	Nữ	27	27	27	27		14		7		9	19	
1016	11	11A9	01011431	Đặng Hoàng Long	11/05/2010	Nam	28	28	28	28		14		7		9	19	
1017	11	11A9	01011432	Lê Châu Huỳnh Long	12/06/2010	Nam	28	28	28	28		14		7		9	19	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
1018	11	11A9	01011433	Phạm Nguyễn Ánh Ngọc	16/04/2010	Nữ	29	29	29	29		16		7		9	21	
1019	11	11A9	01011434	Nguyễn Lê Hồng Ngọc	20/09/2010	Nữ	30	30	30	29		16		7		9	21	
1020	11	11A9	01011435	Nguyễn Trần Nguyên Ngọc	11/04/2010	Nữ	30	30	30	30		16		7		10	21	
1021	11	11A9	01011436	Trần Trọng Nhân	13/04/2010	Nam	30	30	30	30		16		8		10	21	
1022	11	11A9	01011437	Trần Ngọc Uyên Nhi	04/02/2010	Nữ	31	31	31	30		17		8		10	21	
1023	11	11A9	01011438	Phạm Tuấn Phát	09/06/2009	Nam	31	31	31	31		17		8		10	22	
1024	11	11A9	01011439	Nguyễn Thiện Phước	16/08/2010	Nam	32	32	32	32		18		8		10	23	
1025	11	11A9	01011440	Kiều Minh Quân	03/12/2010	Nam	32	32	32	32		18		8		10	23	
1026	11	11A9	01011441	Nguyễn Ngọc Quỳnh	23/02/2010	Nữ	33	33	33	32		19		8		10	23	
1027	11	11A9	01011442	Lê Phát Tài	18/04/2010	Nam	33	33	33	33		19		8		11	23	
1028	11	11A9	01011443	Nguyễn Lê Minh Thư	01/02/2010	Nữ	34	34	34	34		20		8		11	24	
1029	11	11A9	01011444	Đặng Phương Thùy	20/01/2010	Nữ	35	35	35		38	20		8		11	24	
1030	11	11A9	01011445	Phạm Bảo Tiên	19/06/2010	Nữ	35	35	35	34		20		8		11	24	
1031	11	11A9	01011446	Huỳnh Công Tín	08/02/2010	Nam	35	35	35	34		20		9		11	25	
1032	11	11A9	01011447	Võ Minh Tuấn	31/08/2010	Nam	36	36	36	36		21		9		12	25	
1033	11	11A9	01011448	Cao Nguyễn Khánh Vy	22/11/2010	Nữ	37	37	37	36		22		9		12	26	
1034	11	11A9	01011449	Nguyễn Minh Vy	04/12/2010	Nữ	37	37	37	37		22		9		12	26	
1035	11	11A9	01011450	Nguyễn Hoàng Triệu Vy	29/03/2010	Nữ	37	37	37	37		22		9		12	26	
1036	11	11A9	01011451	Mai Yến Vy	05/04/2010	Nữ	37	37	37	37		22		9		12	26	
1037	11	11A9	01011452	Nguyễn Ngọc Yến	21/08/2010	Nữ	37	37	37	37		22		9		12	26	
1038	12	12A1	01012001	Huỳnh Thái An	08/09/2009	Nam	1	1	13	13		16			24	14	27	
1039	12	12A1	01012002	Nguyễn Ngọc Mỹ Anh	30/07/2009	Nữ	1	1	13	13		16			24	14	27	
1040	12	12A1	01012003	Trần Quốc Anh	19/12/2009	Nam	2	2	14	14		17			24	14	27	
1041	12	12A1	01012004	Phạm Cao Quỳnh Anh	30/03/2009	Nữ	2	2	14	14		17			24	14	27	
1042	12	12A1	01012005	Dương Việt Anh	14/11/2009	Nam	3	3	15	14		17			25	15	27	
1043	12	12A1	01012006	Phạm Đan Châu	13/12/2009	Nữ	3	3	15	15		18			25	15	28	
1044	12	12A1	01012007	Phùng Kim Châu	14/08/2009	Nữ	3	3	15	15		18			25	15	28	
1045	12	12A1	01012008	Võ Bảo Ngọc Châu	18/11/2009	Nữ	4	4	16	15		18			25	15	28	
1046	12	12A1	01012009	Lê Nguyễn Hiếu Đức	24/01/2009	Nam	5	5	17	17		20			26	16	29	
1047	12	12A1	01012010	Đỗ Ngọc Khánh Giàu	26/03/2009	Nữ	6	6	18	18		21			26	16	29	
1048	12	12A1	01012011	Nguyễn Ngọc Gia Hân	15/02/2009	Nữ	6	6	18	18		21			26	16	29	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPL	Tin	CN
1049	12	12A1	01012012	Mai Tấn Hạo	26/03/2009	Nam	7	7	19	18		21			27	17	30	
1050	12	12A1	01012013	Lê Hoàng Huy	21/01/2009	Nam	8	8	20	20		23			27	17	30	
1051	12	12A1	01012014	Lê Quang Huy	19/09/2009	Nam	8	8	20	20		23			27	17	30	
1052	12	12A1	01012015	Nguyễn Đồng Kal	23/10/2009	Nam	9	9	21	20		23			28	17	30	
1053	12	12A1	01012016	Lê Huỳnh Ngọc Khanh	29/11/2009	Nữ	9	9	21	20		23			28	18	31	
1054	12	12A1	01012017	Nguyễn Ngọc Quỳnh Lan	21/10/2009	Nữ	10	10	22	21		24			28	18	31	
1055	12	12A1	01012018	Võ Trần Thảo Linh	10/05/2009	Nữ	10	10	22	22		25			28	18	31	
1056	12	12A1	01012019	Nguyễn Thành Đại Lộc	15/12/2008	Nam	11	11	23	22		25			29	18	31	
1057	12	12A1	01012020	Lâm Huỳnh Ánh Minh	25/07/2009	Nữ	11	11	23	23		26			29	18	32	
1058	12	12A1	01012021	Nguyễn Thảo Ngân	26/06/2009	Nữ	13	13	25	24		27			30	19	32	
1059	12	12A1	01012022	Phạm Hồng Bảo Ngọc	28/05/2009	Nữ	13	13	25	24		27			30	19	32	
1060	12	12A1	01012023	Trần Nguyễn Hoàng Nhân	18/10/2009	Nam	14	14	26	25		29			30	20	33	
1061	12	12A1	01012024	Trần Thị Hồng Nhung	29/11/2009	Nữ	16	16	28	27		30			31	20	34	
1062	12	12A1	01012025	Nguyễn Thị Phi Nhung	06/05/2009	Nữ	16	16	28	27		30			31	20	34	
1063	12	12A1	01012026	Lê Phụng Phi	21/07/2009	Nữ	16	16	28	27		30			31	20	34	
1064	12	12A1	01012027	Phạm Đoàn Thái Phong	01/11/2009	Nam	16	16	28	27		30			31	20	34	
1065	12	12A1	01012028	Dương Hải Phương	22/09/2009	Nữ	17	17	29	28		31			32	21	34	
1066	12	12A1	01012029	Nguyễn Trần Như Quỳnh	24/02/2009	Nữ	18	18	30	29		32			32	21	34	
1067	12	12A1	01012030	Võ Hoàng Đình Thảo	28/05/2009	Nam	19	19	31	30		33			33	22	35	
1068	12	12A1	01012031	Trương Minh Thiện	08/06/2009	Nam	19	19	31	30		33			33	22	35	
1069	12	12A1	01012032	Nguyễn Thanh Thư	10/11/2009	Nữ	20	20	32	31		34			33	22	35	
1070	12	12A1	01012033	Trần Quang Thuận	16/12/2009	Nam	20	20	32	31		34			33	22	35	
1071	12	12A1	01012034	Nguyễn Thị Thanh Thủy	27/04/2009	Nữ	20	20	32	31		34			34	22	35	
1072	12	12A1	01012035	Võ Ngọc Tiên	27/09/2009	Nữ	21	21	33	31		34			34	22	35	
1073	12	12A1	01012036	Lê Huyền Trân	25/10/2009	Nữ	21	21	33	32		35			34	23	36	
1074	12	12A1	01012037	Lê Thị Diễm Trinh	15/01/2009	Nữ	22	22	34	32		35			34	23	36	
1075	12	12A1	01012038	Nguyễn Trường Tùng	08/12/2009	Nam	22	22	34	33		36			35	23	36	
1076	12	12A1	01012039	Nguyễn Phan Nhã Vy	26/05/2009	Nữ	24	24	36	34		37			36	24	37	
1077	12	12A1	01012040	Hoàng Trương Thảo Vy	24/06/2009	Nữ	24	24	36	35		37			36	24	37	
1078	12	12A1	01012041	Trần Như Ý	23/04/2009	Nữ	24	24	36	35		37			36	24	37	
1079	12	12A10	01012042	Nguyễn Quốc Anh	26/03/2009	Nam	2	2	14	14		17	20	10	24			

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
1080	12	12A10	01012043	Huỳnh Minh Đăng	22/08/2009	Nam	4	4	16	16		19	21	12	25			
1081	12	12A10	01012044	Phạm Tiến Đạt	18/05/2009	Nam	5	5	17	16		19	22	12	26			
1082	12	12A10	01012045	Hồ Hoàng Duy	21/09/2009	Nam	5	5	17	17		20	22	12	26			
1083	12	12A10	01012046	Nguyễn Ngọc Phương Giao	08/08/2009	Nữ	6	6	18	17		20	23	13	26			
1084	12	12A10	01012047	Nguyễn Bảo Hân	24/07/2009	Nữ	6	6	18	18		21	23	13	26			
1085	12	12A10	01012048	Trần Gia Hân	08/01/2009	Nữ	7	7	19	18		21	23	13	26			
1086	12	12A10	01012049	Phạm Dương Mỹ Hào	12/08/2009	Nữ	7	7	19	18		21	23	14	26			
1087	12	12A10	01012050	Huỳnh Kim Hồng	10/01/2009	Nữ	7	7	19	19		22	24	14	27			
1088	12	12A10	01012051	Lê Dương Quỳnh Hương	05/07/2009	Nữ	8	8	20	19		22	24	14	27			
1089	12	12A10	01012052	Nguyễn Quỳnh Hương	10/01/2009	Nữ	8	8	20	19		22	24	14	27			
1090	12	12A10	01012053	Bùi Lâm Gia Huy	06/04/2009	Nam	8	8	20	19		22	24	14	27			
1091	12	12A10	01012054	Trương Quốc Huy	12/01/2009	Nam	8	8	20	20		23	25	14	27			
1092	12	12A10	01012055	Nguyễn Quang Khánh	22/01/2009	Nam	9	9	21	21		24	25	15	28			
1093	12	12A10	01012056	Danh Nguyễn Tuấn Khanh	28/02/2009	Nam	9	9	21	21		24	25	15	28			
1094	12	12A10	01012057	Trần Nguyễn Thanh Liêm	21/09/2009	Nam	10	10	22	21		24	26	16	28			
1095	12	12A10	01012058	Nguyễn Thị Cẩm Linh	11/01/2008	Nữ	10	10	22	22		25	26	16	28			
1096	12	12A10	01012059	Nguyễn Ngọc Hoàng Long	31/10/2009	Nam	11	11	23	22		25	27	16	29			
1097	12	12A10	01012060	Nguyễn Vương Phương Mai	22/11/2009	Nữ	11	11	23	22		25	27	16	29			
1098	12	12A10	01012061	Nguyễn Thảo My	04/05/2009	Nữ	12	12	24	23		26	27	17	29			
1099	12	12A10	01012062	Trần Hải Nam	01/08/2009	Nam	12	12	24	23		26	27	17	29			
1100	12	12A10	01012063	Phan Trần Kim Ngân	18/10/2009	Nữ	12	12	24	24		27	28	17	29			
1101	12	12A10	01012064	Lê Nguyễn Xuân Nghi	20/07/2009	Nữ	13	13	25	24		27	28	17	30			
1102	12	12A10	01012065	Nguyễn Hiếu Nghĩa	26/10/2009	Nam	13	13	25	24		27	28	18	30			
1103	12	12A10	01012066	Nguyễn Quốc Nghĩa	28/08/2009	Nam	13	13	25	24		27	28	18	30			
1104	12	12A10	01012067	Nguyễn Xuân Bích Ngọc	18/09/2009	Nữ	13	13	25	24		28	29	18	30			
1105	12	12A10	01012068	Trần Hữu Nhân	30/03/2009	Nam	15	15	27	26		29	30	19	30			
1106	12	12A10	01012069	Trần Nguyễn Hạnh Như	03/09/2009	Nữ	15	15	27	26		29	30	19	31			
1107	12	12A10	01012070	Võ Đặng Ngọc Như	22/06/2009	Nữ	15	15	27	26		29	30	19	31			
1108	12	12A10	01012071	Hồ Trần Quỳnh Như	10/03/2009	Nữ	15	15	27	26		29	30	19	31			
1109	12	12A10	01012072	Nguyễn Bá Phúc	14/06/2009	Nam	17	17	29	28		31	31	20	32			
1110	12	12A10	01012073	Võ Nguyễn Bảo Phúc	12/04/2009	Nam	17	17	29	28		31	31	20	32			

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
1111	12	12A10	01012074	Đặng Minh Phúc	15/12/2009	Nam	17	17	29	28		31	32	20	32			
1112	12	12A10	01012075	Nguyễn Mạnh Quân	22/05/2009	Nam	18	18	30	29		32	32	21	32			
1113	12	12A10	01012076	Đào Tấn	29/08/2009	Nam	19	19	31	30		33	33	21	33			
1114	12	12A10	01012077	La Nhật Tây	10/09/2009	Nam	19	19	31	30		33	33	21	33			
1115	12	12A10	01012078	Diệp Tiến Thịnh	16/03/2009	Nam	19	19	31	30		33	34	22	33			
1116	12	12A10	01012079	Nguyễn Thanh Tiến	04/03/2009	Nam	21	21	33	31		34	35	22	34			
1117	12	12A10	01012080	Mai Minh Tín	02/05/2009	Nam	21	21	33	32		35	35	23	34			
1118	12	12A10	01012081	Nguyễn Trung Tín	26/01/2009	Nam	21	21	33	32		35	35	23	34			
1119	12	12A10	01012082	Nguyễn Ngọc Tuyền	05/06/2009	Nữ	22	22	34	33		36	36	23	35			
1120	12	12A10	01012083	Ngô Quang Vinh	01/09/2009	Nam	23	23	35	34		36	36	24	35			
1121	12	12A10	01012084	Nguyễn Huy Vũ	02/01/2009	Nam	23	23	35	34		36	36	24	35			
1122	12	12A10	01012085	Nguyễn Khả Vy	29/07/2009	Nữ	23	23	35	34		37	37	24	36			
1123	12	12A10	01012086	Nguyễn Thị Phi Yên	27/04/2009	Nữ	24	24	36	35		37	37	24	36			
1124	12	12A11	01012087	Hoàng Phương Anh	30/07/2009	Nữ	2	2	14	14		17	19	10	24			
1125	12	12A11	01012088	Nguyễn Hứa Tú Anh	01/03/2009	Nữ	2	2	14	14		17	20	11	24			
1126	12	12A11	01012089	Phan Huy Bằng	12/08/2009	Nam	3	3	15	15		18	20	11	25			
1127	12	12A11	01012090	Lê Võ Gia Bảo	09/03/2008	Nam	3	3	15	15		18	20	11	25			
1128	12	12A11	01012091	Hà Ngọc Châu	14/11/2009	Nữ	4	4	16	15		18	21	11	25			
1129	12	12A11	01012092	Trần Ngọc Diễm Chi	07/12/2009	Nữ	4	4	16	15		18	21	11	25			
1130	12	12A11	01012093	Nguyễn Khương Duy	30/05/2009	Nam	5	5	17	17		20	22	12	26			
1131	12	12A11	01012094	Võ Ngọc Thùy Duyên	29/03/2009	Nữ	6	6	18	17		20	22	13	26			
1132	12	12A11	01012095	Nguyễn Thế Hiền	26/04/2009	Nam	7	7	19	18		21	23	14	27			
1133	12	12A11	01012096	Lê Đức Hiếu	22/04/2009	Nam	7	7	19	19		22	24	14	27			
1134	12	12A11	01012097	Huỳnh Lê Quốc Hưng	05/01/2009	Nam	7	7	19	19		22	24	14	27			
1135	12	12A11	01012098	Lữ Nguyễn Gia Huy	16/07/2009	Nam	8	8	20	19		22	24	14	27			
1136	12	12A11	01012099	Trịnh Hoàng Huy	11/04/2009	Nam	8	8	20	20		23	24	14	27			
1137	12	12A11	01012100	Trần Hoàng Khang	23/10/2009	Nam	9	9	21	20		23	25	15	28			
1138	12	12A11	01012101	Phạm Nguyễn Ngân Khánh	18/10/2009	Nữ	9	9	21	20		23	25	15	28			
1139	12	12A11	01012102	Ngô Gia Khiêm	27/06/2009	Nam	9	9	21	21		24	25	15	28			
1140	12	12A11	01012103	Nguyễn Anh Khoa	16/08/2009	Nam	9	9	21	21		24	25	15	28			
1141	12	12A11	01012104	Lê Hoàng Thư Kỳ	05/05/2009	Nữ	10	10	22	21		24	26	16	28			

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
1142	12	12A11	01012105	Lê Vũ Trúc Linh	22/03/2009	Nữ	11	11	23	22		25	26	16	28			
1143	12	12A11	01012106	Ngô Quang Minh	18/04/2009	Nam	12	12	24	23		26	27	17	29			
1144	12	12A11	01012107	Phan Kim Ngân	22/08/2009	Nữ	12	12	24	24		27	28	17	29			
1145	12	12A11	01012108	Nguyễn Ngọc Thảo Ngân	07/06/2009	Nữ	13	13	25	24		27	28	17	30			
1146	12	12A11	01012109	Dương Huỳnh Mỹ Ngọc	21/10/2009	Nữ	14	14	26	25		28	29	18	30			
1147	12	12A11	01012110	Lê Thanh Ngọc	02/01/2009	Nữ	14	14	26	25		28	29	18	30			
1148	12	12A11	01012111	Trần Huỳnh Khôi Nguyên	13/07/2009	Nam	14	14	26	25		28	29	18	30			
1149	12	12A11	01012112	Tô Hà Hạnh Nhi	10/12/2009	Nữ	15	15	27	26		29	30	19	30			
1150	12	12A11	01012113	Lưu Hạnh Nhi	07/08/2009	Nữ	15	15	27	26		29	30	19	31			
1151	12	12A11	01012114	Nguyễn Huỳnh Phi	09/09/2009	Nam	16	16	28	27		30	31	20	31			
1152	12	12A11	01012115	Đào Thanh Phong	13/06/2009	Nam	16	16	28	27		30	31	20	31			
1153	12	12A11	01012116	Lê Vũ Phong	03/06/2009	Nam	16	16	28	27		30	31	20	31			
1154	12	12A11	01012117	Hứa Lê Thanh Phú	18/10/2009	Nam	16	16	28	27		30	31	20	31			
1155	12	12A11	01012118	Huỳnh Lan Phương	23/10/2009	Nữ	17	17	29	28		31	32	21	32			
1156	12	12A11	01012119	Võ Đức Quốc Thắng	22/06/2009	Nam	19	19	31	30		33	33	21	33			
1157	12	12A11	01012120	Nguyễn Tiên Như Thảo	01/10/2009	Nữ	19	19	31	30		33	33	22	33			
1158	12	12A11	01012121	Tô Phúc Thịnh	18/12/2009	Nam	19	19	31	30		33	34	22	33			
1159	12	12A11	01012122	Trần Nhật Phương Thùy	28/05/2009	Nữ	20	20	32	31		34	34	22	33			
1160	12	12A11	01012123	Trần Nguyễn Nam Tiến	11/11/2009	Nam	20	20	32	31		34	34	22	34			
1161	12	12A11	01012124	Nguyễn Thị Hải Trân	21/04/2009	Nữ	21	21	33	32		35	35	23	34			
1162	12	12A11	01012125	Văn Hoài Trung	29/06/2009	Nam	22	22	34	33		36	35	23	34			
1163	12	12A11	01012126	Trịnh Trần Gia Vỹ	24/11/2009	Nam	23	23	35	34		37	37	24	35			
1164	12	12A11	01012127	Phạm Thảo Vy	25/09/2009	Nữ	24	24	36	35		37	37	24	36			
1165	12	12A11	01012128	Nguyễn Lê Thúy Vy	12/11/2009	Nữ	24	24	36	35		37	37	24	36			
1166	12	12A11	01012129	Trần Thị Thúy Vy	03/07/2009	Nữ	24	24	36	35		37	37	24	36			
1167	12	12A11	01012130	Ngô Ngọc Yên	06/05/2009	Nữ	24	24	36	35		37	37	24	36			
1168	12	12A2	01012131	Lý Lan Anh	30/09/2009	Nữ	1	1	13	13		16	19		24	14		
1169	12	12A2	01012132	Lê Phan Quỳnh Anh	05/05/2009	Nữ	2	2	14	14		17	20		24	14		
1170	12	12A2	01012133	Nguyễn Huỳnh Tú Anh	19/02/2009	Nữ	2	2	14	14		17	20		24	15		
1171	12	12A2	01012134	Nguyễn Thị Tú Anh	09/01/2009	Nữ	2	2	14	14		17	20		24	15		
1172	12	12A2	01012135	Vũ Tuyết Anh	10/10/2009	Nữ	3	3	15	14		17	20		25	15		

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPL	Tin	CN
1173	12	12A2	01012136	Phạm Quốc Bình	10/02/2009	Nam	3	3	15	15		18	20		25	15		
1174	12	12A2	01012137	Phạm Đan Châu	29/11/2009	Nữ	3	3	15	15		18	21		25	15		
1175	12	12A2	01012138	Đặng Thị Huyền Chung	28/06/2009	Nữ	4	4	16	16		19	21		25	15		
1176	12	12A2	01012139	Nguyễn Đăng Hải Đăng	23/12/2009	Nam	4	4	16	16		19	21		25	15		
1177	12	12A2	01012140	Nguyễn Hồng Đào	03/08/2009	Nữ	5	5	17	16		19	21		26	16		
1178	12	12A2	01012141	Lê Nguyễn Mỹ Duyên	17/04/2009	Nữ	6	6	18	17		20	22		26	16		
1179	12	12A2	01012142	Mai Gia Hân	14/11/2009	Nữ	6	6	18	18		21	23		26	16		
1180	12	12A2	01012143	Danh Trí Hào	12/11/2009	Nam	7	7	19	18		21	23		27	17		
1181	12	12A2	01012144	Nguyễn Thanh Hoàng	01/07/2009	Nam	7	7	19	19		22	24		27	17		
1182	12	12A2	01012145	Lê Đức Thịnh Hoàng	12/11/2009	Nam	7	7	19	19		22	24		27	17		
1183	12	12A2	01012146	Phan Ngọc Huyền	22/07/2009	Nữ	9	9	21	20		23	25		27	17		
1184	12	12A2	01012147	Nguyễn Thanh Lam	23/10/2009	Nữ	10	10	22	21		24	26		28	18		
1185	12	12A2	01012148	Trần Huy Long	21/03/2009	Nam	11	11	23	22		25	27		29	18		
1186	12	12A2	01012149	Nguyễn Đình Thanh Minh	16/07/2009	Nam	12	12	24	23		26	27		29	18		
1187	12	12A2	01012150	Nguyễn Âu Ngọc Ngân	04/11/2009	Nữ	12	12	24	24		27	28		29	19		
1188	12	12A2	01012151	Nguyễn Phạm Thanh Ngân	13/09/2009	Nữ	13	13	25	24		27	28		30	19		
1189	12	12A2	01012152	Nguyễn Thanh Nguyên	09/05/2009	Nữ	14	14	26	25		28	29		30	20		
1190	12	12A2	01012153	Hồ Thiện Phú	23/04/2009	Nam	16	16	28	27		30	31		31	20		
1191	12	12A2	01012154	Nguyễn Trọng Phú	12/11/2009	Nam	17	17	29	27		31	31		31	20		
1192	12	12A2	01012155	Nguyễn Diễm Phúc	06/11/2009	Nữ	17	17	29	28		31	31		32	20		
1193	12	12A2	01012156	Nguyễn Hữu Phước	13/02/2009	Nam	17	17	29	28		31	32		32	21		
1194	12	12A2	01012157	Bùi Nguyễn Minh Phương	14/05/2009	Nữ	18	18	30	29		32	32		32	21		
1195	12	12A2	01012158	Võ Thị Trúc Phương	18/04/2009	Nữ	18	18	30	29		32	32		32	21		
1196	12	12A2	01012159	Nguyễn Tiến Quý	31/03/2009	Nam	18	18	30	29		32	32		32	21		
1197	12	12A2	01012160	Nguyễn Hoàng Minh Sang	28/06/2009	Nam	18	18	30	29		32	33		33	21		
1198	12	12A2	01012161	Nguyễn Hoàng Sơn	31/01/2009	Nam	18	18	30	29		32	33		33	21		
1199	12	12A2	01012162	Đỗ Thị Diễm Sương	15/09/2009	Nữ	18	18	30	29		32	33		33	22		
1200	12	12A2	01012163	Nguyễn Ngọc Ngân Tâm	15/01/2009	Nữ	19	19	31	29		33	33		33	22		
1201	12	12A2	01012164	Nguyễn Đức Thiên	29/05/2009	Nam	19	19	31	30		33	34		33	22		
1202	12	12A2	01012165	Lâm Tiến	30/03/2009	Nam	20	20	32	31		34	34		34	22		
1203	12	12A2	01012166	Phạm Nguyễn Thảo Trang	13/05/2009	Nữ	21	21	33	32		35	35		34	23		

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPL	Tin	CN
1204	12	12A2	01012167	Hoàng Vương Anh Tú	16/09/2009	Nam	22	22	34	33		36	35		35	23		
1205	12	12A2	01012168	Đỗ Thị Phương Uyên	22/06/2009	Nữ	22	22	34	33		36	36		35	24		
1206	12	12A2	01012169	Phạm Nguyễn Thái Uyên	26/11/2009	Nữ	22	22	34	33		36	36		35	24		
1207	12	12A2	01012170	Khuru Tuyết Vân	03/08/2009	Nữ	23	23	35	33		36	36		35	24		
1208	12	12A2	01012171	Trần Nguyễn Nhật Vi	29/03/2009	Nữ	23	23	35	33		36	36		35	24		
1209	12	12A2	01012172	Nguyễn Khánh Vy	02/03/2009	Nữ	23	23	35	34		37	37		36	24		
1210	12	12A2	01012173	Phan Như Ý	08/10/2009	Nữ	24	24	36	35		37	37		36	24		
1211	12	12A2	01012174	Trần Hoàng Yến	01/05/2009	Nữ	24	24	36	35		37	37		36	24		
1212	12	12A3	01012175	Trần Nam Anh	19/09/2009	Nam	1	1	13	13		16	19		24	14		
1213	12	12A3	01012176	Nguyễn Thị Phương Anh	01/12/2009	Nữ	2	2	14	14		17	19		24	14		
1214	12	12A3	01012177	Phạm Quỳnh Anh	11/08/2009	Nữ	2	2	14	14		17	20		24	14		
1215	12	12A3	01012178	Nguyễn Hoàng Hải Đăng	18/10/2009	Nam	4	4	16	16		19	21		25	16		
1216	12	12A3	01012179	Nguyễn Hải Đăng	12/12/2009	Nam	4	4	16	16		19	21		25	16		
1217	12	12A3	01012180	Phạm Võ Minh Đăng	31/03/2009	Nam	4	4	16	16		19	21		26	16		
1218	12	12A3	01012181	Nguyễn Phạm Kỳ Duyên	30/11/2009	Nữ	6	6	18	17		20	22		26	16		
1219	12	12A3	01012182	Bùi Hương Giang	12/05/2009	Nữ	6	6	18	17		20	23		26	16		
1220	12	12A3	01012183	Lê Trung Hiền	02/04/2009	Nam	7	7	19	19		21	23		27	17		
1221	12	12A3	01012184	Trần Thị Thanh Hương	27/07/2009	Nữ	8	8	20	19		22	24		27	17		
1222	12	12A3	01012185	Nguyễn Thanh Khang	11/11/2009	Nam	9	9	21	20		23	25		28	17		
1223	12	12A3	01012186	Hồng Gia Khánh	10/04/2009	Nam	9	9	21	20		23	25		28	18		
1224	12	12A3	01012187	Lương Gia Khánh	21/06/2009	Nam	9	9	21	20		23	25		28	18		
1225	12	12A3	01012188	Dương Hoàng Kim	23/11/2009	Nữ	10	10	22	21		24	26		28	18		
1226	12	12A3	01012189	Lâm Kim Loan	30/03/2009	Nữ	11	11	23	22		25	26		29	18		
1227	12	12A3	01012190	Nguyễn Duy Mạnh	13/10/2009	Nam	11	11	23	22		26	27		29	18		
1228	12	12A3	01012191	Hà Tuyết Minh	22/11/2009	Nữ	12	12	24	23		26	27		29	18		
1229	12	12A3	01012192	Nguyễn Khánh Ngân	11/01/2009	Nữ	12	12	24	23		26	28		29	19		
1230	12	12A3	01012193	Nguyễn Lê Kim Ngân	10/04/2009	Nữ	12	12	24	23		27	28		29	19		
1231	12	12A3	01012194	Nguyễn Xuân Nghi	24/06/2009	Nữ	13	13	25	24		27	28		30	19		
1232	12	12A3	01012195	Đoàn Khánh Ngọc	07/11/2009	Nữ	14	14	26	25		28	29		30	19		
1233	12	12A3	01012196	Nguyễn Lê Yến Nhi	15/12/2009	Nữ	15	15	27	26		29	30		31	20		
1234	12	12A3	01012197	Nguyễn Thị Hồng Nhung	27/02/2009	Nữ	15	15	27	26		30	30		31	20		

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPL	Tin	CN
1235	12	12A3	01012198	Trương Tấn Phát	14/10/2009	Nam	16	16	28	27		30	30		31	20		
1236	12	12A3	01012199	Võ Tấn Phát	25/02/2009	Nam	16	16	28	27		30	31		31	20		
1237	12	12A3	01012200	Quách Trường Phát	14/05/2009	Nam	16	16	28	27		30	31		31	20		
1238	12	12A3	01012201	Trần Kim Phụng	31/08/2009	Nữ	17	17	29	28		31	32		32	21		
1239	12	12A3	01012202	Trịnh Thiên Phước	18/05/2009	Nam	17	17	29	28		31	32		32	21		
1240	12	12A3	01012203	Nguyễn Hoàng Phương	25/11/2009	Nữ	17	17	29	28		31	32		32	21		
1241	12	12A3	01012204	Võ Kim Phụng	19/04/2009	Nữ	17	17	29	28		31	32		32	21		
1242	12	12A3	01012205	Võ Ngọc Lan Phương	04/10/2009	Nữ	17	17	29	28		32	32		32	21		
1243	12	12A3	01012206	Võ Ngọc Mai Phương	04/10/2009	Nữ	18	18	30	29		32	32		32	21		
1244	12	12A3	01012207	Đỗ Minh Phương	06/01/2009	Nữ	18	18	30	29		32	32		32	21		
1245	12	12A3	01012208	Tưởng Nguyễn Hùng Quân	04/02/2009	Nam	18	18	30	29		32	32		32	21		
1246	12	12A3	01012209	Hồ Lê Gia Quý	18/12/2009	Nam	18	18	30	29		32	32		32	21		
1247	12	12A3	01012210	Võ Diễm Quyên	01/01/2009	Nữ	18	18	30	29		32	33		32	21		
1248	12	12A3	01012211	Trần Anh Thư	15/08/2009	Nữ	20	20	32	31		34	34		33	22		
1249	12	12A3	01012212	Trần Minh Thư	02/09/2009	Nữ	20	20	32	31		34	34		33	22		
1250	12	12A3	01012213	Huỳnh Xuân Tiên	05/03/2009	Nữ	21	21	33	32		35	35		34	22		
1251	12	12A3	01012214	Ngô Nguyễn Ngọc Trâm	03/12/2009	Nữ	21	21	33	32		35	35		34	22		
1252	12	12A3	01012215	Phạm Ngọc Kiều Trân	03/04/2009	Nữ	21	21	33	32		35	35		34	23		
1253	12	12A3	01012216	Phan Thanh Trúc	13/12/2009	Nữ	22	22	34	33		35	35		34	23		
1254	12	12A3	01012217	Nguyễn Anh Trường	03/10/2009	Nam	22	22	34	33		36	35		35	23		
1255	12	12A3	01012218	Lê Đình Hương Tú	24/06/2009	Nữ	22	22	34	33		36	36		35	23		
1256	12	12A3	01012219	Lê Sơn Tùng	04/10/2008	Nam	22	22	34	33		36	36		35	23		
1257	12	12A4	01012220	Phạm Hoàng Duy Anh	11/04/2009	Nam	1	1	13	13		16	19	10				23
1258	12	12A4	01012221	Nguyễn Hoàng Anh	12/09/2009	Nam	1	1	13	13		16	19	10				23
1259	12	12A4	01012222	Trần Đức Nhật Anh	01/04/2009	Nam	1	1	13	13		16	19	10				23
1260	12	12A4	01012223	Nguyễn Hà Phương Anh	03/07/2009	Nữ	2	2	14	13		16	19	10				23
1261	12	12A4	01012224	Nguyễn Thị Vân Anh	13/06/2009	Nữ	3	3	15	14		17	20	11				23
1262	12	12A4	01012225	Đặng Đình Bách	13/08/2009	Nam	3	3	15	15		17	20	11				23
1263	12	12A4	01012226	Phạm Viết Đăng	28/04/2009	Nam	4	4	16	16		19	21	12				23
1264	12	12A4	01012227	Trần Hồng Đạt	01/05/2009	Nam	5	5	17	16		19	22	12				23
1265	12	12A4	01012228	Lê Huỳnh Thanh Duy	19/12/2009	Nam	6	6	18	17		20	22	13				24

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
1266	12	12A4	01012229	Lê Trần Thanh Hải	27/03/2009	Nam	6	6	18	18		21	23	13				24
1267	12	12A4	01012230	Nguyễn Mai Nhật Hoàng	28/12/2009	Nam	7	7	19	19		22	24	14				24
1268	12	12A4	01012231	Ngô Thụy Ngân Hương	04/01/2009	Nữ	8	8	20	19		22	24	14				24
1269	12	12A4	01012232	Nguyễn Lê Nhật Huy	31/10/2009	Nam	8	8	20	20		23	24	14				24
1270	12	12A4	01012233	Tạ Kim Huyền	07/07/2009	Nữ	8	8	20	20		23	25	15				24
1271	12	12A4	01012234	Lê Hoàng Khang	21/12/2009	Nam	9	9	21	20		23	25	15				24
1272	12	12A4	01012235	Nguyễn Trần Hoàng Khang	14/04/2009	Nam	9	9	21	20		23	25	15				24
1273	12	12A4	01012236	Trương Hoàng Đăng Khoa	12/03/2009	Nam	9	9	21	21		24	25	15				25
1274	12	12A4	01012237	Trần Bá Long	11/12/2009	Nam	11	11	23	22		25	27	16				25
1275	12	12A4	01012238	Lâm Hưng Long	18/03/2009	Nam	11	11	23	22		25	27	16				25
1276	12	12A4	01012239	Đặng Lê Minh	24/09/2009	Nam	11	11	23	23		26	27	17				25
1277	12	12A4	01012240	Lâm Thị Kiều My	07/10/2009	Nữ	12	12	24	23		26	27	17				25
1278	12	12A4	01012241	Vũ Khánh Ngân	21/12/2009	Nữ	12	12	24	23		26	28	17				25
1279	12	12A4	01012242	Lê Bảo Ngọc	25/11/2009	Nữ	13	13	25	24		27	28	18				25
1280	12	12A4	01012243	Trần Võ Thảo Nguyên	03/04/2009	Nữ	14	14	26	25		29	29	19				25
1281	12	12A4	01012244	Phạm Nguyễn Thành Nhân	21/07/2009	Nam	15	15	27	26		29	30	19				25
1282	12	12A4	01012245	Võ Thành Nhân	18/09/2009	Nam	15	15	27	26		29	30	19				25
1283	12	12A4	01012246	Huỳnh Ngọc Yên Nhi	08/08/2009	Nữ	15	15	27	26		29	30	19				26
1284	12	12A4	01012247	Trương Tấn Phát	19/10/2009	Nam	16	16	28	27		30	31	20				26
1285	12	12A4	01012248	Nguyễn Thiên Phú	09/10/2009	Nam	16	16	28	27		30	31	20				26
1286	12	12A4	01012249	Trần Hồng Phúc	11/06/2009	Nam	17	17	29	28		31	32	20				26
1287	12	12A4	01012250	Chu Thiên Phúc	20/01/2009	Nam	17	17	29	28		31	32	20				26
1288	12	12A4	01012251	Mai Phi Phụng	20/10/2009	Nữ	17	17	29	28		31	32	21				26
1289	12	12A4	01012252	Ông Trịnh Quý	09/08/2009	Nam	18	18	30	29		32	33	21				26
1290	12	12A4	01012253	Danh Lý Phú Sang	14/09/2009	Nam	18	18	30	29		32	33	21				26
1291	12	12A4	01012254	Võ Phước Tài	07/03/2009	Nam	18	18	30	29		33	33	21				26
1292	12	12A4	01012255	Tăng Minh Tấn	17/05/2009	Nam	19	19	31	30		33	33	21				26
1293	12	12A4	01012256	Lợi Thanh Thanh	24/02/2009	Nữ	19	19	31	30		33	33	22				26
1294	12	12A4	01012257	Lê Đặng Minh Thư	02/05/2009	Nữ	20	20	32	31		34	34	22				27
1295	12	12A4	01012258	Đặng Bá Toàn	23/10/2009	Nam	21	21	33	32		35	35	23				27
1296	12	12A4	01012259	Huỳnh Long Triết	01/10/2009	Nam	21	21	33	32		35	35	23				27

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
1297	12	12A4	01012260	Ngô Trí Vĩ	18/02/2009	Nam	23	23	35	33		36	36	23				28
1298	12	12A4	01012261	Nguyễn Văn Đức Việt	07/04/2009	Nam	23	23	35	33		36	36	24				28
1299	12	12A4	01012262	Đặng Phúc Vinh	13/08/2009	Nam	23	23	35	33		36	36	24				28
1300	12	12A4	01012263	Mai Hà Khả Vy	03/06/2009	Nữ	23	23	35	34		37	37	24				28
1301	12	12A4	01012264	La Thúy Vy	15/07/2009	Nữ	24	24	36	35		37	37	24				28
1302	12	12A5	01012265	Đỗ Ngọc Thiên Ân	01/05/2009	Nữ	1	1	13	13		16	19	10				23
1303	12	12A5	01012266	Hoàng Thị Tuyết An	26/06/2009	Nữ	1	1	13	13		16	19	10				23
1304	12	12A5	01012267	Lê Ngọc Minh Anh	14/10/2009	Nữ	1	1	13	13		16	19	10				23
1305	12	12A5	01012268	Trần Tiến Anh	12/08/2009	Nam	2	2	14	14		17	20	10				23
1306	12	12A5	01012269	Châu Hoàng Chi	04/06/2009	Nữ	4	4	16	15		18	21	11				23
1307	12	12A5	01012270	Đào Mạnh Cường	10/07/2009	Nam	4	4	16	16		19	21	12				23
1308	12	12A5	01012271	Lê Minh Đạt	22/05/2009	Nam	5	5	17	16		19	22	12				23
1309	12	12A5	01012272	Nguyễn Huỳnh Tiến Đạt	14/09/2009	Nam	5	5	17	16		19	22	12				24
1310	12	12A5	01012273	Triệu Trần Hoàng Dũng	09/01/2009	Nam	5	5	17	17		20	22	12				24
1311	12	12A5	01012274	Lê Huy Dũng	15/08/2009	Nam	5	5	17	17		20	22	12				24
1312	12	12A5	01012275	Phan Thanh Duy	07/02/2009	Nam	6	6	18	17		20	22	13				24
1313	12	12A5	01012276	Nguyễn Minh Hằng	20/06/2009	Nữ	7	7	19	18		21	23	13				24
1314	12	12A5	01012277	Đặng Đức Hiếu	29/10/2009	Nam	7	7	19	19		22	24	14				24
1315	12	12A5	01012278	Vũ Hoàn	01/01/2009	Nam	7	7	19	19		22	24	14				24
1316	12	12A5	01012279	Lê Đỗ Gia Khang	24/11/2009	Nam	9	9	21	20		23	25	15				24
1317	12	12A5	01012280	Hồ Quốc Khánh	25/08/2009	Nam	9	9	21	21		24	25	15				24
1318	12	12A5	01012281	Nguyễn Võ Tuấn Kiệt	06/12/2009	Nam	10	10	22	21		24	26	16				25
1319	12	12A5	01012282	Đào Tổng Khánh Linh	18/12/2009	Nữ	10	10	22	22		25	26	16				25
1320	12	12A5	01012283	Trần Gia Mỹ	18/10/2009	Nữ	12	12	24	23		26	27	17				25
1321	12	12A5	01012284	Đoàn Vũ Hoàng Nam	13/01/2009	Nam	12	12	24	23		26	27	17				25
1322	12	12A5	01012285	Lê Thành Nam	27/02/2009	Nam	12	12	24	23		26	27	17				25
1323	12	12A5	01012286	Nguyễn Phạm Phương Nghi	18/10/2009	Nữ	13	13	25	24		27	28	17				25
1324	12	12A5	01012287	Nguyễn Xuân Bảo Ngọc	05/12/2009	Nữ	13	13	25	24		27	28	18				25
1325	12	12A5	01012288	Văn Kim Ngọc	14/11/2009	Nữ	14	14	26	25		28	29	18				25
1326	12	12A5	01012289	Lương Mỹ Ngọc	19/05/2009	Nữ	14	14	26	25		28	29	18				25
1327	12	12A5	01012290	Nguyễn Gia Nguyễn	12/11/2009	Nam	14	14	26	25		28	29	18				25

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
1328	12	12A5	01012291	Chon Minh Nhật	31/01/2009	Nam	15	15	27	26		29	30	19				26
1329	12	12A5	01012292	Trần Lộc Phát	31/12/2009	Nam	16	16	28	27		30	30	20				26
1330	12	12A5	01012293	Nguyễn Tấn Phát	15/06/2009	Nam	16	16	28	27		30	30	20				26
1331	12	12A5	01012294	Trịnh Xuân Phát	13/05/2009	Nam	16	16	28	27		30	31	20				26
1332	12	12A5	01012295	Phạm Lê Hoàng Phúc	10/04/2009	Nam	17	17	29	28		31	31	20				26
1333	12	12A5	01012296	Trần Thiên Phúc	13/01/2009	Nam	17	17	29	28		31	32	21				26
1334	12	12A5	01012297	Nguyễn Mạnh Tấn	11/02/2009	Nam	19	19	31	30		33	33	21				26
1335	12	12A5	01012298	Nguyễn Phương Thanh	20/11/2009	Nữ	19	19	31	30		33	33	21				26
1336	12	12A5	01012299	Nguyễn Hoàng Thiên	12/02/2009	Nam	19	19	31	30		33	34	22				26
1337	12	12A5	01012300	Lê Nguyễn Hoàng Thịnh	13/08/2009	Nam	19	19	31	30		33	34	22				27
1338	12	12A5	01012301	Diệp Gia Tiến	09/03/2009	Nam	20	20	32	31		34	34	22				27
1339	12	12A5	01012302	Ngô Thị Kiều Tiên	08/10/2009	Nữ	20	20	32	31		34	34	22				27
1340	12	12A5	01012303	Đoàn Kim Tiền	03/01/2009	Nữ	20	20	32	31		34	34	22				27
1341	12	12A5	01012304	Nguyễn Ngọc Quỳnh Tiên	29/08/2009	Nữ	21	21	33	31		34	34	22				27
1342	12	12A5	01012305	Lê Ngọc Thùy Trang	09/08/2009	Nữ	21	21	33	32		35	35	23				27
1343	12	12A5	01012306	Nguyễn Trương Hoàng Trúc	01/05/2009	Nữ	22	22	34	32		35	35	23				28
1344	12	12A5	01012307	Mai Ngọc Trúc	08/06/2009	Nữ	22	22	34	32		35	35	23				28
1345	12	12A5	01012308	Vũ Hoàng Vương	24/05/2009	Nam	23	23	35	34		36	36	24				28
1346	12	12A5	01012309	Trần Thị Thanh Xuân	05/05/2009	Nữ	24	24	36	35		37	37	24				28
1347	12	12A6	01012310	Nguyễn Mai Anh	15/12/2009	Nữ	1	1	13	13		16	19	10			27	
1348	12	12A6	01012311	Nguyễn Ngọc Quế Anh	04/11/2009	Nữ	2	2	14	14		17	19	10			27	
1349	12	12A6	01012312	Trần Lê Quốc Anh	09/01/2009	Nam	2	2	14	14		17	19	10			27	
1350	12	12A6	01012313	Nguyễn Vũ Tuấn Anh	27/02/2009	Nam	2	2	14	14		17	20	11			27	
1351	12	12A6	01012314	Trần Ngọc Gia Bảo	25/02/2009	Nam	3	3	15	15		18	20	11			28	
1352	12	12A6	01012315	Nguyễn Trần Gia Bảo	30/07/2009	Nam	3	3	15	15		18	20	11			28	
1353	12	12A6	01012316	Hoàng Nguyễn Minh Châu	20/12/2009	Nữ	4	4	16	15		18	21	11			28	
1354	12	12A6	01012317	Nguyễn Hồng Hiệp Diệp	15/03/2009	Nữ	5	5	17	16		20	22	12			29	
1355	12	12A6	01012318	Trần Phan Hoàng Hà	10/09/2009	Nam	6	6	18	18		21	23	13			29	
1356	12	12A6	01012319	Huỳnh Lê Bảo Hân	20/01/2009	Nữ	6	6	18	18		21	23	13			29	
1357	12	12A6	01012320	Nguyễn Ngọc Gia Hân	20/11/2009	Nữ	6	6	18	18		21	23	13			30	
1358	12	12A6	01012321	Trần Nguyễn Ngọc Hân	10/05/2009	Nữ	7	7	19	18		21	23	13			30	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
1359	12	12A6	01012322	Nhâm Hoàng Tuấn Hưng	29/01/2009	Nam	8	8	20	19		22	24	14			30	
1360	12	12A6	01012323	Nguyễn Ngọc Khánh Huyền	18/11/2009	Nữ	8	8	20	20		23	25	15			30	
1361	12	12A6	01012324	Lý Mỹ Huyền	11/08/2009	Nữ	9	9	21	20		23	25	15			30	
1362	12	12A6	01012325	Lâm Anh Khôi	05/01/2009	Nam	10	10	22	21		24	25	15			31	
1363	12	12A6	01012326	Nguyễn Trần Quốc Khương	14/04/2009	Nam	10	10	22	21		24	26	16			31	
1364	12	12A6	01012327	Lê Nguyễn Thanh Kiên	18/12/2009	Nam	10	10	22	21		24	26	16			31	
1365	12	12A6	01012328	Bùi Tấn Lộc	03/11/2009	Nam	11	11	23	22		25	26	16			31	
1366	12	12A6	01012329	Dương Thiên Lộc	01/10/2009	Nam	11	11	23	22		25	26	16			31	
1367	12	12A6	01012330	Trần Lê Họa Mi	20/07/2009	Nữ	11	11	23	22		26	27	17			32	
1368	12	12A6	01012331	Lê Nhật Minh	01/01/2009	Nam	11	11	23	23		26	27	17			32	
1369	12	12A6	01012332	Ngô Thành Nam	28/09/2009	Nam	12	12	24	23		26	28	17			32	
1370	12	12A6	01012333	Huỳnh Kim Ngân	01/10/2009	Nữ	12	12	24	23		27	28	17			32	
1371	12	12A6	01012334	Hoàng Lê Bảo Ngọc	17/12/2009	Nữ	13	13	25	24		27	28	18			33	
1372	12	12A6	01012335	Phan Nguyễn	27/05/2009	Nam	14	14	26	25		28	29	18			33	
1373	12	12A6	01012336	Nguyễn Lê Thảo Nguyên	06/04/2009	Nữ	14	14	26	25		28	29	19			33	
1374	12	12A6	01012337	Lê Đỗ Trung Nguyên	27/04/2009	Nam	14	14	26	25		29	29	19			33	
1375	12	12A6	01012338	Nguyễn Việt Nhân	26/08/2009	Nam	15	15	27	26		29	30	19			33	
1376	12	12A6	01012339	Đỗ Quốc Thanh Nhi	10/09/2009	Nữ	15	15	27	26		29	30	19			33	
1377	12	12A6	01012340	Phạm Hoàng Nhung	06/06/2009	Nữ	15	15	27	26		30	30	19			34	
1378	12	12A6	01012341	Huỳnh Nguyễn Kim Phụng	05/05/2009	Nữ	17	17	29	28		31	32	21			34	
1379	12	12A6	01012342	Vũ Thị Hà Phương	04/11/2009	Nữ	17	17	29	28		31	32	21			34	
1380	12	12A6	01012343	Huỳnh Minh Quang	25/09/2009	Nam	18	18	30	29		32	32	21			34	
1381	12	12A6	01012344	Nguyễn Mạnh Thắng	01/06/2009	Nam	19	19	31	30		33	33	21			35	
1382	12	12A6	01012345	Phan Thanh Thanh	24/12/2009	Nữ	19	19	31	30		33	33	22			35	
1383	12	12A6	01012346	Nguyễn Thị Thanh Thảo	29/04/2009	Nữ	19	19	31	30		33	34	22			35	
1384	12	12A6	01012347	Lê Ngọc Minh Thơ	05/12/2009	Nữ	20	20	32	31		34	34	22			35	
1385	12	12A6	01012348	Phạm Nhật Tiến	18/06/2009	Nam	21	21	33	31		34	34	22			35	
1386	12	12A6	01012349	Bùi Vũ Bảo Trâm	06/10/2009	Nữ	21	21	33	32		35	35	23			36	
1387	12	12A6	01012350	Tô Ngọc Trâm	29/01/2009	Nữ	21	21	33	32		35	35	23			36	
1388	12	12A6	01012351	Huỳnh Cao Trí	25/11/2009	Nam	21	21	33	32		35	35	23			36	
1389	12	12A6	01012352	Lê Thanh Trúc	22/06/2009	Nữ	22	22	34	32		35	35	23			36	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
1390	12	12A6	01012353	Trần Như Xuân	13/10/2009	Nữ	24	24	36	35		37	37	24			37	
1391	12	12A7	01012354	Trần Ngọc Minh Anh	25/01/2009	Nữ	1	1	13	13		16	19	10			27	
1392	12	12A7	01012355	Võ Phương Anh	06/12/2009	Nữ	2	2	14	14		17	19	10			27	
1393	12	12A7	01012356	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	05/12/2009	Nữ	2	2	14	14		17	20	11			27	
1394	12	12A7	01012357	Thái Hà Bắc	04/02/2009	Nam	3	3	15	14		17	20	11			28	
1395	12	12A7	01012358	Trần Huỳnh Khánh Bằng	12/10/2009	Nữ	3	3	15	15		18	20	11			28	
1396	12	12A7	01012359	Trần Nguyên Bảo	12/10/2009	Nam	3	3	15	15		18	20	11			28	
1397	12	12A7	01012360	Kiều Thiên Bảo	12/12/2009	Nam	3	3	15	15		18	20	11			28	
1398	12	12A7	01012361	Lê Ngọc Minh Châu	07/08/2009	Nữ	3	3	15	15		18	21	11			28	
1399	12	12A7	01012362	Nguyễn Linh Chi	11/07/2009	Nữ	4	4	16	15		19	21	11			28	
1400	12	12A7	01012363	Huỳnh Công Danh	09/10/2009	Nam	4	4	16	16		19	21	12			29	
1401	12	12A7	01012364	Nguyễn Anh Đức	17/12/2009	Nam	5	5	17	17		20	22	12			29	
1402	12	12A7	01012365	Trần Thụy Ánh Dương	12/11/2009	Nữ	5	5	17	17		20	22	12			29	
1403	12	12A7	01012366	Lê Hồng Hải	21/09/2009	Nam	6	6	18	18		21	23	13			29	
1404	12	12A7	01012367	Nguyễn Thái Kim Hân	22/07/2009	Nữ	7	7	19	18		21	23	13			30	
1405	12	12A7	01012368	Dương Phan Ngọc Hân	24/06/2009	Nữ	7	7	19	18		21	23	13			30	
1406	12	12A7	01012369	Trần Nguyễn Gia Huy	19/11/2009	Nam	8	8	20	19		22	24	14			30	
1407	12	12A7	01012370	Trịnh Việt Huy	27/09/2009	Nam	8	8	20	20		23	25	15			30	
1408	12	12A7	01012371	Bùi Gia Khang	07/07/2009	Nam	9	9	21	20		23	25	15			30	
1409	12	12A7	01012372	Trịnh Quốc Khánh	25/03/2009	Nam	9	9	21	21		24	25	15			31	
1410	12	12A7	01012373	Nguyễn Minh Khôi	04/01/2009	Nam	10	10	22	21		24	26	15			31	
1411	12	12A7	01012374	Nguyễn Thị Khánh Linh	06/06/2009	Nữ	10	10	22	22		25	26	16			31	
1412	12	12A7	01012375	Nguyễn Hoàng Thùy Linh	09/05/2009	Nữ	10	10	22	22		25	26	16			31	
1413	12	12A7	01012376	Lê Bửu Lộc	30/07/2009	Nam	11	11	23	22		25	26	16			31	
1414	12	12A7	01012377	Trần Hồ Hoàng Long	09/06/2009	Nam	11	11	23	22		25	27	16			32	
1415	12	12A7	01012378	Đào Hoàng Minh	14/10/2009	Nam	11	11	23	23		26	27	17			32	
1416	12	12A7	01012379	Nguyễn Trần Hoàng Ngân	30/05/2009	Nữ	12	12	24	23		26	28	17			32	
1417	12	12A7	01012380	Đặng Kim Ngân	30/05/2009	Nữ	12	12	24	23		27	28	17			32	
1418	12	12A7	01012381	Hồ Lê Hồng Ngọc	09/01/2009	Nữ	13	13	25	24		28	29	18			33	
1419	12	12A7	01012382	Nguyễn Như Ngọc	07/05/2009	Nữ	14	14	26	25		28	29	18			33	
1420	12	12A7	01012383	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	27/01/2009	Nữ	14	14	26	25		28	29	19			33	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
1421	12	12A7	01012384	Trần Lê Ý Nhi	30/07/2009	Nữ	15	15	27	26		29	30	19			33	
1422	12	12A7	01012385	Võ Ngọc Yến Nhi	03/09/2009	Nữ	15	15	27	26		29	30	19			33	
1423	12	12A7	01012386	Phan Thông Duy Phong	23/11/2009	Nam	16	16	28	27		30	31	20			34	
1424	12	12A7	01012387	Đặng Hào Phú	26/08/2009	Nam	16	16	28	27		30	31	20			34	
1425	12	12A7	01012388	Mã Phan Thiên Phú	29/05/2009	Nam	16	16	28	27		31	31	20			34	
1426	12	12A7	01012389	Nguyễn Thị Thu Sang	31/10/2009	Nữ	18	18	30	29		32	33	21			34	
1427	12	12A7	01012390	Lê Bảo Trân	26/11/2009	Nữ	21	21	33	32		35	35	23			36	
1428	12	12A7	01012391	Nguyễn Thanh Trúc	05/03/2009	Nữ	22	22	34	32		35	35	23			36	
1429	12	12A7	01012392	Huỳnh Hoàng Tuấn	02/01/2009	Nam	22	22	34	33		36	36	23			36	
1430	12	12A7	01012393	Trần Đào Cát Tuyền	12/12/2009	Nữ	22	22	34	33		36	36	23			36	
1431	12	12A7	01012394	Lê Trần Phương Uyên	11/10/2009	Nữ	22	22	34	33		36	36	23			37	
1432	12	12A7	01012395	Nguyễn Công Vinh	16/03/2009	Nam	23	23	35	33		36	36	24			37	
1433	12	12A8	01012396	Nguyễn Đặng Phương Anh	14/01/2009	Nữ	2	2	14	13		16	19	10			27	
1434	12	12A8	01012397	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	20/02/2009	Nữ	2	2	14	14		17	20	10			27	
1435	12	12A8	01012398	Phạm Minh Châu	17/01/2009	Nữ	4	4	16	15		18	21	11			28	
1436	12	12A8	01012399	Phạm Xuân Chi	03/08/2009	Nữ	4	4	16	16		19	21	11			28	
1437	12	12A8	01012400	Nguyễn Lê Nhật Cường	04/07/2009	Nam	4	4	16	16		19	21	12			28	
1438	12	12A8	01012401	Hồ Phước Đạm	13/04/2009	Nam	4	4	16	16		19	21	12			28	
1439	12	12A8	01012402	Nguyễn Lâm Minh Đăng	24/02/2009	Nam	4	4	16	16		19	21	12			29	
1440	12	12A8	01012403	Nguyễn Công Danh	14/07/2009	Nam	5	5	17	16		19	21	12			29	
1441	12	12A8	01012404	Nguyễn Tấn Đạt	10/01/2009	Nam	5	5	17	16		19	22	12			29	
1442	12	12A8	01012405	Dương Trọng Đạt	23/05/2009	Nam	5	5	17	16		19	22	12			29	
1443	12	12A8	01012406	Lê Tuấn Duy	29/12/2009	Nam	6	6	18	17		20	22	13			29	
1444	12	12A8	01012407	Lâm Ái Duyên	13/11/2009	Nữ	6	6	18	17		20	22	13			29	
1445	12	12A8	01012408	Ngô Gia Hân	25/07/2009	Nữ	6	6	18	18		21	23	13			29	
1446	12	12A8	01012409	Nguyễn Ngọc Hân	12/08/2009	Nữ	7	7	19	18		21	23	13			30	
1447	12	12A8	01012410	Trần Nguyễn Gia Huy	19/08/2009	Nam	8	8	20	19		22	24	14			30	
1448	12	12A8	01012411	Nguyễn Hải Huy	22/03/2009	Nam	8	8	20	19		22	24	14			30	
1449	12	12A8	01012412	Nguyễn Tiến Khoa	24/09/2009	Nam	10	10	22	21		24	25	15			31	
1450	12	12A8	01012413	Nguyễn Đình Khôi	03/09/2009	Nam	10	10	22	21		24	26	15			31	
1451	12	12A8	01012414	Nguyễn Minh Khôi	18/08/2009	Nam	10	10	22	21		24	26	15			31	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
1452	12	12A8	01012415	Nguyễn Phước Khởi	14/10/2009	Nam	10	10	22	21		24	26	15			31	
1453	12	12A8	01012416	Ngô Gia Kiệt	19/02/2009	Nam	10	10	22	21		24	26	16			31	
1454	12	12A8	01012417	Trịnh Trúc Linh	22/10/2009	Nữ	10	10	22	22		25	26	16			31	
1455	12	12A8	01012418	Phạm Nguyễn Tiến Lộc	12/12/2009	Nam	11	11	23	22		25	27	16			32	
1456	12	12A8	01012419	Nguyễn Long	28/12/2009	Nam	11	11	23	22		25	27	16			32	
1457	12	12A8	01012420	Trần Nguyễn Khánh Ngân	12/05/2009	Nữ	12	12	24	23		26	28	17			32	
1458	12	12A8	01012421	Hà Bảo Ngọc	21/06/2009	Nữ	13	13	25	24		27	28	18			32	
1459	12	12A8	01012422	Nguyễn Hồng Ngọc	16/07/2009	Nữ	13	13	25	24		28	29	18			33	
1460	12	12A8	01012423	Ngô Thị Trâm Ngọc	16/11/2009	Nữ	14	14	26	25		28	29	18			33	
1461	12	12A8	01012424	Nghiêm Hoàng Hạnh Nguyên	08/05/2009	Nữ	14	14	26	25		28	29	18			33	
1462	12	12A8	01012425	Trần Nguyễn Thảo Nguyên	07/07/2009	Nữ	14	14	26	25		29	29	19			33	
1463	12	12A8	01012426	Võ Lê Hữu Nhân	14/01/2009	Nam	15	15	27	26		29	30	19			33	
1464	12	12A8	01012427	Nguyễn Thành Nhân	28/10/2009	Nam	15	15	27	26		29	30	19			33	
1465	12	12A8	01012428	Nguyễn Vĩnh Phát	24/05/2009	Nam	16	16	28	27		30	31	20			34	
1466	12	12A8	01012429	Nguyễn Gia Phúc	05/09/2009	Nam	17	17	29	28		31	31	20			34	
1467	12	12A8	01012430	Lưu Hoàng Phúc	26/11/2009	Nam	17	17	29	28		31	31	20			34	
1468	12	12A8	01012431	Nguyễn Hoàng Phúc	05/06/2009	Nam	17	17	29	28		31	31	20			34	
1469	12	12A8	01012432	Phan Tân Tài	22/03/2009	Nam	19	19	31	29		33	33	21			34	
1470	12	12A8	01012433	Luyện Ngọc Toàn Thắng	28/09/2009	Nam	19	19	31	30		33	33	21			35	
1471	12	12A8	01012434	Trần Ngọc Quốc Thịnh	29/07/2009	Nam	19	19	31	30		33	34	22			35	
1472	12	12A8	01012435	Trần Quốc Thịnh	12/05/2009	Nam	19	19	31	30		33	34	22			35	
1473	12	12A8	01012436	Phạm Ngọc Anh Thư	14/09/2009	Nữ	20	20	32	31		34	34	22			35	
1474	12	12A8	01012437	Nguyễn Anh Thư	31/07/2009	Nữ	20	20	32	31		34	34	22			35	
1475	12	12A8	01012438	Phạm Huỳnh Thảo Uyên	09/11/2009	Nữ	22	22	34	33		36	36	23			37	
1476	12	12A8	01012439	Nguyễn Ái Vy	06/05/2009	Nữ	23	23	35	34		37	37	24			37	
1477	12	12A8	01012440	Nguyễn Khánh Vy	17/11/2009	Nữ	23	23	35	34		37	37	24			37	
1478	12	12A9	01012441	Nguyễn Steffi Bình An	04/08/2009	Nữ	1	1	13	13		16	19	10		14		
1479	12	12A9	01012442	Đào Phương An	06/03/2009	Nữ	1	1	13	13		16	19	10		14		
1480	12	12A9	01012443	Bùi Hồng Anh	10/02/2009	Nam	1	1	13	13		16	19	10		14		
1481	12	12A9	01012444	Nguyễn Hồng Anh	15/01/2009	Nữ	1	1	13	13		16	19	10		14		
1482	12	12A9	01012445	Nguyễn Ngọc Lan Anh	11/06/2009	Nữ	1	1	13	13		16	19	10		14		

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPL	Tin	CN
1483	12	12A9	01012446	Vũ Trần Lan Anh	27/11/2009	Nữ	1	1	13	13		16	19	10		14		
1484	12	12A9	01012447	Nguyễn Thị Minh Ánh	11/11/2009	Nữ	1	1	13	13		16	19	10		14		
1485	12	12A9	01012448	Phan Ngọc Bân Bân	05/11/2009	Nữ	3	3	15	15		18	20	11		15		
1486	12	12A9	01012449	Dương Gia Bảo	14/04/2009	Nữ	3	3	15	15		18	20	11		15		
1487	12	12A9	01012450	Ngô Thị Minh Châu	07/08/2009	Nữ	4	4	16	15		18	21	11		15		
1488	12	12A9	01012451	Vương Bảo Doanh	08/03/2009	Nữ	5	5	17	17		20	22	12		16		
1489	12	12A9	01012452	Lâm Ngọc Ánh Dương	26/04/2009	Nữ	5	5	17	17		20	22	12		16		
1490	12	12A9	01012453	Lê Văn Dương	25/09/2009	Nam	5	5	17	17		20	22	12		16		
1491	12	12A9	01012454	Nguyễn Nhật Duy	05/06/2009	Nam	5	5	17	17		20	22	13		16		
1492	12	12A9	01012455	Cao Nguyễn Thùy Duyên	29/09/2009	Nữ	6	6	18	17		20	23	13		16		
1493	12	12A9	01012456	Nguyễn Ngọc Lâm Giang	01/06/2009	Nữ	6	6	18	17		20	23	13		16		
1494	12	12A9	01012457	Nguyễn Gia Hân	04/10/2009	Nữ	7	7	19	18		21	23	13		17		
1495	12	12A9	01012458	Lê Phạm Gia Hân	12/01/2009	Nữ	7	7	19	18		21	23	13		17		
1496	12	12A9	01012459	Trần Hùng	17/10/2009	Nam	7	7	19	19		22	24	14		17		
1497	12	12A9	01012460	Bùi Trần Quỳnh Hương	30/04/2009	Nữ	8	8	20	19		22	24	14		17		
1498	12	12A9	01012461	Đào Hải Huy	10/06/2009	Nam	8	8	20	19		22	24	14		17		
1499	12	12A9	01012462	Võ Hoàng Huy	16/03/2009	Nam	8	8	20	20		23	24	14		17		
1500	12	12A9	01012463	Nguyễn Anh Khôi	17/10/2009	Nam	10	10	22	21		24	26	15		18		
1501	12	12A9	01012464	Lương Thị Mỹ Linh	31/10/2009	Nữ	10	10	22	22		25	26	16		18		
1502	12	12A9	01012465	Lai Tuệ Mẫn	14/06/2009	Nữ	11	11	23	22		26	27	16		18		
1503	12	12A9	01012466	Trần Hoàng Bảo Nam	29/05/2009	Nam	12	12	24	23		26	27	17		19		
1504	12	12A9	01012467	Huỳnh Hữu Nghị	09/01/2009	Nam	13	13	25	24		27	28	17		19		
1505	12	12A9	01012468	Lâm Bảo Ngọc	28/09/2009	Nữ	13	13	25	24		27	28	18		19		
1506	12	12A9	01012469	Lý Hồng Ngọc	05/01/2009	Nữ	13	13	25	24		28	29	18		19		
1507	12	12A9	01012470	Huỳnh Khánh Ngọc	05/09/2009	Nữ	14	14	26	25		28	29	18		19		
1508	12	12A9	01012471	Nguyễn Thị Kim Ngọc	22/06/2009	Nữ	14	14	26	25		28	29	18		19		
1509	12	12A9	01012472	Trần Phúc Nguyên	01/12/2009	Nam	14	14	26	25		28	29	18		20		
1510	12	12A9	01012473	Lữ Võ Quang Nhật	09/08/2009	Nam	15	15	27	26		29	30	19		20		
1511	12	12A9	01012474	Lại Ngô Xuân Nhi	25/03/2009	Nữ	15	15	27	26		29	30	19		20		
1512	12	12A9	01012475	Lâm Thiên Phú	08/10/2009	Nam	16	16	28	27		30	31	20		20		
1513	12	12A9	01012476	Lê Thị Hồng Phúc	19/08/2009	Nữ	17	17	29	28		31	31	20		20		

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
1514	12	12A9	01012477	Nguyễn Lan Phương	02/01/2009	Nữ	18	18	30	28		32	32	21		21		
1515	12	12A9	01012478	Lâm Hà Gia Quyên	27/03/2009	Nữ	18	18	30	29		32	33	21		21		
1516	12	12A9	01012479	Đặng Ngọc Như Quỳnh	31/03/2009	Nữ	18	18	30	29		32	33	21		21		
1517	12	12A9	01012480	Bùi Lê Ngọc Suối	12/11/2009	Nam	18	18	30	29		32	33	21		21		
1518	12	12A9	01012481	Mã Ngọc Anh Thơ	07/01/2009	Nữ	20	20	32	30		34	34	22		22		
1519	12	12A9	01012482	Phạm Kiều Tiên	03/08/2009	Nữ	20	20	32	31		34	34	22		22		
1520	12	12A9	01012483	Lâm Phan Bảo Trân	15/02/2009	Nữ	21	21	33	32		35	35	23		23		
1521	12	12A9	01012484	Phan Trần Phương Vy	05/08/2009	Nữ	24	24	36	34		37	37	24		24		
1522	12	12A9	01012485	Châu Thụy Tường Vy	01/09/2009	Nữ	24	24	36	35		37	37	24		24		
1523	12	12AP1	01012486	Nguyễn Trường An	03/10/2009	Nam	1	1	13	13					24	14	27	23
1524	12	12AP1	01012487	Phan Nguyễn Loan Anh	28/05/2009	Nữ	1	1	13	13					24	14	27	23
1525	12	12AP1	01012488	Lê Nguyễn Quỳnh Anh	25/12/2009	Nữ	2	2	14	14					24	14	27	23
1526	12	12AP1	01012489	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	20/07/2009	Nữ	2	2	14	14					24	14	27	23
1527	12	12AP1	01012490	Trần Hải Chung	21/09/2009	Nam	4	4	16	16					25	15	28	23
1528	12	12AP1	01012491	Lê Chí Đức	16/02/2009	Nam	5	5	17	17					26	16	29	24
1529	12	12AP1	01012492	Cao Khánh Duy	09/07/2009	Nam	5	5	17	17					26	16	29	24
1530	12	12AP1	01012493	Võ Như Ngân Hà	28/08/2009	Nữ	6	6	18	18					26	16	29	24
1531	12	12AP1	01012494	Lê Thanh Hoà	22/05/2009	Nam	7	7	19	19					27	17	30	24
1532	12	12AP1	01012495	Phạm Gia Khiêm	10/09/2009	Nam	9	9	21	21					28	18	31	24
1533	12	12AP1	01012496	Nguyễn Lê Như Ngọc	20/08/2009	Nữ	14	14	26	25					30	19	33	25
1534	12	12AP1	01012497	Nguyễn Thị Yến Nhi	18/04/2009	Nữ	15	15	27	26					31	20	33	26
1535	12	12AP1	01012498	Lư Nguyễn Yến Phi	24/12/2009	Nữ	16	16	28	27					31	20	34	26
1536	12	12AP1	01012499	Đỗ Minh Thư	27/10/2009	Nữ	20	20	32	31					33	22	35	27
1537	12	12AP1	01012500	Đinh Thị Ngọc Thư	22/08/2009	Nữ	20	20	32	31					33	22	35	27
1538	12	12AP1	01012501	Huỳnh Ngọc Mỹ Tiên	20/09/2009	Nữ	20	20	32	31					34	22	35	27
1539	12	12AP1	01012502	Trần Thị Nhã Trân	10/03/2009	Nữ	21	21	33	32					34	23	36	27
1540	12	12AP1	01012503	Võ Lê Thùy Trang	27/05/2009	Nữ	21	21	33	32					34	23	36	27
1541	12	12AP1	01012504	Thị Thanh Trúc	26/03/2009	Nữ	22	22	34	33					34	23	36	28
1542	12	12AP1	01012505	Nguyễn Thị Ngọc Tú	27/07/2009	Nữ	22	22	34	33					35	23	36	28
1543	12	12AP1	01012506	Cao Kỳ Vy	12/01/2009	Nữ	23	23	35	34					36	24	37	28
1544	12	12AP1	01012507	Nguyễn Phương Vy	08/01/2009	Nữ	24	24	36	34					36	24	37	28

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
1545	12	12AP1	01012508	Mai Như Ý	06/08/2009	Nữ	24	24	36	35					36	24	37	28
1546	12	12AP1	01012509	La Trần Trâm Anh	30/09/2009	Nữ	2	2	14		36				24	15	27	23
1547	12	12AP1	01012510	Dương Đoàn Gia Bảo	01/12/2009	Nam	3	3	15		36				25	15	28	23
1548	12	12AP1	01012511	Cao Nguyễn Phương Châm	19/04/2009	Nữ	3	3	15		36				25	15	28	23
1549	12	12AP1	01012512	Thái Ngô Ngọc Châu	29/03/2009	Nữ	4	4	16		36				25	15	28	23
1550	12	12AP1	01012513	Lê Thanh Hải	16/09/2009	Nam	6	6	18		36				26	16	29	24
1551	12	12AP1	01012514	Nguyễn Xuân Hương	12/11/2009	Nữ	8	8	20		36				27	17	30	24
1552	12	12AP1	01012515	Văn Mỹ Lê	10/09/2009	Nữ	10	10	22		37				28	18	31	25
1553	12	12AP1	01012516	Đoàn Nguyễn Kim Ngân	12/07/2009	Nữ	12	12	24		37				29	19	32	25
1554	12	12AP1	01012517	Lê Nguyễn Phương Nghi	02/01/2009	Nữ	13	13	25		37				30	19	32	25
1555	12	12AP1	01012518	Trần Quang Phát	09/08/2009	Nam	16	16	28		37				31	20	34	26
1556	12	12AP1	01012519	Mai Lan Thảo	30/03/2009	Nữ	19	19	31		37				33	22	35	26
1557	12	12AP1	01012520	Huỳnh Thị Bảo Thy	27/08/2009	Nữ	20	20	32		37				34	22	35	27
1558	12	12AP1	01012521	Nguyễn Bảo Trân	14/06/2009	Nữ	21	21	33		37				34	23	36	27
1559	12	12AP1	01012522	Huỳnh Tuyết Tuyết	24/04/2009	Nữ	22	22	34		37				35	23	37	28
1560	12	12AP1	01012523	Đặng Huyền Vinh	18/09/2009	Nam	23	23	35		37				35	24	37	28
1561	12	12AP2	01012524	Đào Ngọc Mai Anh	21/06/2009	Nữ	1	1	13	13		16			24	14	27	
1562	12	12AP2	01012525	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	07/04/2009	Nữ	2	2	14	14		17			24	15	27	
1563	12	12AP2	01012526	Trần Gia Bảo	31/12/2009	Nam	3	3	15	15		18			25	15	28	
1564	12	12AP2	01012527	Nguyễn Trương Thành Đạt	09/03/2009	Nam	5	5	17	16		19			26	16	29	
1565	12	12AP2	01012528	Nguyễn Vũ Khánh Hà	04/08/2009	Nữ	6	6	18	18		21			26	16	29	
1566	12	12AP2	01012529	Nguyễn Phú Hóa	15/07/2009	Nam	7	7	19	19		22			27	17	30	
1567	12	12AP2	01012530	Cao Hoàng Khả	23/07/2009	Nam	9	9	21	20		23			28	17	30	
1568	12	12AP2	01012531	Trịnh Hoàng Khang	08/10/2009	Nam	9	9	21	20		23			28	17	30	
1569	12	12AP2	01012532	Nguyễn Ngọc Khả My	26/10/2009	Nữ	12	12	24	23		26			29	18	32	
1570	12	12AP2	01012533	Văng Bảo Ngân	27/07/2009	Nữ	12	12	24	23		26			29	19	32	
1571	12	12AP2	01012534	Võ Hoàng Thanh Ngân	14/11/2009	Nữ	13	13	25	24		27			29	19	32	
1572	12	12AP2	01012535	Lê Bảo Ngọc	21/02/2009	Nữ	13	13	25	24		27			30	19	32	
1573	12	12AP2	01012536	Nguyễn Hồng Ngọc	25/11/2009	Nữ	13	13	25	25		28			30	19	33	
1574	12	12AP2	01012537	Đinh Phạm Thanh Ngọc	24/11/2009	Nữ	14	14	26	25		28			30	19	33	
1575	12	12AP2	01012538	Đoàn Thị Quỳnh Như	15/04/2009	Nữ	15	15	27	26		29			31	20	33	

STT	Khối	Lớp	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	PHÒNG KIỂM TRA											
							Toán	Văn	Sử	Anh	Pháp	Lí	Hóa	Sinh	Địa	KTPI	Tin	CN
1576	12	12AP2	01012539	Võ Lê Xuân Như	23/01/2009	Nữ	15	15	27	26		30			31	20	34	
1577	12	12AP2	01012540	Trần Đức Quốc	25/06/2009	Nam	18	18	30	29		32			32	21	34	
1578	12	12AP2	01012541	Võ Trường Thịnh	08/04/2009	Nam	20	20	32	30		34			33	22	35	
1579	12	12AP2	01012542	Nguyễn Hoàng Anh Thơ	14/11/2009	Nữ	20	20	32	30		34			33	22	35	
1580	12	12AP2	01012543	Phạm Chí Thuận	02/04/2009	Nam	20	20	32	31		34			33	22	35	
1581	12	12AP2	01012544	Trương Tài Trí	04/04/2009	Nam	21	21	33	32		35			34	23	36	
1582	12	12AP2	01012545	Nguyễn Xuân Trúc	10/10/2009	Nữ	22	22	34	33		35			34	23	36	
1583	12	12AP2	01012546	Nguyễn Huỳnh Hữu Tuấn	13/04/2009	Nam	22	22	34	33		36			35	23	36	
1584	12	12AP2	01012547	Võ Đình Khánh Vy	04/11/2009	Nữ	23	23	35	34		37			36	24	37	
1585	12	12AP2	01012548	Phạm Dương Thảo Vy	24/11/2009	Nữ	24	24	36	34		37			36	24	37	
1586	12	12AP2	01012549	Nguyễn Ngọc Tường Vy	17/11/2009	Nữ	24	24	36	35		37			36	24	37	
1587	12	12AP2	01012550	Nguyễn Thanh Khả Ái	18/07/2009	Nữ	1	1	13		36	16			24	14	27	
1588	12	12AP2	01012551	Đinh Ngọc Anh	06/11/2009	Nữ	1	1	13		36	16			24	14	27	
1589	12	12AP2	01012552	Bùi Lê Quốc Anh	07/10/2009	Nam	2	2	14		36	17			24	14	27	
1590	12	12AP2	01012553	Nguyễn Ngọc Tuyết Băng	14/11/2009	Nữ	3	3	15		36	18			25	15	28	
1591	12	12AP2	01012554	Nguyễn Gia Bảo	24/12/2009	Nam	3	3	15		36	18			25	15	28	
1592	12	12AP2	01012555	Huỳnh Kim Chi	10/05/2009	Nữ	4	4	16		36	19			25	15	28	
1593	12	12AP2	01012556	Thái Nguyễn Chân Dương	21/07/2009	Nam	5	5	17		36	20			26	16	29	
1594	12	12AP2	01012557	Ngô Bùi Việt Hưng	18/08/2009	Nam	8	8	20		36	22			27	17	30	
1595	12	12AP2	01012558	Lý Gia Huy	28/04/2009	Nam	8	8	20		36	22			27	17	30	
1596	12	12AP2	01012559	Phạm Gia Khiêm	07/11/2009	Nam	9	9	21		36	24			28	18	31	
1597	12	12AP2	01012560	Nguyễn Lộc	13/08/2009	Nam	11	11	23		37	25			29	18	31	
1598	12	12AP2	01012561	Nguyễn Xuân Mai	29/09/2009	Nữ	11	11	23		37	25			29	18	32	
1599	12	12AP2	01012562	Trần Hồng Mẫn	20/07/2009	Nữ	11	11	23		37	25			29	18	32	
1600	12	12AP2	01012563	Đỗ Trọng Nghĩa	01/04/2009	Nam	13	13	25		37	27			30	19	32	
1601	12	12AP2	01012564	Trịnh Lý Đình Nguyên	20/01/2009	Nam	14	14	26		37	28			30	19	33	
1602	12	12AP2	01012565	Nguyễn Đức Đăng Quang	04/11/2009	Nam	18	18	30		37	32			32	21	34	
1603	12	12AP2	01012566	Đỗ Nguyễn Vương	23/02/2009	Nam	23	23	35		37	36			35	24	37	